

Viết & Đọc



Đặc San 2012

Viết & Đọc
Đặc San 2012



Thực hiện

Đinh Ngọc Căn, Dương Kim,
Đặng Bản, Thanh Hiệp,
Nguyễn Văn Thực

Góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh,
Khánh Hà, Cổ Ngư, Đặng
Trình, Cung Vĩnh Viễn,
Dương Kim, Mạch Nha,
Nguyễn Thủy Nam, Đoàn
Mai Tâm, Dương Kiên,
Phạm Tín An Ninh, Nguyễn
Văn Thà, Trần Thụy Minh,
Trường Đình, Thi Hạnh.

Bìa:

Đặng Văn Ty

liên lạc

post@vietdoc.no

hoặc

Đinh Ngọc Căn
Utholtvn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không
phải là tiếng nói của đoàn
thể hay bất kỳ tổ chức nào.
Mọi chi phí ấn loát do sự
đóng góp của các thân hữu
và bạn đọc.

mục lục

Ngô	Ban Thực Hiện	3
RÔNG - một con giáp không có thật	Hoài Mỹ	4
Đường mùa xuân, Nhìn núi	Cổ Ngư	16
Mùa xuân với thi nhân	Nguyễn Thủy Nam	18
Chưa một lần	Thi Hạnh	25
Hạnh phúc xót xa	Phạm Tín An Ninh	26
Như trong cổ tích,		
Theo bước thời gian	Khánh Hà	34
Những cuộc rong chơi	Đoàn Mai Tâm	35
Mùa xuân chín	Hàn Mặc Tử	37
Thơ cuối năm 2011, Tâm cảnh,		
Chiều hôm	Cung Vĩnh Viễn	38
Chiều hồi ngôn từ	Tâm Thanh	40
Xin giây phút sẽ mãi là muôn thuở,		
Vẫn còn một chút ước mơ	Thi Hạnh	49
Cậu học trò - Skolegutt	Dương Kim dịch	50
Bữa cơm đặc biệt	Mạch Nha	53
Vết nắng cuối chiều	Phạm Tín An Ninh	54
Người con gái của Quốc Mẫu (2)	Nguyễn Văn Thà	63
Đi trên con đường số không	Nguyễn Thủy Nam	67
Khai từ	Dương Kiên	68
Tiếng vĩ cầm đêm		
thơ	Trường Đình	
nhạc	Trần Thụy Minh	70

Ngỏ 2012

Bạn thân mến!

Năm 2012 bắt đầu bằng cái lạnh không khắc nghiệt như mọi năm, mực thủy ngân trong nhiệt kế chỉ nằm quanh quần ở độ không. Quả là một hiện tượng khí tượng thủy văn bất bình thường. Thêm vào đó, những cơn bão liên tiếp ập vào thềm lục địa Na-uy mang đến thiệt hại vật chất đáng kể đến cho dân cư quanh vùng. Các nhà nghiên cứu môi trường lo ngại rằng đây có thể là hậu quả do trái đất đang dần bị hâm nóng và loại thời tiết sáng *nắng chiều mưa đêm đóng băng* như thế này sẽ xảy đến thường xuyên hơn ở tương lai. Nhưng ta hãy tạm gác lại những lo lắng ưu tư về số phận của quả đất để cùng tận hưởng một mùa đông "ấm áp" hiếm hoi, bạn nhé! Bởi đối với những người nhập cư như chúng ta, cho dù có hội nhập thành công với đời sống Na-uy bao nhiêu đi nữa thì ta vẫn cảm thấy mùa đông Bắc Âu ngày càng thăm thẳm và băng giá hơn.

Năm 2012 đánh dấu năm thứ 37 người Việt đi tỵ nạn cộng sản, sống đời xa xứ. Một tượng đài tỵ nạn Việt nam sắp được dựng lên tại Na-uy. Xây dựng tượng đài là một ý tưởng đẹp để tri ân đất nước và con người Na-uy đã cứu mang những người tỵ nạn chúng ta, và cũng để nhắc nhở cho các thế hệ sau lý do có mặt của người Việt tại đất nước này. Tất cả các kế hoạch từ việc lên chương trình, tổ chức cuộc thi điêu khắc, vận động quyên góp tài chánh... diễn ra khá suôn sẻ và tốt đẹp trong tinh thần dân chủ khoáng đạt. Niềm khích lệ lớn cho tinh thần dân thân của những thành viên trong Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài là được sự ủng hộ nhiệt tình từ đại đa số tập thể người Việt không phân biệt tôn giáo, hội đoàn, tuổi tác... Thành công trong việc vận động xây tượng đài lần này nhắc cho chúng ta nhớ sức mạnh của một cộng đồng đoàn kết và với một cộng đồng đoàn kết thì không thế lực nào có thể quấy phá được. Bạn hãy theo dõi tiến trình xây dựng tượng đài và tiếp tục đóng góp tài chánh cho quỹ tượng đài qua trang nhà: www.thuyennhannaauy.com.

Năm 2012 - Viết &Đọc bắt đầu năm mới với truyền thống hàng năm là phát hành đặc san 2012. Đây là chọn lọc những sáng tác từ những cây bút quen thuộc. Mong bạn tìm được một chút hương vị ngày Xuân trong những bài viết này. Trước thềm năm mới năm con rồng, ban thực hiện Viết & Đọc mến chúc tất cả bạn đọc cùng gia quyến một năm mới an khang thịnh vượng.

Ban Thực Hiện

RỒNG - một con giáp không có thật



Hoài Mỹ

Vâng đúng vậy, xin trân trọng xác minh ngay rằng trong 12 con giáp, chỉ có Rồng là không có thật trên vũ trụ này.

Cứ theo truyền thuyết tuyển lựa 12 con vật để trao trách nhiệm cai quản trần gian trong chu kỳ 12 năm, Đức Phật đã cho phép hết mọi súc vật và cả toàn thể sâu bọ đều được tham dự cuộc thi bơi qua Thiên Giang. 12 thí sinh về đích trước thì được chọn và truy phong danh hiệu, như chuột về nhất, được gọi bằng một tên mới thơm tho hơn: Tí; trâu chiếm bậc nhì, thành Sửu; mèo thứ ba, thành Mão; và rồng đoạt hạng tư, thành Thìn...

Xuất xứ của Rồng? - Như trên đã xác quyết, Rồng vốn không có thật ở dương thế này, thế nhưng loài người từ Đông sang Tây vẫn cố gắng tranh giành mà giải thích về gốc gác, hình thù và biểu tượng của Rồng. Đúng hay sai, không quan trọng, chỉ cần “không thấy mà tin”.

Tuy vậy, các điều lai rai tâm sự dưới đây về Rồng hoàn toàn không do tác giả bài này cả gan “vẽ rồng vẽ rắn” - không dám đâu! - nhưng đều “nói có sách, mách có chứng” đấy.

* *Rồng phương Tây*: Dân tộc nào cũng công nhận Rồng là một loài vật huyền thoại. Tiếng Pháp cổ vào đầu thế kỷ 13 gọi Rồng là “drage”; từ ngữ này bởi tiếng Latin mà ra: “draconem” và có nghĩa là “con rắn lớn”, và cũng bởi tiếng Ai Cập: “drakon”, tức “con rắn hay con hải ngư khổng lồ”. Từ “drage” của Anh ngữ cũng phát xuất bởi tiếng “drákòn” Hy Lạp, cũng chỉ “con rắn nước vĩ đại, dài ơi là dài”.

Đến khi có môn sinh học, dựa trên hình dáng và cách sinh sống của Rồng, người ta liền cho đó có thể là những con khủng long

còn sót lại của thời tiền sử hoặc là loài thần lằn khổng lồ sống trong các hang động, vùng biển hay thung lũng, rừng núi hẻo lánh.

Trong các truyện cổ tích của các dân tộc ở Âu Châu, Rồng thường được miêu tả là loài bò sát, có vảy, đuôi dài, phun lửa hay nước và biết bay. Một số Rồng có tới 3 đầu; đầu nào cũng có khả năng tự mọc nếu bị chặt đầu cũ. Đã quá! Một số Rồng khác chỉ có một đầu, một mõm ngắn và quặp như mỏ đại bàng, nhìn y chang quí.

Đối với Tây Phương, Rồng mang biểu tượng sức mạnh phi thường nhưng lại nghiêng về khía cạnh độc ác, hung dữ. Tuy da của Rồng cứng chắc đến nỗi không loại vũ khí nào có thể sát thương được nhưng nếu bị đâm vào mắt hay lưỡi thì Rồng cũng tiêu đời luôn.

Cũng theo các truyện kể trên, Rồng thường được giao công tác giữ gìn kho báu, canh gác lâu đài hoặc hang động, những nơi vẫn được dùng để giam cầm công chúa hay người đẹp, nhưng vì Rồng “hữu dũng vô mưu” nên thường bị một dũng sĩ tài đức hạ thiết mạng để giải cứu mỹ nhân.

* *Rồng phương Đông*: Theo Trung quốc và các nước lân cận, Rồng là một trong bốn linh vật - Long, Lân (hay Ly), Quy, Phụng - nhưng trong số này, chỉ duy nhất có quy (rùa) là có thật. Cuối năm 1987, người ta khai quật được một con rồng bằng gốm ở tỉnh Hà Nam và giám định cổ vật này đã có hơn 6 ngàn năm tuổi.

Rồng theo chữ Hán đọc là “lung”, tuy nhiên từ xưa tới nay, người Việt vẫn đọc là “long”. Không hiểu có phải do từ “long” mà Việt ngữ có từ “rồng” hay không, bởi vì hai từ này xét ra đồng âm, đồng vận.

Đối với hầu hết dân tộc ở Á Châu,

Rồng có ảnh hưởng lớn lao trong đời sống tâm linh, và ngay từ thời xã hội nguyên thủy, Rồng đã nghiễm nhiên chiếm địa vị quan yếu trong nhiều lãnh vực như tín ngưỡng, văn học nghệ thuật, phong tục dân gian...

Ngược lại với phương Tây, Rồng phương Đông biểu tượng quyền uy, sự dũng cảm và mang đến nhiều điều cát tường.

So với 3 linh vật kia, Long hay Rồng chẳng những là đàn anh mà còn vượt Ly, Qui, Phụng về tất cả phương diện, bởi thế cũng chiếm được sự tôn kính lớn lao hơn cả trong lòng người đời. Chẳng thế mà dân tộc Việt Nam vẫn nhận mình thuộc dòng giống Rồng-Tiên.

Con Rồng-Cháu Tiên – Dĩ nhiên dân tộc nào cũng có những truyền kỳ lịch sử được thần thoại hóa, nhưng nói mà không sợ mang tiếng... đại nồ, ấy là truyền thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt xét ra hay nhất đây, với ý nghĩa cao đẹp mà không có dân tộc nào có được, bởi tuy mang vẻ huyền thoại nhưng lại phong phú tính hiện thực, thấm đậm nét nhân văn. Đã là người Việt, ai mà chẳng biết mình là con của “Bồ Lạc Mẹ Âu”.

Bồ Lạc tức là Lạc Long Quân, tên húy là Sùng Lãm, vốn thuộc gốc Thần Nông, làm vua phương Nam. Vì tài ba lỗi lạc siêu quần, mang lại ân đức cao dày cho khắp muôn nơi nên Lạc Long Quân được dân ví như Rồng. Ngay từ đầu triều đại, Lạc Long Quân đã xây dựng một đất nước rất ngon lành, có tôn ty trật tự đàng hoàng, tràn đầy đạo đức nhân luân. Cả xã hội cứ như thể một gia đình rộng lớn; mọi người đối xử với nhau bằng tình thương yêu và thành tín, kém chi “Thiên Đàng hạ giới”.

Lúc bấy giờ ở nước láng giềng có nàng con gái tên là Âu Cơ đoan trang hiền thực và nhan sắc tuyệt trần nên được mọi người ví như Tiên. Lạc Long Quân xin cưới làm vợ. Ăn ở với nhau được khoảng một năm thì Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng. 7 ngày sau, trứng nở thành trăm con trai. Cả trăm đều trí dũng song toàn. Một hôm Lạc Long Quân nói với vợ rằng: “Ta là Rồng, nàng là Tiên. Nay đã đến lúc phải chia tay, bởi thủy hỏa tương khắc, khó mà đoàn tụ lâu dài. Nay ta đem năm mươi con xuống biển, nàng mang năm mươi con lên núi, cùng phân trị các miền. Dù lên núi, xuống biển, hễ có việc gì, phải báo cho nhau biết, không được trái lời,

đừng có bỏ nhau...”

Thành ngữ “xuống biển” không có nghĩa là xuống đáy biển, nhưng là đi xuống miền duyên hải, như ca dao có câu: “Ở nhà chẳng muốn ở nhà - Muốn đi xuống biển cho hà ăn chân”

Chia tay Mẹ Âu Cơ, Bồ Lạc Long Quân đưa năm mươi con về biển Nam. Người con cả được phong là Hùng Vương nối ngôi cai trị Việt tộc và lập nên họ Hồng Bàng từ thời điểm này (theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim), tức từ năm 2878 trước Tây Lịch, như vậy lịch sử lập quốc của dân tộc ta tính đến nay sơ sơ cũng đã gần 5.000 năm rồi đây.

Theo các pho sử như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư do Ngô Sĩ Liêm biên soạn, Việt Sử Tiêu Án do Ngô Thời Sĩ biên soạn, vua Hùng đã dậy dân lấy mực xâm mình để tránh nạn thường luồng, giao long cắn hại mỗi khi đi biển. Từ đó nước ta có tục xâm mình. Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục còn ghi rõ hơn nữa: “Nhà ta khởi nghiệp từ bãi biển, cho nên thích vẽ Rồng vào đui, là có ý tỏ ra rằng không bao giờ vong bản”.

Vâng, vốn có truyền thuyết huyết thống thiêng liêng, máu mủ ruột rà, bởi cùng chung một bào thai của Mẹ Âu Cơ nên chỉ duy nhất trên thế gian này dân tộc Việt Nam mới có quyền gọi nhau là đồng bào:

Bọc điều trăm họ thai chung

Đồng bào tiếng gọi vô cùng Việt Nam...

Và cũng bởi Long phụ - Tiên mẫu mà ra, người Việt đời đời vẫn tự hào mình là Con Rồng - Cháu Tiên. Chẳng thế mà tổ tiên Việt Nam đã từng vỗ ngực, xác nhận nguồn gốc của mình đồng thời hạ bệ các chủng tộc khác, đặc biệt bọn xâm lăng - “như hà nghịch lỗ lai xâm phạm” - là loài thảo mộc hay rắn rít:

Trứng Rồng lại nở ra Rồng

Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.

*

Trứng Rồng lại nở ra Rồng

Liu diu lại nở ra giòu liu diu.

Rồng Việt Nam – Ấy như vừa kể, Rồng ngay từ đầu lịch sử nước Việt đã được quan niệm là “lý lịch” không chỉ của người dân mà còn là “quốc hiệu” của mỗi triều đại. Tiếc rằng quê hương ta lâm cảnh chiến tranh triền miên nên các sản phẩm lịch sử phần bị

phá hủy, phần bị quân đô hộ ăn cắp đem về nước chúng, thành ra di tích về Rồng còn lại không nhiều, tuy nhiên vẫn đủ để cho thấy những nét biến dạng của Rồng tùy theo thời kỳ. Chẳng hạn:

* Rồng thời nhà Ngô (938-965): Dựa vào di tích trên bức tường tìm được ở thành Cổ Loa, thân Rồng tương đối ngắn nhưng lại có tính chất cơ thể loài mèo với cái vây thanh tao của cá trên lưng

* Rồng thời Lý (1010-1225) thể hiện sự nhẹ nhàng, thanh thoát. Có lẽ bởi ảnh hưởng của tinh thần đạo Phật chăng?

* Rồng thời Trần (1225-1400) mạnh mẽ hơn nhiều với một thân hình vạm vỡ và khỏe khoắn. Chẳng lạ, bởi vào thời này, quân dân ta đã 3 lần đánh cho nhà Nguyên te tua, khiến giặc Mông Cổ không còn mảnh giáp khi kéo nhau chạy về nước.

* Rồng thời Lê (1428-1788): Hình ảnh Rồng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Khổng Giáo, do đó dáng hình Rồng rất oai vệ với cái đầu sư tử, bờm ác liệt, mũi to. Thân Rồng uốn thành hai khúc. Chân có 5 móng sắc.

* Rồng thời Nguyễn, chia làm hai giai đoạn: Thời kỳ đầu (1802-1883), Rồng được thực hiện với một cái đuôi xoáy tròn ốc và một cái bờm tua tủa như những thanh kiếm rực lửa. Đầu to và mắt lồi. Mũi sư tử, sừng nai, răng nanh nhọn hoắt, đầy râu cằm. Vua Rồng hay Long Vương có 5 móng, nhưng Rồng “thường dân” chỉ có 4 móng thôi.

Thời kỳ sau (1883-1945): Rồng bị biến thể, kém về tạo nhả, mất dần hình thức tự nhiên và oai vệ. Hẳn đây là dấu hiệu xuống dốc trong nghệ thuật của triều đại sau cùng của Việt Nam.

Tuy nhiên, nói tổng quát thì xin đừng ai bé cái lầm là Rồng Việt Nam “lai” Rồng Trung Quốc. Sức mấy, tuy rằng nước ta đã bị Tàu xâm lăng cả ngàn năm. Cứ quan sát kỹ, ắt thấy Rồng Việt Nam mang những đặc trưng như sau:

* Thân Rồng thường uốn 12 khúc, biểu tượng 12 tháng trong năm. Thêm vào đó, thân Rồng rất mềm mại, uốn lượn nhịp nhàng hầu thể hiện sự biến hóa. Ngoài ra, vây nhỏ trên lưng Rồng đều đặn và liền mạch. Rồng của Tàu hầu hết thô và rất hiếm khi có thân dài, trong khi vây Rồng lại bự tổ bố.

* Đầu Rồng Việt Nam có bờm dài, râu

cằm và thường không sừng. Lưỡi thon, mỏng và rất dài. Mắt lồi to, hàm mở rộng và có răng nanh ngoắc lên. Mũi chun lại thành sóng đều đặn chứ không phải thứ mũi thú như Rồng Trung Hoa.

* Miệng Rồng Việt Nam ngậm viên trân châu lớn, trong khi Rồng Nhật Bản, Đại Hàn và Trung Hoa lại cầm ngọc trai nơi chân.

Người Việt Nam thường tạc Rồng vào đá, khắc vào gỗ quý như biểu tượng linh thiêng canh giữ cung điện, lầu đài, chùa chiền, đình miếu, bàn thờ, mái nhà, tàu thuyền, giường kiệu ...

Một số từ ngữ điển hình dính dáng đến Rồng – Như trên đã nói, từ Long là tiếng Hán Việt; từ Rồng là chữ Nôm. Tuy mang cùng nghĩa, nhưng nói về phát âm, từ Long nghe mạnh mẽ hơn, có vẻ sang trọng hơn so với từ Rồng vốn trầm mạnh mà phổ thông. Chẳng hiểu có phải vì vậy không mà ngôn ngữ Việt vẫn dành chữ Long cách riêng cho những gì thuộc về nhà vua, chẳng hạn Long chủng (con cháu nhà vua), Long thể (thân thể vua), Long diện hay Long nhan (diện mạo vua hay mặt vua), Long bào (áo vua có thêu hình rồng), Long cốn (áo lễ có thêu hình rồng của vua), Long án (bàn của vua), Long cung (cung điện của vua), Long đình (sân nhà vua), Long giá (xe của vua) - Long thuyền là thuyền của vua đi, nhưng Long châu lại chỉ cái thuyền trang sức như hình con rồng để bơi đua khi có hội hè - Long sàng (giường của vua) - Khi vua chưa lên ngôi gọi là Long tiềm, ví như rồng còn ẩn mình; khi vua lên ngôi, gọi là Long phi, ví như rồng bay lên trời; ngược lại, khi vua chết, gọi là Long ngự thượng tâu, ví như cưỡi rồng về châu trời...

Trong tinh thần chỉ về uy lực như vừa kể trên, từ Long còn mang ý nghĩa liên hệ đến sự cao đẹp, tốt lành và sung túc. Thí dụ Long ân: Ôn lớn, ơn sâu - Long hưng: Đầy đủ, phồn phát - Long vận: Vận số tốt - Long chuẩn: Sóng mũi cao; Long ty: Mũi cao - Long đông hay Long hàn: Mùa đông rất lạnh - Long thử: Nắng dữ lắm - Long đầu: Đầu rồng hay Trạng Nguyên, người đỗ hạng nhất ở khoa thi Đình mà nay gọi là tiến sĩ - Long câu hay Long mã: Con Rồng hình dáng ngựa hay ngựa do Rồng hóa ra; ý tả ngựa cao lớn, mạnh mẽ, dáng đẹp - Long hà: Thứ tôm lớn -

Long vân: Ròng và mây; ý chỉ cơ hội may mắn - Long vận: Vận khí, số phận tốt - Long xà: Ròng và rắn, tức nhân tài phi thường. Và sau nữa, người xưa gọi Long Vương là thần mưa...

Trong khoa Phong Thủy có từ Long Hồ (Ròng và Cọp), theo đó, nhà đạo sĩ gọi nước và lửa là Long Hồ. Thầy địa lý gọi hai gò đất ở hai bên tả, hữu cái mộ là Long Hồ. Ngoài ra, thầy địa lý còn gọi Long huyết hay Long mạch là mạch đất có Ròng ở bên dưới, chỗ khí mạch của núi non kết lại, nơi có thể cất nhà hay xây mồ mả tốt không chê nổi, con cháu sau đỗ đạt, ăn nên làm ra và có thể lên làm vua nếu sống vào thưở xưa, thời nay thì có cơ may lên làm tổng thống.

Còn khi thầy đạo sĩ khen không ra khen mà chê cũng chẳng ra chê, chỉ gật gù cái đầu đội khăn đóng như cái rế, phán: “Long bàn” - ắt ta nên nắm bắt ý thầy muốn tả Ròng uốn khúc nằm, nhưng ngầm nói về người anh hùng hay người hiền tài ở ẩn, chưa ra mặt. Nhưng khi thầy địa lý cũng phát ngôn tương tự: “Long bàn Hồ cứ”, ta nên hiểu thầy muốn mượn hình ảnh con Ròng nằm, Hồ ngồi để ám chỉ chỗ đất hiểm yếu mà nếu không phải là nhà quân sự thì nên kiếm chỗ khác mà... chơi.

-Mũ vua đội gắn 9 con Ròng, gọi là mũ Cửu Long. Tượng đức Phật Thích Ca mới sinh có 9 con rồng quấn chung quanh: Tượng Cửu Long.

-Một số cây cầu ở Việt Nam có nhiều nhịp giống hình Ròng uốn khúc: Cầu Long Biên, cầu Hàm Rồng, cầu Kim Long...

-Nét chữ viết hay nét vẽ đẹp, bay bướm và hoa mỹ được ví như “Ròng bay, phượng múa”.

-Buồng cau được mô tả qua một câu đố: “Đầu Ròng, đuôi phượng le the - mùa đông ấp trứng, mùa hè nở con”.

-Ngư phủ và nông phu Việt Nam xưa khi thấy những cơn lốc trên đất liền cuốn cả cửa nhà, cát bụi lên cao hay trên mặt biển cuốn cả khối nước lên không trung, nhưng vì không hiểu những hiện tượng thiên nhiên ấy, nên cứ ngỡ Ròng hiện xuống hút nước để rồi chờ lệnh của Ngọc Hoàng mà phun thành mưa; cổ nhân bèn rút kinh nghiệm: “Ròng đen lấy nước thì nắng; Ròng trắng lấy nước thì mưa”. Ngoài ra, thời tiết ở miền Bắc giữa năm thường nắng nhiều, ít mưa nên dễ mất

mùa; nhưng nếu thời tiết xảy ra ngược lại thì những trận mưa vào mùa này quả thật còn quý hơn vàng, kể như đã cứu từ mùa màng. Bởi thế có câu: “Mưa tháng Sáu, máu Ròng” - nghĩa là tháng 6 có mưa thì tốt quá, đủ nước để cấy cấy. Hỏi vậy sao nông dân không vui cho được? Có mừng, có sướng tột cùng mới đủ tư cách mà so sánh loại mưa trái mùa ấy với “máu Ròng” chứ!

-Dinh Tổng Thống ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975 được giới báo chí gọi là Phủ Đầu Ròng.

-Không Quân Việt Nam Cộng Hòa đã chọn hình con Ròng bay với cặp cánh và quốc kỳ vàng với 3 sọc đỏ làm biểu tượng cho binh chủng của mình. Chẳng thể chê vào đâu nổi khi biểu tượng này diễn tả hình ảnh các chàng phi công tung bay lướt gió, xông pha trong các trận không chiến nhưng đồng thời cũng nói lên được đặc tính bay bướm, chịu chơi của giới Không Quân nói chung vốn gồm đa số những “chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt”.

-Cũng rất đặc biệt, đầu như vào khoảng đầu thập niên 1960, các nữ chiêu đãi viên Hàng Không Việt Nam xinh đẹp xuất hiện quá ư duyên dáng trong chiếc áo dài màu xanh da trời quốc hồn quốc túy. Trên tà áo tha thướt của các nàng, nhà thiết kế đã tô điểm bằng hình ảnh một con Ròng uốn mình là lướt trong ý nghĩa thích hợp với nghề nghiệp của họ. Thành ngữ “Ròng Lộn” được khai sinh từ đó. Theo ngụ ý, nghĩa đen của động từ “lộn” ở đây nhằm diễn tả động tác nhô lên, đảo xuống khi con Ròng bay lượn. Ca dao có câu: “Ăn như Ròng cuốn, uống như Ròng leo, làm như cà cuống lộn ngược”. Thế thôi. Miễn bàn thêm, e năm mới... và miệng!

Ròng trong một số điển tích phổ thông - Vâng, hình như giữa Ròng với người đã có một mối keo sơn từ thưở Trời mới dựng lên vạn vật. Tuy mỗi loài sinh sống ở một nơi khác biệt, nhưng sự nhớ thương nhau không bao giờ phai nhạt. Chẳng thế mà khi nào nghe tiếng loài người ca thán hạn hán, Ròng lại nhanh nhẹn đáp ứng phun mưa. Thỉnh thoảng Ròng cũng đăng trí, phun mưa ở một nơi nhiều quá, gây nên lũ lụt, nhưng khi nhận ra cảnh hoạn nạn của nhân thế, Ròng lại vội ân hận bằng cách đền bù cho loài người bằng những thứ vô cùng quý

báu khác mà trong lịch sử còn ghi:

-“Rồng vàng trao vuốt” hay “Long trao đầu mâu”: Vua Triệu Quang Phục được thần trao tặng một cái móng Rồng để gắn vào cái mũ. Nhờ đó Triệu Quang Phục khi chống quân Lương, đã bách chiến bách thắng. Đúng là: “Hương truyền trời cũng chứng minh - Rồng vàng trao vuốt giắt vành đầu mâu”.

-“Long bằng hồ”: Ông Lục Tuyên Công làm chánh chủ khảo trường thi khoa ấy, có những ông Hàn Dũ, Âu Dương Thiềm thi đậu, toàn những tay anh kiệt nên gọi là “Long hồ bằng”.

-“Dựa mạn thuyền Rồng”: Thái tử Sam, con vua Lý Cao Tông, chạy giặc, trú ẩn nơi nhà Trần Lý, một người làm nghề đánh cá. Thái tử thấy con gái Trần Lý đẹp lại ngoan nên phải lòng mà cưới làm vợ, sau về triều đình nối ngôi vua cha, xưng Lý Huệ Tông. Cả họ Trần trước khổ rách áo ôm, sau đều được làm quan. Ca dao bởi thế có câu: “Một ngày dựa mạn thuyền Rồng - còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài”.

-“Chín Rồng, một chuột”: Nguyễn Phúc Ánh chiêm bao thấy 9 con Rồng phun nước và một con chuột lông trắng như tuyết đứng trên cành hoa Lan, được thầy Tàu đoán cho là điềm tốt. Nguyễn Phúc Ánh bèn xưng vương hiệu giữa ngày Mùng Một Tết, năm Canh Tý (1780), tại Sài Côn.

-“Sánh Phượng, cưới Rồng”: Lộng Ngọc, con gái vua Tần Mục Công thời Chiến Quốc, có tài thổi tiêu, kén được chồng là Tiêu Sứ có tài thổi sáo càng hay hơn nữa. Mỗi lần chàng trở tài... thổi, nhiều loài chim khác nhau đều thi đua bay tới chầu. Một đêm rằm, nghe tiếng hòa của tiêu và sáo, một con Rồng và một con Phượng từ Trời bay xuống. Chồng Tiêu Sứ cưới Rồng, vợ Lộng Ngọc cưới Phượng rồi cùng bay về cõi tiên. Từ đó, điển “sánh Phượng, cưới Rồng” trở thành không những là ước mơ, còn là lời cầu chúc vợ chồng rất xứng đôi.

Ngoài ra sự tích này còn được cô nhân diễn tả qua một câu ca dao tương tự: “Trai anh hùng, gái thuyền quyền, phi nguyên bối phượng, đẹp duyên cưới Rồng”. Theo đó, “bối phượng” là lấy được vợ ngoan hiền; “đẹp duyên cưới Rồng” là kén được chồng xứng đáng.

Đó là chưa kể những thứ lễ tề khác mà Rồng vẫn tặng làm quà cho người trần,

chẳng hạn “Mả Táng Hàm Rồng”; ý chỉ người làm ăn phát đạt hoặc đỗ đạt cao, được làm quan, ấy là nhờ mỗ mà ông bà hay cha mẹ được chôn nôi đất tốt, hạp - hay “Long Diêm Hương”, tức nước miếng Rồng. Đây là một thứ hương liệu dẻo như chấp sáp, một chất sinh ở trong nội tạng cá voi, dùng làm thuốc, thường nổi trên mặt nước.

Ngược lại, người Việt Nam nói riêng cũng luôn luôn “xử đẹp” với Rồng qua lòng thành kính tri ân. Hơn thế nữa, ngoài việc đem tên Rồng hay Long vào ngôn ngữ của mình như trên đây đã trình bày, người Việt còn “ôn cố tri tân” một số đặc điểm của Rồng. Thí dụ:

-“Rồng nhang”: Con Rồng làm bằng sừng tre, dài tới một, hai chục thước; bên ngoài phát vải mỏng, bên trên có chỗ giắt nhang, dưới bụng có cây chống cho vài chục người cầm đi rước trong các cuộc lễ ban đêm. Ấy là tục Múa Rồng Nhang. Vui hết ý!

-“Long hoa hội”: Ngày 8 tháng Tư âm lịch, các chùa mở hội làm chay, lấy nước ngũ vị tắm cho tượng Phật. Tục này gọi là Long Hoa Hội, tức là Ngày Dục (tắm) Phật.

-“Long môn”: Cửa Rồng, chỗ nước chảy rất mạnh. Nghĩa bóng 1: Kẻ sĩ gặp được hiền tài thừa tiếp, lấy làm vinh hạnh như được lên cửa Rồng. Nghĩa bóng 2: Nhà của người biết trọng nghĩa. Lý Uy tiếp khách rất đơn đả và khoản đãi hết sức chu đáo khiến ai cũng thỏa lòng nên gọi nhà ông là Long Môn.

Người thi đậu cũng được gọi là lên Long Môn, lên cửa Rồng.

-“Long dương”: Thời Ngụy đời Chiến Quốc, Long Dương Quân là một người tôi, được vua yêu riêng. Ngày nay dùng tên này để gọi những người con trai có... sắc đẹp.

-“Long kỵ”: Ngày cấm hỏa, mọi nhà không đốt lửa, nhưng thức ăn đã được chuẩn bị từ hôm trước. Tết Hàn Thực vào ngày 3 tháng 3 âm lịch, có nguồn gốc Trung Hoa nhưng thông dụng ở nước ta từ lâu. Truyện kể thời Xuân Thu, nước Tấn bị giặc giã. Công tử Trùng Nhĩ phải chạy loạn. Trong một lần không còn gì để ăn, Giới Tử Thôi, một bày tôi theo hầu, đã cắt thịt đầu nấu cho chúa ăn. Biết được chuyện này, Trùng Nhĩ rất cảm kích. Sau này Trùng Nhĩ lên ngôi vua, lấy hiệu là Tấn Văn Công. Khi ban

thường cho các công thần, vua lại quên Giới Tử Thôi. Ông không oán giận vua, âm thầm mang mẹ vào ở ẩn trong ngọn Miên Sơn. Đến khi nhớ lại công ơn của Giới Tử Thôi, nhà vua cho người đi mời năm lần, bảy lượt, nhưng Giới Tử Thôi vẫn một mực không ra. Vua nghĩ, nếu đốt núi Miên, ắt mẹ con Giới Tử Thôi phải hạ sơn thôi. Nào ngờ, Giới Tử Thôi cũng đành chịu chết cháy chứ không màng đến vòng danh lợi. Đó là ngày 3 tháng 3. Vua thương xót cho lập miếu thờ Giới Tử Thôi và cấm dân gian dùng lửa trong ngày này.

Người Việt Nam khi ăn tết này, không kiêng lửa, vẫn nấu nướng, nhưng đã tượng trưng cho tết Hàn Thực bằng bánh trôi-bánh chay, thức ăn nguội. Vì vậy người Việt gọi tết Hàn Thực bằng tên khác: Tết Bánh Trôi-Bánh Chay.

Địa danh Rồng - Vì có lòng tôn kính Rồng mà dân tộc Việt vẫn lấy danh Rồng hay Long mà đặt tên cho làng xã, tỉnh huyện hay thành phố... trong đó điển hình 3 nơi nổi tiếng nhất mà đã là người Việt, ai cũng biết:

1) -*Thành Thăng Long*: Sử gia Trần Trọng Kim đã ghi trong Việt Nam Sử Lược: “Vua Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp không thể mở mang ra làm chỗ đô hộ được, bèn định dời đô về La Thành. Tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên (1010), thì khởi dự dời đô. Khi ra đến La Thành, Thái Tổ tin vào điềm mơ thấy rồng vàng hiện ra, bèn đổi tên La Thành là Thăng Long thành, tức là thành Hà Nội bây giờ”.

2) -*Sông Cửu Long*:

Sông Cửu Long có 9 cửa, 2 giòng.

Người thương anh vô số nhưng anh chỉ một lòng thương em!

“Sông chín rồng” là tên gọi chung các phân lưu của sông Mê Kông chảy trên lãnh thổ Việt Nam. Bắt nguồn từ Vân Nam bên Tàu, khi vào Việt Nam thì Mê Kông chia thành 2 giòng: Hậu Giang và Tiền Giang - rồi đổ ra biển bằng 9 cửa: Định An, Ba Thắc, Tranh Đề (của sông Hậu) - và cửa Đại, Tiểu, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu và Ba Lai (của sông Tiền).

3) -*Vịnh Hạ Long*: Vịnh này nằm ở biển Đông Bắc Việt Nam, rộng 1.553 cây số vuông. Nguyễn Trãi đã ca ngợi vịnh Hạ Long là “kỳ quan đá dựng giữa trời cao” và UNESCO của Liên Hiệp Quốc năm 1994 đã

công nhận là Di Sản Thiên Nhiên Thế Giới. Tương truyền, thời dân tộc Việt mới lập quốc đã bị giặc đến quấy phá. Trời bèn cử Rồng Mẹ và một đàn Rồng Con xuống giúp người Việt đánh bọn sài lang khiến chúng, một số phải bỏ cả khổ mà chạy còn phần đông đã làm môi cho cá mập. Nơi Rồng Mẹ đáp xuống nay gọi là Hạ Long; nơi Rồng Con hạ cánh là Bái Tử Long; nơi đàn Rồng quấy đuôi trắng xóa là Bạch Long.

Một truyền thuyết khác kể rằng vào thời kỳ đầu lịch sử nước nhà, lãnh thổ Việt Nam thường bị giặc từ phương Bắc tràn xuống với mục đích tha phương cầu thực. Một con Rồng đã đáp xuống vùng biển Đông Bắc và làm thành bức tường thành chặn tàu thuyền giặc. Nơi Rồng hạ cánh để che chở đất nước ta được gọi là Hạ Long.

Cá hóa Long - Trong thành ngữ Việt Nam có câu “Cá hóa Long”, nghĩa là cá biến thành Rồng. Bờ đâu có sự lạ đời này? Câu giải đáp chắc chắn không dựa theo thuyết tiến hóa của Charles Darwin hay do chủ nghĩa duy vật của các đảng cộng sản, nhưng bắt nguồn từ niềm tin của người bình dân Việt Nam xưa. Đầu đuôi xuôi ngược như sau:

“Từ khi vũ trụ thành hình, chính Trời phải chế ra mưa, nắng cho dân sự làm ăn. Sau vì nhiều thứ công việc bề bề, khó khăn phức tạp nên Trời mệt nhọc, một mình không lo xuể nắng mưa nên Ngài “bán cái” luôn công tác này cho Rồng sau khi căn dặn cứ hút nước ở sông biển, ao hồ mà phun.

Nhưng tiếc rằng số Rồng trên thiên cung ít quá mà loài linh vật này lại hoặc không chịu sinh sản nên dân số cứ “dậm chân tại chỗ” hoặc đi quá chậm chạp trong khi loài người không ngừng gia tăng và mức độ sinh hoạt phát triển nhanh như ngựa phi. Hệ quả là thời tiết ngày ngày tháng tháng không đều; nhất là mưa nắng trời sục luôn khiến loài người lúc nào cũng “ca vọng cổ”. Những lời ta thán thán tai Trời. Rồng được gọi đến báo cáo sự thể. Sau khi được biết sự thật phũ phàng, Trời bèn cho mở một khoa thi kén chọn loài thủy tộc lên làm Rồng hầu đáp ứng nhu cầu phun mưa.

Lệnh của Trời được ban xuống dưới Thủy phủ với nội dung cho phép tất cả các giống ở dưới nước được tham dự. Trời còn cử Thiên Lô làm chánh chủ khảo. Cuộc thi được chia làm 3 kỳ; trong mỗi kỳ, thí sinh

phải vượt qua một đợt sóng. Thí sinh nào vượt được cả 3 đợt thì ô-tô-ma-tích hóa thành Rồng.

Ở thượng du sông Trường Giang bên Tàu, tỉnh Tứ Xuyên, có một khúc núi; dưới chân núi có một cái vực rất sâu gọi là Vũ Môn, nơi được chọn làm trường thi.

Nước ta ở huyện Hương Khê, tỉnh Hà Đông, cũng có cái vực sâu như thế nên cũng được đặt tên là Vũ Môn. Nhờ vậy loài thủy tộc Việt Nam tránh khỏi việc lặn lội di chuyển xa xôi, có thể thi tại địa phương.

Sách Tàu viết: “Vũ môn tam cấp lãng”. Tục ngữ ta kém chi, cũng có câu: “Cá nhảy Vũ Môn”.

Trong suốt tháng đầu tiên, không con vật nào vượt qua nổi đợt sóng đầu. Sang tháng sau, cá rô vượt được duy nhất đợt đầu nên nhờ vậy thân mình đã có vây và vẩy khá lớn. Riêng tôm qua được hai đợt; ruột, gan, vẩy, râu và đuôi đã gần hóa Rồng, nhưng tới đợt 3 thì đuôi sức ngã bỏ xuống, thành ra lưng bị khoằm lại và phân lộn lên đầu.

Loài cá khôn ngoan hơn, hợp bầy đồng nhất bảo nhau:

*Mòng bốn cá đi ăn thề,
Mòng Bảy cá về, cá vượt Vũ Môn.*

Đúng vào mùa Thu, cá đua nhau về đây thi vượt sóng, tuy nhiên hết thầy cũng đều thất bại thê thảm, trừ cá chép. Phải, đến lượt cá chép trở tài thì bỗng gió thổi ào ào, mây kéo đến phủ kín không gian. Chép vượt liên tiếp cả 3 đợt sóng, vào lọt cửa Vũ Môn. Sách Trời liền ghi kết quả:

*Vũ môn đập sóng ba lần,
Bầu trời bay bổng, chín tầng mây cao.*

Cá chép được chấm đậu. Vây, đuôi, râu, sừng tự nhiên mọc đủ, khiến cá chép lộ dáng vẻ oai linh. Từ đó cá chép hóa Rồng phun nước, làm cho gió táp, mưa sa. Thật là cơ huyền bí mật. Cá hóa Rồng! Còn gì ngon lành hơn nữa! Bởi vậy người đời mới có câu ví việc người con gái may mắn trong tình duyên:

*Gái ngoan lấy được chồng khôn
Cầm như cá vượt Vũ Môn hóa Rồng!”*

Rồng đến nhà tôm - “Xưa con tôm nghe tiếng cá chép có tài, bèn tìm đến điều dóm xin kết bạn. Hai con qua lại với nhau rất thân tình, cùng lai rai chuyện đời và chề chén với nhau luôn.

Kịp đến kỳ Trời mở khoa thi tuyển lựa thí sinh làm Rồng, tôm cũng muốn thử thời vận như bao loài cá khác, nhưng biết mình tài hèn sức kém nên tí tê tâm sự với chép để xin “yểm trợ kháng chiến”. Cá chép hiểu ý tôm, lúc đầu ngần ngại, sau “uống thuốc liều” mà thông mưu:

“OK, được rồi! Hễ khi nào tôi nhảy lên thì anh cứ ngậm chặt lấy đuôi tôi. Hiểu chứ? Tôi qua được, ắt anh cũng qua luôn”.

Lúc vào thi, tôm làm theo như cá chép dặn, nhưng chẳng may bị chánh chủ khảo khám phá ra sự gian xảo. Thiên Lôi giận quá liền đập cho tôm một cái khiến tôm ngã từ trên cao xuống, còng cả lưng lại; cứ đang ở dưới ruột lộn ngược lên đầu. Thế nhưng, Thiên Lôi có lẽ không nhận ra sự đồng lõa của cá chép nên mới để chép thi đậu và hóa thành Rồng.

Tôm đành an phận trở về chốn cũ, chỉ ngậm ngùi tiếc đã mất một người bạn quý. Nhưng người bạn ấy tuy công thành danh toại, vẫn nhớ nghĩa cũ tình xưa nên một hôm xuống thăm nhà tôm.

Bất ngờ được cá chép - nay đã là Rồng - đến nhà, tôm lấy mà hân hạnh mừng rỡ, làm thơ tán Rồng:

*Cửa Vũ Môn ba lần cá nhảy,
Giữa đất bằng một tiếng sấm ran.*

Tôm, Rồng ngồi đánh chén, truyện trò nô ran như ngày nào. Khi bóng hoàng hôn đã hạ xuống, Rồng xin cáo từ bằng lời nhún nhường: “Tôi độ này bận làm mưa, làm gió, chẳng còn rảnh mà hưởng các lạc thú trần gian nữa”. Tôm nằng nặc mời Rồng cạn thêm mấy cốc rượu thuốc đại bổ để gọi là đánh dấu ngày tái ngộ tuyệt vời này. Rồng biết không thể từ chối, đành nhận nhưng trước khi nâng cốc, đành hắng đọc mấy câu thơ dường như đã “thủ” trước trong đầu:

*“Một trà, một rượu, một... cá mải,
Ba thứ lãng nhãng nó ‘quây’ ta.
Bây giờ phải nghĩ chùa đôi cái,
Có chẳng chùa rượu với chùa trà!”*

Tôm vội vàng khen lấy khen để. Rồng liền xua tay: “Ấy, nhân lần công tác làm mưa hình như ở làng Vị Xuyên thì phải, chợt nghe tiếng ngâm nga của một ông Tú... chịu chơi nào đó, thấy hay hay, tôi bèn “nhái” cho hợp

với hoàn cảnh của mình đây mà”.

Tiền Rồng ra đến tận công, song Tôm vẫn cong lưng, vênh râu, nài nỉ: “Xin bác hãy lưu lại thêm chốc nữa... *Mấy khi Rồng đến nhà tôm! Máy khi Rồng đến nhà tôm!...*”

Không ngờ câu này đã trở thành tục ngữ, ý nói người sang trọng, quyền quý hạ mình đến nhà của một kẻ thấp hèn, nghèo nàn”.

Rồng trong sinh hoạt xã hội của người Việt - Phải nói, trong 12 con giáp, chỉ duy nhất Rồng được suy tôn, không bao giờ bị chê. Trong cổ văn, kể cả văn chương truyền khẩu Việt Nam, chẳng hề có câu ca dao, tục ngữ hay chuyện cổ nào mang nội dung đả kích Rồng, trừ một lần “khêu” nhẹ vì nạn nắng nhiều, mưa ít khiến mùa màng xuống dốc không phanh. Nhưng lỗi không phải tại Rồng mà do Trời. Ấy như trên đã kể, loài người thì mỗi ngày mỗi đông trong khi dân số Rồng lại kiên cố tử thủ, nên số Rồng hiện hữu không thể bao thầu mức cân bằng mưa, nắng trên toàn cầu. Rất may là “Trời có mắt” nên đã sớm biết nhận “lỗi tại tôi mọi đàng”, bèn cấp tốc cho mở khóa thi “cá vượt vũ môn tam cấp để hóa Rồng” hầu nâng cấp dân số Rồng.

Vì Rồng là biểu tượng quyền uy, vũ lực nên đồng thời cũng trở thành thần tượng của nam giới. Làm đàn ông, con trai mà không giống Rồng thì chưa phải “nam nhi chí khí”. Để xứng danh nam giới, đàn ông, con trai trước hết phải có dáng vẻ oai vệ, đi đứng mạnh mẽ như thể “long hành hổ bộ”, tức là giống Rồng đi, cọp bước. Tượng người như vậy mới được chấm điểm là có ngoại hình uy vũ, gặp thời là phát lên làm vua ngay hoặc quên ra cũng làm “cha thiên hạ”. Nam nhi có tài phi thường được ví với “Long Xà”, tức Rồng và Rắn.

Xưa kia, cha mẹ sinh được con trai đều mong ước nó... hóa Rồng để lớn lên được “nghênh đầu Rồng” nơi “long đình” với tước hiệu “long đầu” tức là Trạng Nguyên vậy. Tha hồ cho cha mẹ và cả dòng tộc nở mày nở mặt chẳng cứ trong ngày đưa con vinh qui bái tổ mà suốt mấy đời vẫn cảm thấy được thơm lây. Chẳng thế mà nếu con trai chào đời năm Rồng thì phần đông cha mẹ đều đặt tên cho là Thìn hay Long ngầm gửi gắm nơi thằng nhỏ giấc mộng mà thánh nhân đã viết trong Kinh Dịch: “Vân tùng long, phong

tùng hồ”, sau đó đêm ngày cầu Trời khấn Đất chứng giám mà cho “mây theo Rồng, gió theo cọp”, nghĩa là thằng con gặp được thời, gặp được lúc thuận lợi mà làm nên việc lớn. Mà nếu vì hoàn cảnh mà còn mang thân phận “Long tiềm” - người hiền tài còn ở ẩn - thì cũng vẫn... oai vệ, như thể “Rồng nằm bề cạn phơi râu”.

Vì Rồng xuất xứ từ Long Cung nên phải được vùng vẫy ở biển khơi mênh mông, và vì có cánh nên Rồng cần bầu trời bao la mà tung bay. Nếu lâm vào hoàn cảnh trái ngược thì tội nghiệp cho Rồng biết bao. Hình ảnh bi thảm này được dùng để nói lên hoàn cảnh bất hạnh của một nhân tài:

Rồng vàng tắm nước ao tù,

Người khôn ở với người ngu, bực mình!

Khác hẳn với nam nhi, chẳng ai so sánh một cách nghiêm chỉnh đàn bà, con gái với Rồng. Mà nếu có nói tới sự liên hệ nào đó thì cũng chỉ để mua vui thôi, chẳng hạn: “Lỗ mũi em mười tám gánh lông; chồng yêu, chồng bảo râu Rồng trời cho” hoặc để mỉa mai, như: “Ăn như Rồng cuốn, làm như cà cuống lộn ngược” (ăn thật nhiều, bao nhiêu cũng hết nhưng làm thì biếng nhác, chẳng được việc gì). Gia đình nào sinh hạ một dục 5 con gái thì “lực lượng” này được thiên hạ gọi là “Ngũ Long Công Chúa” nhưng chẳng phải có ý muốn ca ngợi nhưng để an ủi hai đấng phụ mẫu ấy và cầu hòa với các nàng, bởi chỉ nhìn thoáng qua cũng đủ phát... khiếp. Tuy cũng không thiếu những bà Thìn, cô Thìn nhưng tên gọi này chỉ để đánh dấu “cái hăm” sinh vào năm Rồng, thế thôi, chứ hoàn toàn không phản ánh bất cứ niềm khát khao nào của bố mẹ. Phải, chẳng có đấng sinh thành nào lại đại dột mơ ước con gái của mình khi nằm, ngồi thì giống “Long bàn hổ cứ”, lúc đi cũng chẳng khác chi “Long tương hổ bộ”. Vậy mà ngược lại, chẳng cần bố dầy, mẹ khuyên, cô gái nào từ lúc bước vào tuổi “chum chũm nùm cau” cũng đều tự động thăm nuôi giấc mộng “đẹp duyên cưới Rồng”, tức là “cưới” được một anh chồng vừa khôn lại vừa ngoan.

Ấy nói vậy, thật ra cũng phần nào oan ức cho nữ giới. Nếu đàn ông, con trai vẫn không thiếu những kẻ cả đời “trói gà không chặt” hay chỉ “dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm” thì đàn bà, con gái cũng có phụ nữ uy

quyền, dũng mãnh, cứng rắn và tự tôn. Trong trường hợp này, nhân vật chính ấy có thuộc giai cấp quý tộc cỡ nào cũng không còn được gọi là nữ lưu nữa, nhưng sẽ mang một đặc danh khác: Long Nữ. Dù sao biệt hiệu Long Nữ vẫn nghe kêu và dễ lọt lỗ tai, bởi vì từ Hán Việt này gợi lên mối quan hệ với giới kiếm và võ hiệp thuở xưa hay giới giang hồ ngày nay, nhưng đặc biệt vẫn giữ được tính cách lịch sự. Trường hợp bà Ngô Đình Nhu tự Trần Lệ Xuân là một thí dụ điển hình. Bà đã “được” báo giới Mỹ tặng cho biệt hiệu “The Dragon Lady”, tức Long Nữ bởi họ nghĩ bà là một phụ nữ quyền uy và hách dịch ở miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên nếu dùng một biệt danh khác bằng chữ Nôm thay cho từ Long Nữ cũng hoàn toàn đồng nghĩa nhưng nghe nổi gai ốc ngay: Ròng cái. Miêu tả một phụ nữ là “Ròng cái” khác chi gọi đương sự là “ngựa cái” hay “giặc cái”. Thưa, đây là một trong những đặc điểm trong sự dị biệt giữa từ Hán Việt và từ Nôm của Việt ngữ. Sở dĩ được vậy, chính là nhờ tài trí khôn ngoan mà tổ tiên Việt Nam đã biết áp dụng chiến lược “tương kế tựu kế” trong cuộc chiến chống xâm lăng. Tàu ỉ đông, ỉ mạnh đã đô hộ nước ta cả một ngàn năm. Nhằm đồng hóa ta với chúng, Tàu bắt người Việt không chỉ theo phong tục của họ mà còn buộc nói tiếng của họ, viết chữ của họ. Trong việc phát âm, cổ nhân ta đã cố tình đọc trại đi hoặc chỉ “nhái” âm thanh đó. Kết quả là những “tiếng mới” ra đời mà về sau người mình gọi là từ Hán Việt, nghĩa là chữ thì đúng của Tàu, nhưng phát âm theo giọng Việt rồi được Việt hóa dần dần, nhờ đó những từ này đã làm phong phú Việt ngữ. Quả thật, tuyệt chiêu!

Ròng và tình duyên - Kể cũng lạ khi loài người - hay đúng hơn chỉ người Việt - lại rước kiệu Ròng một cách trân trọng vào những chuyện tình ái của mình. Ròng vốn biểu tượng sức lực, quyền uy, tóm lại gồm những gì mang tính cách khô khan, mạnh mẽ; trong khi đó, tình cảm lại nhẹ nhàng, ướm át. Vậy mà vẫn có sự hài hòa vuông tròn giữa Ròng và tình duyên chứ. Trong lãnh vực này, Ròng luôn luôn đóng vai nam tử và bao giờ cũng thủ vai “kép” lý tưởng của nữ giới:

*Làm gái lấy được chồng khôn,
Cầm bằng cá vượt Vũ Môn, hóa
Ròng!*

Nói đúng hơn, Ròng thường tình nguyện làm trung gian cho cặp “trao anh hùng, gái thuyền quyền” hoặc được yêu cầu đứng ra xây dựng mai mối. Trường hợp thứ nhất trong ca dao gọi là “thể húng”, nghĩa là nhìn thấy hoặc mượn ngoại cảnh mà nhân đó biểu lộ tình cảm của mình. Rất nhiều khi giữa “ngoại vật” và “nội tâm” chẳng dính líu hay chẳng “ăn nhậu” gì với nhau, nhưng ý tình vẫn hòa hợp với nhau. Vậy đây, ai dám bảo người bình dân vốn chằm lăm tay bùn, không tài ba. Hãy nghe:

*Trên rừng có cây bông kiểng,
Dưới biển có cá hóa long,
Con cá lòng tong ăn bóng ăn rong,
Anh đi Lục Tỉnh khắp vòng,
Tới đây trời khiến cho lòng thương
em!*

Anh chàng “tán” gái này rành rành là một người miền Nam. Anh đã nhân việc nhìn thấy (?) hay đúng hơn đã mượn những ngoại vật, như “bông kiểng, cá hóa long, cá lòng tong” để xỏ bầu tâm sự: Thương em! Ai bảo trai miền Nam thật thà như đếm, không dẻo mồm dẻo miệng như giai Bắc? Kể ra cũng lém hết chỗ chê đấy chứ! Khéo “quá cỡ thợ mộc”!

Chưa hết, chàng trai miền Nam này còn bồi thêm với sự làm chứng của nhiều “ngoại vật”, trong số đó đương nhiên có Ròng:

*Miễn bậu đàn ông ừ,
Qua chẳng từ gian khổ,
Dẫu lên rừng tìm hổ,
Hay xuống biển kiếm Ròng,
Trước sau giữ vẹn một lòng,
Vào lòn ra cúi, anh cũng một lòng
thương em!*

Cô gái cũng không phải tay vừa, biết cảnh tình, chưa chịu “cắn câu” ngay:

*Ròng nằm bể cạn phơi râu,
Mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi!*

Trường hợp thứ hai, trong ca dao gọi là “thể tỉ”, nghĩa là so sánh. Chàng trai biết mình đã bề mánh nhưng đâu chịu thua dễ dàng, bèn sử dụng “thể tỉ” bằng cách bồi thêm chương nữa, rất mùi, rất khéo, tự ví mình với cá, với Ròng, ví nàng như nước, như mây, tức là một thứ định mệnh bất khả phân ly:

*Tình cờ anh gặp mình đây,
Như cá gặp nước, như mây gặp Rồng.
Mây gặp Rồng, bán vãn, bán vũ,
Cá gặp nước, con ngược, con xuôi.
Chồng Nam, vợ Bắc, em ơi!*

Sao em chẳng lấy một người như anh?

Đề đáp lại, cô gái cũng áp dụng “thẻ ti” nhằm đưa đây: “Bây giờ Rồng mới gặp mây, sao Rồng chẳng thờ với mây vài lời?”. Chàng trai “được lời như mở tấm lòng”, lập tức phơi bày tâm can mà rằng:

*... Mấy khi Rồng gặp mây đây,
Để Rồng than thở với mây vài lời,
Nữa mai Rồng ngược, mây xuôi,
Biết bao giờ lại nói lời Rồng-mây?*

Tiếp theo, chàng tân công mạnh hơn bằng cách lý luận cụ thể rằng, nếu “làm gái lấy được chồng khôn, cầm bằng cá vượt Vũ Môn hóa Rồng” thì cũng vậy, “làm trai lấy được vợ hiền, bằng cầm đồng tiền mua được miếng ngon”, rồi chàng “thêm phượng, vẽ Rồng” chiếc giường trong đêm tân hôn: “Bốn góc thì anh thép vàng, bốn chân thép bạc, tám thang chạm Rồng”.

Thế nhưng người con gái tuy “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”, thay vì trả lời thẳng vào vấn đề, lại “vòng vo tam quốc” bằng cách giải bày với chàng rằng “áo mặc không qua khỏi đầu, nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha” của đôi bên. Trên đời này, chẳng có tên con trai nào lại không tỏ vẻ anh hùng khi đứng trước người yêu để “thanh minh thanh nga” về việc quyết định hôn nhân của mình. Anh chàng tán gái này cũng vậy, quả quyết: “Đó ai khuyên gió lay thông - Đó ai xúi giục cho Rồng phun mưa?” - thì cũng chẳng ai có thể làm chàng đổi ý: “Đôi ta như rắn liu điu, nước chảy mặc nước, ta diu lấy nhau”.

Với niềm tin tưởng, từ đó người con gái sống trong cảnh đêm nhớ, ngày thương:

*Nhớ chàng như bút nhớ nghiên,
Như chim nhớ tổ, như thuyền nhớ sông;
Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,
Như mực nhớ giấy, như Rồng nhớ mây!*

Nhưng chàng vẫn biệt tăm khiến nàng chỉ còn biết oán than: “Còn gì mai đợi mai

trông, nhận kia chấp cánh theo Rồng lên mây - Trách ai làm nên đó xa đây, như con chim phượng xa cây ngô đồng”. Rồi nàng lâm trọng bệnh tâm thần, bị ảo tưởng: “Đêm nằm đắp chiếu bịt bùng, tai nghe tiếng hát, dậy vùng ra đi - Con Rồng nằm bãi cát bầy vi, vì chung thương ‘bạn’ nên ra đi làm vậy - Ra đi, cha đánh, mẹ ngày. Không đi, ‘bạn’ ở ngoài này, ‘bạn’ trông”.

Thấy hoàn cảnh đáng thương của cô gái, nhiều người đã giải thích sự thật phũ phàng và khuyên cô nên quên con người vốn chỉ là thứ “đầu rồng đuôi tôm” ấy, thứ “long đầu xà vĩ” ấy, nhưng cô gái vẫn nhất quyết: “Trăm năm ghi tạc chữ đồng, dù ai thù phượng, vẽ Rồng, mặc ai!”. Đối với cô, một khi đã có lời thề nguyện thì dù chưa “lá thắm chi hồng”, cũng kể như đã là vợ chồng. Vậy thì:

*Có chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi hang rắn, hang Rồng...
cũng theo!*

Trường hợp mà xảy ra ngược lại, tức là chàng-nàng nên duyên cầm sắt như đã ước mơ và thề non hẹn biển thì cả hai đều “phi nguyện bói phượng, đẹp duyên cưới Rồng”.

Mơ thấy Rồng – Thiết tưởng chẳng cần dài dòng về tầm quan trọng của giấc mộng, chỉ nghe câu châm ngôn Pháp sau đây, ắt ta hiểu ngay vấn đề: “Dis moi ce que tu as rêvé, je te dirais qui tu es” - “Hãy nói cho tôi biết bạn thường mơ những gì, tôi sẽ nói bạn là ai”.

Đã đành rất hiếm khi người ta mơ thấy Rồng, nhưng một khi đã “gặp” Rồng trong giấc mộng, hẳn sẽ có những sự việc quan trọng xảy ra. Nếu Nguyễn Phúc Ánh không nhờ mơ thấy “chín Rồng, một chuột” để nhân đó mà nhảy lên ngôi xưng vương như đã kể trên đây, chắc chắn lịch sử nước nhà đã đổi khác, biết đâu đã chẳng có nhà Nguyễn?

Và một chứng minh hùng hồn khác nữa cũng đã được nhắc đến ở phần trên đây. Đó là “sự cố” vua Lý Thái Tổ vì tin vào điềm mơ thấy rồng vàng hiện ra nên đã đổi tên La Thành là Thăng Long thành, tức là thành Hà Nội bây giờ.

Artémidore, chuyên gia về chiêm bao, giải thích: “Rồng mà người ta trông thấy trong giấc mơ thường ám chỉ những vị chúa tể, những vị quan tòa hay nhân vật

quyền thế được trọng vọng. Vì thân hình dài và uốn khúc nên Rồng còn ám chỉ thời gian hay sự giàu sang hoặc sự may mắn”.

Theo lịch sử Đông Phương, Rồng dường như chỉ nhập vào giấc mơ của các bậc đế vương, còn thì kỳ thị dân khổ rách áo ôm đồng thời tránh né cả giới “thường thường bậc trung” trong xã hội. Nhưng khá lâu rồi, vì đã thực hiện cuộc “cách mạng Long Phụng Tiên Mẫu” do tổ tiên dân tộc Việt đề xướng, nhờ thế Rồng đã có tinh thần dân chủ. Nay Rồng cũng thường báo mộng cho các “con Rồng, cháu Tiên”. Vấn đề chính yếu là ta cần nắm bắt được ý nghĩa của giấc mơ đó. Sau đây là một số điềm điển hình quan trọng:

-Mơ thấy Rồng nói chuyện bằng tiếng người: Bảo đảm sắp được nhiều mối lợi vĩ đại mà không phải vất vả, chẳng hạn trúng xổ số độc đắc cá cược hoặc bỗng được hưởng gia tài kếch xù từ một nhà triệu/tỉ phú mà mình không hề quen biết trước.

-Gặp Rồng nhưng Rồng chẳng rằng chẳng nói, chỉ lẳng lặng tránh xa ra: Người chiêm bao sẽ lãnh đủ trăm điều cay đắng.

-Rồng tàn tật như đuôi gãy, chân thọt, vẩy xù xì, nhìn khủng khiếp đến phát tởm... mà xuất hiện thì người nằm mơ nếu đang khỏe mạnh thì e gặp tai họa ghê gớm như có thể bị tổng giam, ngồi “bóc lịch” chung thân trong lao tù; còn nếu người chiêm bao đang mang một chứng nan y thì kể như “hết thuốc chữa”, đã có vé miễn phí đi “chuyến tàu suốt”.

-Mơ được cưỡi Rồng: Điềm bay nhảy thăng trầm, tiến chức.

-Rồng có cánh: Điềm phát tài.

-“Bị” Rồng (đặc biệt là Rồng vàng) quăn: Sự phú quý vinh hoa tột cùng đến nơi rồi đây.

-Rồng phun nước: Được mùa, nếu người chiêm bao làm nghề nông; gặt hái kết quả tốt đẹp nếu làm công việc khác.

Hai giấc mơ sau đây có ý nghĩa khác nhau tùy theo địa vị của người chiêm bao:

-Rồng phun khói: Nếu là quốc vương hay tổng thống mơ thì đó là điềm có can qua (can: khiên; qua: giáo - ý nói chiến tranh). Còn nếu thường dân chiêm bao như vậy, hãy coi chừng lâm vào chuyện bất bình, nhẹ thì cãi nhau tung bùng hoa lá mà nặng thì đánh lộn bẽ đầu, sứt trán nếu không biết nghe lời

khuyên của cô nhân: “Một sự nhịn, chín sự lành”. Nên nhớ, “9 sự lành” đây chỉ về 9 con Rồng, tức Cửu Long, đấy.

-Rồng lượn dưới biển: Nếu các nhà lãnh đạo quốc gia mơ như vậy thì đó là điềm chỉ thái bình, thịnh vượng. Nếu thường dân chiêm bao như thế: Điềm chỉ sự sung túc, giàu sang.

Quẻ bói đầu năm mới – Bối trang báo có hạn nên ở đây chỉ bắt mạch những người cảm tinh con Rồng mà thôi, bởi năm nay Nhâm Thìn là năm tuổi của họ.

+ NAM: Nam giới tuổi Thìn thường có thân thể cường tráng, tinh thần mạnh mẽ. Đây là loại người có ý thức cái “tôi” mãnh liệt, tính tình thẳng thắn, tự tin, không ngại khó khăn, thích tự lập, giàu khả năng lãnh đạo, không dễ để bị khuất phục, trí hiểu biết hơn người, can đảm, tài hoa, hào phóng, ghét những hành vi giả tạo, khinh chê những thái độ hèn yếu, tư tưởng yếm thế... Ngoài ra, tâm tính hướng nội, trầm mặc ít nói tuy trong cuộc sống xã hội, họ thích quyền hành đồng thời dễ hòa đồng.

Về tình yêu, người nam tuổi Thìn thường tỏ ra đa tình, tham lam và muốn chế ngự “đối phương” nhưng lại rất “yếu” trước sự mềm mỏng và dịu dàng.

Khuyết điểm của người nam tuổi Thìn là hay mộng tưởng, tự phụ, và vì có chủ nghĩa hoàn thiện nên ít chịu thông cảm với những khả năng làm việc kém cỏi của người khác.

+ NỮ: Tính tình phóng khoáng, nhiệt tình, khẳng khái, lắm tài, khéo đoán ý người khác nên nam giới rất ưa thích người nữ tuổi Thìn. Trong cuộc sống xã hội, họ bộc trực, làm việc hăng say, tận tình và không thích bị người khác xúi giục. Họ là mẫu người mà giới lãnh đạo cần đến thật sự.

Khuyết điểm của người nữ tuổi Thìn: Nhiều khi thiếu sâu sắc bởi tính hiếu động, thiếu kiên nhẫn. Trong lãnh vực tình yêu, khi thì họ rất cuồng nhiệt vì bản tính lãng mạn, nhưng có lúc lại như không yêu hết lòng, kiểu “lửng lơ con cá vàng”.

Nói tổng quát thì người tuổi Thìn cả nam lẫn nữ đều có một ngoại hình dễ coi, có một bề ngoài khá hấp dẫn, luôn được mọi người yêu mến. Có thể nói, họ thuộc “tuýp” người có số đào hoa. Họ đa tài, thích hợp với vai trò lãnh đạo. Tuy không nghĩ nhiều về vấn đề kinh tế và không tốn nhiều sức lực để kiếm tiền, nhưng họ không giỏi giữ tiền, không biết tiết

kiệm, thành ra người tuổi Thìn không giàu có, không bao giờ nhập nổi vào giới “tiền rừng bạc bể”, nhưng không nghèo, thường được “hàng ngày dùng đủ”.

Đầu óc linh hoạt, có chí tiến thủ và có lòng yêu thương chân thành và mãnh liệt mà nếu lòng thương yêu này có cơ trời dậy thì có thể trở thành tinh thần bác ái vô bờ, nhưng cũng vì vậy dễ bị lợi dụng.

+ TUỔI THÌN TRONG NĂM THÌN: Năm nay, Nhâm Thìn 2012, người tuổi Thìn có hai sao chủ chốt chiếu mệnh: Thái Tuế và Hoa Cái.

Sao Thái Tuế báo động năm nay có biến đổi lớn đầy trong cả phạm vi thâm tâm lẫn hoàn cảnh. Theo đó trẻ thì bị ái tình “quậy”, lớn tuổi thì gia đình có thể gặp sóng gió. Sự nghiệp có phần nào lao đao, tài sản bị biến động.

Tuy nhiên nhờ có sao Hoa Cái đồng hành chiếu mệnh với Thái Tuế mà nam giới tuổi Thìn được gần như tất cả chuyện hung thành cát - nữ được đại lợi về sự nghiệp tuy hơi bất lợi về tình cảm - bởi thế cả nam, nữ đều cần phải cẩn trọng, khôn ngoan như “Long Xà”, tiến công cần có sách lược hoàn chỉnh chứ đừng liều mạng kiểu “may ra hóa Long, không may xong đời”. Ngoài ra tuy người tuổi Thìn thông minh, giàu bản lĩnh nhưng cũng nên đề cao cảnh giác mà phòng ngừa những kẻ tiểu nhân và những điều thị phi, nịnh hót.

Nói tóm lại, trong năm Nhâm Thìn này, về vấn đề sức khỏe, nam nữ tuổi Thìn cứ “vô tư” mà “quảng gánh lo đi để vui sống”, bởi không có gì đáng lo ngại nặng nề, tuy nhiên vẫn phải chú ý cách riêng đến việc vệ sinh ăn uống. Một điều khác nữa cần lưu tâm, ấy là không nên để tinh thần căng thẳng quá độ, phải biết kết hợp hài hòa giữa công việc và nghỉ ngơi.

Tuy bản tính hào phóng, nhưng nữ vốn là người nội trợ nên cần thận trọng hơn trong việc quản lý tài sản; nam vốn là gia trưởng cũng phải chú ý đến sự an toàn của nhà và phải biết lo toan để gia đình tránh gặp phải những khó khăn về kinh tế.

Tuy tính tình năng động, có nhân duyên tốt, nhưng nam, nữ tuổi Thìn đừng bao giờ quên mối quan hệ giao tiếp luôn luôn phải được đặt trên căn bản chân tình, hiếu hòa, cảm thông thì cuộc sống mới an vui, hạnh phúc,

có nhiều may mắn và cơ hội phát triển tài lộc, tiền vận xán lạn, trung vận sung túc và hậu vận an nhàn. Được sơ sơ như thế, “cũng cầm bằng cá vượt Vũ Môn, hóa Rồng” rồi, chứ chẳng cứ trong việc hôn nhân của riêng “phận gái lấy được chồng khôn”.

Từ khía cạnh nhân tình thế thái của những người tuổi Thìn, thiết tưởng đầu năm mới, cũng nên giương mắt ngó ra ngoài thế giới một chút cho đủ lệ bộ.

Vâng, năm Nhâm Thìn 2012 này xảy ra nhiều biến cố lớn lao bởi nguyên nhân sao Thái Tuế bá chủ. Đáng kể hơn cả là những thiên tai động đất do Rồng trở mình - và giông bão, lụt lội do Rồng thờ quá mạnh và phun mưa không đều đặn. Thế nhưng để bù lại, nhờ ân đức Rồng mà những biến chuyển trong năm Nhâm Thìn này nói chung vốn thịnh nhiều hơn suy. Theo đó kinh tế toàn cầu có nhiều cơ may “như cá gặp nước, như mây gặp Rồng” mà phát lên. Riêng ở Đông Nam Á, danh hiệu Tứ Long Châu Á xuất hiện khoảng thập niên 1970 - gồm Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và Đại Hàn - đã từ lâu bị xóa trong “sổ bụi đời”, nay may ra chỉ còn Đại Hàn. Trong năm Nhâm Thìn, xứng danh Rồng kinh tế vĩ đại ở Á Châu, phải kể Trung quốc, Ấn Độ và Nhật Bản.

Về chính trị, các đại VIP như Barack Obama ở Hoa Kỳ, Nicolas Sarkozy ở Pháp vẫn được an tọa trên ghế tổng thống sau cuộc tái tranh cử. Trong khi đó, “cách mạng Hoa Nhài” tiếp tục lan rộng trong thế giới Ả Rập. Các chế độ độc tài thâm niên thi đua mà sụp đổ như sung rụng. Trong năm 2011 thành quả tốt đẹp đã diễn ra ở Tunisia, Ai Cập, và cả Libya. Đuôi Rồng trong tân niên Nhâm Thìn này sẽ quét tiếp theo ở Yemen, Syria, Marocco, Algeria... Cuộc xung đột Do Thái-Palestine, mặc dù trong năm Cọp Mahmoud Abbas đã nộp đơn xin Liên Hiệp Quốc công nhận một nước Palestine độc lập, nhưng rồi trong 2012 cũng vẫn nhè nhằng theo những nét “vẽ Rồng vẽ rắn” của các cường quốc khiến người dân luôn phải sống theo kiếp “rồng rồng theo nạ, quạ theo gà con”.

Tình thế Phi Châu trong Nhâm Thìn tương đối yên ổn như thể được “mả táng hàm Rồng”, trừ một vài vụ nổi loạn lẻ tẻ kiểu “đầu Rồng đuôi rắn”. Ngược lại, tại Á Châu, đuôi Rồng sẽ quẫy mạnh ở Biển Đông khiến các tay lãnh tụ ở Bắc Kinh mất ăn mất ngủ. Bên

trong Trung quốc, các cuộc tranh đấu dân chủ của các sắc tộc thiểu số như ở Mông Cổ, Tây Tạng, Tam Cương... vốn được tiếp lực của “Cách Mạng Hoa Nhài” mà thừa thắng xông lên theo đường quyền “Long hành hổ bộ” - ở hải ngoại, chính sách xâm lược như kiểu “ăn như Rồng cuốn, uống như Rồng leo” của Trung Cộng gặp sức chống đối đặc biệt của Con Rồng Châu Tiên Việt Nam và của thể liên kết khác như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc...

Phải, trong khi đảng cộng sản Việt Nam hèn nhát, chỉ dám bắt nạt người dân thấp cổ bé miệng để cướp cạn ruộng đất, nhà cửa của họ và chiếm đoạt tài sản của các Giáo Hội, còn thì bọn chúng muôn đời an phận thủ thường trong kiếp tôi đòi, “vào lòn ra cúi” trước Bắc Kinh, thì chính nhân dân Việt Nam ở trong và ngoài nước vốn có Bồ Lạc-Mẹ Âu nên “trứng Rồng lại nở ra Rồng” mà nhất tề đứng lên để bảo vệ lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam rồi tiện tay khai tử luôn loài rắn liu điu là bọn Việt Cộng.

Cúi xin tổ tiên Long Phụ Tiên Mẫu chứng giám!

Hoài Mỹ



đường mùa xuân

Mừng Một Tết
Mùa đông bỗng nhiên quên lạnh
Mình rủ nhau đem nắng mới về
Đề
Rải quanh hè phố Paris.
Đi,
Tay nắm tay cùng đi vào năm mới,
Rộn ràng nhịp chân vui phơi phơi
Bên nhau.

Đàn hải âu
Mỏ vàng mỏ đỏ
Chen chúc trắng kẻ đá
Dọc dòng Seine,
Ngàn tóc em
Sợi bông sợi rối
Xõa nghiêng nghiêng tung gió
Dọc tình anh.

Đường xuất hành,
Cành vươn chồi
Ứ nhựa,
Những búp tay xanh
Muốn cong ngón
Múa đều.

Cát tiếng chào:
Bạn bè lâu không gặp,
Ba mươi năm,
Niềm vui vỡ nói cười,
Có mắt ánh tươi
Bên môi hồng xuân mới,
Có giọt tình tràn
Quanh hương ngọt cà phê.

Ta rủ rê nhau
Cùng bay về kỷ niệm,
Áo trắng ngày xưa,
Tóc biếc ngày xưa,
Mùa xuân cũ
Ngủ quên nhiều năm rồi trong góc nhớ
Bỗng hôm nay bừng thức
Hàm tiếu nụ cười.

Em của anh ơi,
Bạn của tôi ơi,
Đầu năm mới,
Xin tặng nhau
Riêng một:
Cuộc đời.

Cổ Ngư

nhìn núi

I.
Buổi sáng
Mù ôm chớp núi
Tôi ngồi trong căn bếp nhà bạn
Nhìn chuyến tàu điện ở xa lướt qua
Một cánh âu trắng vút qua
Đồng hồ báo 7 giờ reo từng chập
Chưa ai thức dậy tắt.

II.
Quyển sách viết về thơ mở ra ở khoảng giữa
Hơn 200 trang đã đọc
Gần 300 trang sẽ đọc
Chữ, dấu, ý...
Hỏi và trả lời...
Thơ về sau giấc ngủ.

III.
Ngày tan mộng
Chuyến bay dài nối liền bàn tay nắm
Cái vỗ lưng bật ký ức
Thời xanh tóc
Lũ va-li xoay tròn điệu luân vũ
Một chiều
Bạn và tôi
Tụ về nhau từ ba hướng
Đại Tây Dương, Thái Bình Dương
Á, Âu, Mỹ
Đường vạm vỡ xa bỗng thành vai quàng xiết
Mắt ánh xanh
Chiều tan mây.

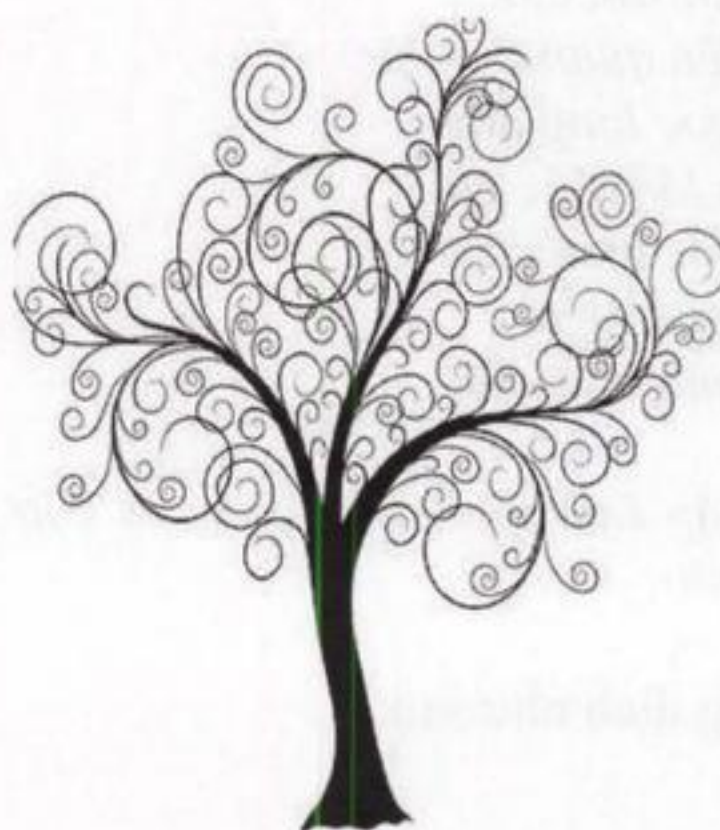
IV.
Ngọn nến sinh nhật
Và nụ cười ngày gió
Trưa căng bạt
Thiếu mất một khoảng trời
Bạn hát về thời đã mất
Nốt nhạc ngủ quên
Bừng thức từ ngón tay gõ phím
Tiếng con cười
Lấp loá
Như tiếng bạn mình đã cười
Ba mươi năm trước
Chiếc bánh và những món quà về đúng hẹn
Từng thập niên.

V.
Thiên nhiên xanh
Quanh thân cổ thụ trăm năm in dấu
Cầu treo giữa trời
Bàn chân nghiêng diu dặt nhau đi
Đường khắc ngọt vằn vi thớ gỗ
Totem reo theo gió ngàn thông.

VI.
Hoa lòng lộng thả hương
Đảo ngũ sắc chập chùng ôm sóng
Môi em
Toả sáng mặt trời tháng bảy
Đôi mắt anh
Lấp lánh suối băng tan.

VII.
Một chùm sao sáng
Về đậu ngoạn lưng chừng núi
Bài tình ca mới
Vừa ngân rộn giữa hồn vui.

Cổ Ngư



Mùa Xuân với Thi nhân



Nguyễn Thủy Nam

Xuân trong thơ cổ điển

Trong thế giới văn học nghệ thuật Trung Hoa và Việt Nam, thi ca miêu tả, đề cập đến mùa xuân... rất sớm sủa và phong phú: ngay từ thời Hán Đường của Trung Quốc, cũng như thời Lý Trần, Lê, Nguyễn... ở Việt Nam, các thi nhân đã gửi gắm những tâm tình riêng tư hoặc những mối sầu chung trên từng bước xuân về.

Gia Cát Không Minh từ thời Tam Quốc, thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch, đã cảm hoài tha thiết hình ảnh một khóm mai gầy đơn độc bên dòng suối vắng, lạnh lùng đón xuân một mình, giữa tuyết giá trời đông:

*Nhất dạ bắc phong hàn
Vạn lý đông vân hậu.
Trường không tuyết loạn phiêu,
Cải tận gian san cựu...
Ngưỡng diện quan thái hư,
Nghị thị ngọc long đầu.
Phân phân lân giác phi,
Khoảnh khắc biến vũ trụ.
Kỵ lư quá tiểu kiều
Độc thán mai hoa sáu.*

(Trích từ tập **Lương Phủ ngâm** của Gia Cát Không Minh)

Từ Vi Lang dịch như sau:

*Một đêm gió bắc lạnh,
Muôn dặm bộn mây dày.
Hoa tuyết tung toé tả,
Non sông chợt đổi thay...
Ngửa mặt trông vũ trụ,
Tưởng rồng chọi trên mây.
Cả bầu trời trắng xóa,
Tủa tủa vẩy rông bay.
Cười lìa qua cầu nhỏ,
Thương tiếc khóm mai gầy.*

Vào thế kỷ thứ 8, đời nhà Đường, thi sĩ Lý Bạch, được người đời ca tụng là một đấng thi tiên, đã thông cảm sâu sắc tâm tình cô quạnh của những nàng chinh phụ, khi ngọn gió xuân ấm áp thổi về, làm lay động màn trướng lượt là nơi khuê phòng lạnh lẽo:

*Yên thảo bích như ty
Tần tang đề lục chi.
Đương quân hoài qui nhật
Thị thiếp đoạn trường thi.
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi?
(Xuân tứ)*

Nguyễn Thủy Nam dịch thơ như sau:

Ý Xuân
*Cỏ Yên xanh mượt màu tơ
Dâu Tần biêng biếc rậm bờ đường đê.
Khi chàng rộn rã tình quê*

Là lòng thiếp chợt bộn bề xôn xao.
Gió xuân kia lạ làm sao
Vì đâu thổi lộng trướng đào đêm đêm?

Đỗ Phủ, một bậc thi thánh khác đời Đường, cùng thời với Lý Bạch, lại cảm xuân qua một mối sầu chung từ cảnh quốc phá gia vong trong thời buổi loạn ly chinh chiến:

Quốc phá sơn hà tại
Thành xuân thảo mộc thâm.
Cảm thời hoa tiền lệ,
Hận biệt diều kinh tâm.
Phong hỏa liên tam nguyệt
Gia thư để vạ câm (kim).
Bạch đầu tao cánh đoản,
Hồn dục bất thăng trâm.
(Xuân vọng)

Nguyễn Thủy Nam dịch ra thơ như sau:

Vọng Mùa Xuân

Loạn ly sông núi còn kia
Thành xuân cây cỏ bốn bề xanh um.
Cảm thời hoa cũng rụng rưng,
Biệt ly xui khiến não nùng tiếng chim.
Ba trăng giặc giã triền miên,
Thư nhà quý tựa muôn nghìn ngọc châu.
Ngu ngơ tóc ngắn bạc đầu
Trâm cài rớt xuống để sầu lòng ai?

Nhà thơ trẻ Trương Nhược Hư say cảm xuân tình với cảnh sắc triền miên: trời trăng, mây nước rộn ràng, hoa lá xôn xao; với một nguồn thơ lai láng, đậm đà nét bút thanh xuân; hồn thơ tha thiết cảm hoài với trời xuân, sông xuân, trăng xuân và hoa xuân, như một nét đẹp thiêng liêng, bất tuyệt của đất trời, của thiên nhiên, hòa nhập với lòng người phơi phới trào dâng, giữa lúc xuân về:

Xuân giang triều thủy liên hải bình
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh.
Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh?
Giang lưu uyển chuyển mãn phương diện
Nguyệt chiếu hoa lâm giai như tiền
Không lý lưu sương bất giác phi
Dinh thượng bạch sa khan bất kiến.
Giang thiên nhất sắc vô tiêm trần,
Hạo hạo không trung cô nguyệt luân...
Giang bạn hà nhân sơ kiến nguyệt?

Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân?
Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ,
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân?
Đản kiến trường giang tổng lưu thủy...
(Xuân Giang Hoa Nguyệt dạ trích đoạn)

Nguyễn Thủy Nam dịch thơ như sau:

Đêm Trăng và Hoa trên Dòng Sông xuân (trích đoạn)

Sông xuân nước chảy liền khơi
Trăng nhô đầu sóng tới bờ triều lên.
Trăng soi vạ dậm triền miên
Sông xuân ngời sóng lênh đênh ánh vàng...
Nước tuôn còn đắm mùi hương,
Trăng hòa nước, ngát rừng thơm hoa đời.
Sương còn lãnh đăng chơi vơi,
Lung linh bãi cát chân trời nơi đâu?...
Sông xuân trời - nước một màu,
Trăng treo vàng vạc giữa bầu không gian...
Bên sông ai đã ngắm trăng?
Trăng trôi, nước chảy đã từng thấy ai?
Nhân sinh vô tận cảm hoài
Năm năm trăng - nước miệt mài cùng nhau.
Biết chẳng trăng nước giang đầu
Chiếu soi ai đó, để sầu cho ai?
Sông dài cuộn cuộn nước trôi...

Trở về với thi ca cổ điển Việt Nam, ngay từ thời Lý Trần cách đây gần một nghìn năm, những bài thơ xuân đầu tiên thường là danh tác của các thiền sư, vì vậy thơ xuân phảng phất ý vị thiền học, như bài thơ “Xuân tạt thị chúng” của thiền sư Mãn Giác đời Lý:

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Ngô Tất Tố dịch ra như sau:

Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười.
Muôn việc trôi trước mắt,
Trên đầu già tới rồi!

Bài thơ được sáng tác lúc thiền sư đang ngộ

bệnh, vậy mà hồn thơ cứ phơi phới dâng trào, nhà sư vẫn hân hoan thấy được cái chân như, cái Phật tính của đại chúng, bằng bạc giữa thiên nhiên, giữa trời đất qua hình ảnh một cảnh mai nở muôn màng, lẻ loi trước sân chùa, như một mầm sống muôn đời, bất diệt:
*Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai...*

Các vua chúa đời Trần cũng để lại nhiều bài thơ xuân lời lẽ tươi đẹp, ý tứ cao sâu, bất hủ như bài thơ xuân sau đây của Trần Nhân Tông, sáng tác vào cuối thế kỷ 13:

*Thụy khởi khai song phi,
Bất tri xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.*

Nguyễn Thủy Nam tạm dịch như sau:

*Buổi sớm mở tung cửa sổ,
Đâu biết mùa xuân đã về.
Tung tăng kìa đôi bướm trắng,
Chập chờn bay thẳng vào hoa!*

Đó là tâm tình sôi nổi của một vị quân vương, đang tuổi xuân xanh và tình xuân phơi phới, khác hẳn với cái nhìn trầm tư, sâu lắng của một bậc chân tu, bén say mùi đạo, thanh thản, an nhiên và tự tại nhìn xuân về. Bây giờ, nhà vua đã từ giã cung vàng điện ngọc, trở thành một vị đầu đà trên núi Yên Tử, là Điều Ngự Giác Hoàng, Tổ thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm VN:

*Chim hót dề dề. liễu tả tơi
Thềm hoa mây phủ, bóng nhà dài.
Khách vào chẳng hỏi gì nhân sự,
Tựa bức lan can chỉ ngắm trời.
(Vô danh dịch bài **Xuân cảnh** của Trần Nhân Tông).*

hoặc:

*Vạn sự thủy lưu thủy,
Bách niên tâm vấn tâm.
Ý lan hoành ngọc dịch,
Minh nguyệt mãn hung trung.
(Trần Nhân Tông)*

Nguyễn Thủy Nam dịch ra thơ như sau:

*Muôn việc nước trôi nước,
Trăm năm lòng nhủ lòng.*

*Tựa hiên thổi sáo ngọc,
Đầy người ánh trắng trong.
Cũng đoạn thơ đó, Nguyễn Thủy Nam dịch ra thơ lục bát như sau:
*Muôn việc rồi như nước chảy xuôi,
Trăm năm lòng tự nhủ lòng thôi.
Bên thềm sáo ngọc vang đôi khúc,
Trăng sáng mênh mông phủ kín người.**

Nhà thơ Nguyễn Trãi khi nhìn cây cỏ, đầm cảnh non lá mới, xanh mướt, êm đềm, khiến lòng người thêm nhân nhã, thanh thoi như muốn hòa nhập vào cảnh sắc của vũ trụ, của thiên nhiên giữa mùa xuân mới lãng đãng khói sương:

*Độ đầu xuân thảo lục như yên
Xuân vũ thêm lai thủy phách thiên.
Dã kính hoang lương, hành khách thiếu,
Cô chu trấn nhật các sa miên.
(**Trại đầu xuân độ**)*

Kiều Văn dịch ra thơ như sau:

*Bến xuân đầu trại
Cỏ xuân đầu bến xanh như khói,
Chan chứa mưa xuân nước vỗ trời.
Đường nội hoang vu hành khách ít,
Thuyền kẻ bãi cát, suốt ngày ngơi.*

Ngô Chi Lan, nhà thơ nữ VN thế kỷ 15 đã vẽ lại cảnh tượng một mùa xuân VN thái bình thịnh trị, đầy màu sắc huy hoàng, ấm áp; cỏ cây, hoa bướm lộng lẫy của vườn xuân rực nắng, ngát hương:

*Khí trời ấm áp đượm hơi dương,
Thấp thoáng lâu đài vẽ ác vàng.
Rèm liễu liú lo oanh hót gió
Bụi hoa phấp phới bướm châm hương.*

Trong Truyện Kiều, ta thấy nhiều nơi cũng lại lảng thơ xuân... Thi hào Nguyễn Du thường diễn tả cảnh sắc mùa xuân êm đềm, trong sáng, trẻ trung, tươi mát, rộn ràng, nghe phơi phới xuân tình:

*Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Và:
Gần xa nô nức yến oanh,
Chị em sắm sửa bộ hành du xuân.*

*Dập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm....*

Để khép lại một khoảng trời xuân trong thơ cổ điển, chúng ta có thể mượn nét bút của nữ sĩ Hồ Xuân Hương qua bài *Đài Khán Xuân*, để cùng thưởng thức cảnh sắc êm đềm, thơ mộng, trong sáng của mùa xuân ngày nào trên quê hương miền Bắc. Nơi mà những khách thơ trong khi nhàn nhã du xuân, tâm tình vẫn mang nặng cảm hoài, trước cảnh tình ngàn năm kim cổ và những biến thiên lịch sử đoạn trường:

*Êm ái chiều xuân tới Khán Đài
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai.
Ba hồi chiều mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương nước lộn trời.*

Mùa xuân với thi nhân

Như chúng ta đều biết, thế giới thi ca VN cận đại và hiện đại đề cập tới mùa xuân cũng phong phú, cũng dồi dào phong vị. Tản Đà thường đón xuân sang bên chén rượu nồng nàn! Theo nhà thơ, men rượu sẽ làm dậy men thơ, sẽ chấp cánh cho thơ bay vút, bay cao vào cuộc đời và thể nhập vào lòng người, như nhà thơ đã nhiều phen thú nhận:

*Rượu say thơ lại thêm nguồn,
Nên thơ rượu cũng thêm ngon giọng tình.
Rượu thơ mình lại với mình,
Khi say quên cả cái hình phù du...*

Bởi vậy, mùa xuân đối với nhà thơ núi Tản sông Đà không thể nào thiếu rượu và thơ:

*Gặp xuân ta hãy làm vui,
Kẻo nay xuân đến, kẻo mai xuân về.
Vui xuân rượu uống thơ đề.*

Ta thấy được cái ngông nghênh thơ rượu nơi Tản Đà có đôi nét gần giống với tâm tình nhà thơ Lý Bạch của nhiều thế kỷ trước. Lý Bạch cũng đã từng hào sảng nồng men say thơ rượu khi tự giới thiệu mình:

*Thanh Liên cư sĩ trích tiên nhân
Từ tứ đào danh tam thập xuân...*

Tạm dịch:

*Ta là Thanh Liên cư sĩ, một vị tiên bị lưu đầy nơi trần thế
Nổi danh thơ rượu đã ba chục năm nay rồi...*

Với Tản Đà thì:

*Trời đất sinh ra rượu với thơ
Không thơ không rượu sống như thừa!
Công danh hai chữ mùi men nhạt,
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ...
Mạch nước sông Đà tim róc rách,
Ngàn năm mây Tản mắt lơ mơ.
Còn thơ còn rượu còn xuân mãi
Còn mãi xuân, còn rượu với thơ.*

Huy Cận lắng nghe nhạc xuân gọi mời rộn ràng, tha thiết. Lòng người như trẻ lại, như được hóa thân tinh khôi, mới mẻ theo với nhịp thở của đất trời, của cành thơm lá biếc, của sông nước triền miên... và mùa xuân bước tới êm đềm giữa lòng son thắm, như một giấc mơ xuân nồng nàn, bất diệt:

*Luống đất thơm hương, mùa mới dậy,
Bên đường chân rộn bước trai tơ.
Cây xanh cảnh đẹp xui tay với;
Sóng mát tràn xuân nước đậm bờ.*

*Ôi những người ta đi hóng xuân
Cho tôi theo với, kéo tôi gần!
Rộn ràng bước nhịp, hương vương gót,
Nhựa mạnh tuôn trào tường dính chân.*

*Bắt gặp màu tươi lên rún rẫy
Trong cành hoa trẻ, cổ chim non.
-Có ai gọi ý nơi xuân cũ,
Đất nở muôn xuân vẫn chẳng mòn
(Xuân)*

Với Hàn Mặc Tử, mùa xuân thật êm đềm và quen thuộc như những khung cảnh đồng quê nội cỏ, đầm chất thơ: những mái tranh ửng vàng trong sương khói đầu xuân, ngọn gió xuân mơn man đùa chơi cùng rừng lá biếc, những nàng thôn nữ vui xuân trên đồi nương, say sưa véo von những khúc xuân ca dân giả, khiến khách thơ bồi hồi, tưởng nhớ đến những hình ảnh, những sinh hoạt nhọc nhằn nhưng êm đềm biết mấy, bên những bờ sông quê ngập nắng xuân vàng:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt lá treu tà áo biếc
Bên giàn thiên lý - Bóng xuân sang.*

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,

Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuâng sức nhớ làng:
“Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang?”
(Mùa Xuân Chín)

Bài thơ xuân sau cùng của Vũ Hoàng Chương được sáng tác trước thềm xuân Ất Mão, 1975, vài tháng trước khi Miền Nam bị cường chiếm và khoảng hơn một năm, trước ngày nhà thơ giã từ vĩnh viễn cõi đời và thế giới thi ca. Ta thấy nơi đây, hồn thơ vẫn bàng bạc nét hào hùng cao đẹp của kẻ sĩ, hòa nhập với cảnh sắc xinh tươi, đầm thắm của thiên nhiên, của cỏ cây hoa lá, khi chúa xuân thướt tha, lừng thừng bước về. Nguyên tác là một bài thơ chữ Hán, được chính tác giả dịch ra thơ như sau:

Đá Mở Lời Xuân

Bạn đầy mây, chén đầy trăng,
Xuân vào đêm, giữa lòng băng nở quỳnh.
Liều tơ đào gấm như tranh,
Dâu Tần biếc, cỏ Yên xanh một trời.
Quê xưa phấn rụng vàng rơi
Có nghe vách đá vang lời hỏi duyên:
Say nằm trước ngõ là tiên,
Hoặc say nằm cát ngoài biên mới hào?
(Khai xuân thạch vấn - Vũ Hoàng Chương)

Nguyên Sa trong những bài thơ xuân sáng tác từ hải ngoại vẫn còn nguyên vẹn chất tình tứ, lãng mạn ngày nào của lứa tuổi xuân xanh:

Sáu tư tuổi, sáu tư tròn,
Niềm vui tâm cảm không còn của riêng...
Mời thơ khai bút mừng em,
Mời xuân bước xuống từ trên má đào.

Với nhà thơ, cho dù có phiêu bạt, trôi nổi tới chân trời góc biển nào chẳng nữa, xa xôi cách trở quê nhà bao nhiêu chẳng nữa, nàng xuân và cũng là hóa thân của nàng thơ, vẫn thơm ngát phấn hương, vẫn tươi rói sắc màu, vẫn muôn đời tô điểm muôn hồng nghìn tía và nhất là vẫn giữ nguyên vẹn tình tự cả một hồn xuân son thắm như thuở đương thì:

Mùa xuân em mặc áo vàng,
Ở trong thơ cổ chim hoàng hạc bay.
Em vừa xoay nhẹ vai gầy,
Nhìn coi vũ trụ vào đây giấc mơ.
Nhìn coi chỗ cuối bài thơ,
Nụ hôn màu đỏ trời cho rượu đào.
Anh nhìn em mới bước vào,
Nhìn xuân, xuân cất tiếng chào đầu năm.
(Thơ xuân áo vàng)

Và:
Mùa xuân em mặc áo xanh,
Biển thu mình lại dưới cành lá nâu.
Bướm vàng cột tóc mái sau,
Cám ơn em đã mang màu cho xuân.
Cuộc đời đâu có phù vân,
Ở trong mây nổi có phần thiên thu.

Đinh Hùng nặng lòng viễn mơ trên “Đường Vào Tình Sử”... Nơi đó, cõi hư và cõi thực như hòa tan, trộn lẫn vào nhau thành nhất thể. Nơi đó, có xuân rừng âm áp hương yêu, cho dù đời có luân lạc, bể dâu, nhiều khi xui khiến tình kia xa xôi cách trở, thơ của chàng vẫn bừng bừng chất ngất men say và hồn chàng vẫn ngùn ngụt cháy đỏ một ngọn lửa tình yêu bất tuyệt:

Thương em trắng xé nửa vàng,
Mùa xuân thở ấm hương rừng trên vai...
Hồn nào ngủ thiếp bông lau,
Bạc thời gian, cánh bướm sâu ngàn xưa.
Chập chờn khe liếp trắng mưa,
Bên em mùi phấn giao mùa còn say.
Nửa vàng trắng, nét xuân gầy,
Ta mơ giấc ngủ còn ngây hồn rừng.

Hay:

Em đi, sâu núi chất từng,
Gót chân từ thạch tượng chừng sóng hoa.
Mây bay ánh mắt trắng tà,
Nồng hương cỏ dại, sương pha áo ngàn.
Người đi vào giấc mơ tan,
Ta soi dòng suối đêm tàn tìm nhau.
(Xuân ấm hương rừng)

Trong thi phẩm “Cô lái đò” Nguyễn Bính lại thấy mùa xuân đồng nghĩa với những nhớ thương tê tái, những xao xuyến băng khuâng, những trông ngóng mỏi mòn, khi ước thề xưa đã nhạt phai và tan thành mây khói, để con đò xưa xa dần bến cũ, và cô đò ngày nào...

*đành âm thầm lối hẹn với bao kẻ sang sông:
Xuân đã đem mong nhớ trở về
Lòng cô lái, ở bến sông kia.
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước
Trên bến cùng ai đã nặng thề.*

*Nhưng rồi người khách tình xuân ấy
Đi biệt, không về với bến sông.
Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi
Mấy lần, cô lái mãi mòn trông.*

*Xuân này đến nữa đã ba xuân
Đốt lửa tình duyên tắt nguội dần.
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi
Cô đành lối ước với tình quân.*

*Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng.
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông!*

(Cô lái đò)

Tâm tình người đời có khi vui, khi buồn, khi mơ màng, sôi nổi, khi chua chát, đắng cay... nhưng mỗi lần mùa xuân trở lại, ai ai cũng thấy lòng nhen nhúm những tia hy vọng mới, ngọt ngào hơn, nồng nàn hơn, tươi trẻ hơn... hòa nhịp với những tung bừng, rộn rã, những màu sắc tươi thắm của vạn vật, của đất trời... Chỉ riêng Chế Lan Viên là đặc biệt khác hẳn: nhà thơ đã đón xuân bằng một tâm trạng sầu não, ảm đạm. Trong lúc vạn vật hớn hờ chào đón chúa xuân, thì nhà thơ lại ao ước có trong tay mình những chiếc lá vàng thu, những cánh hoa tàn tạ để chặn bước xuân về:

*Tôi có chờ đâu, có đợi đâu
Đem chi xuân lại gợi thêm sầu?
Với tôi tất cả đều vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!*

*Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy chùm tôi những lá vàng,
Với của hoa tươi muôn cánh rã,
Về đây, đem chôn nẻo xuân sang!*

*Ai biết hồn tôi say mộng ảo
Ý thu góp lại cản tình xuân?...
Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn!*

(Xuân)

Tóm lại, trừ mỗi Chế Lan Viên là hững hờ, ảm đạm với mùa xuân, còn đa số nhà thơ đều thiết

tha chia sẻ niềm vui với người đời, với quê hương đất nước, mỗi khi Chúa Xuân đến hẹn lại trở về và cùng với pháo đỏ, rượu nồng, với hoa lá thắm tươi, với trời đất bao la, trong sáng... mùa xuân bằng bạc reo vui và gieo biết bao hy vọng, biết bao mơ ước nồng nàn trong thế giới nghệ thuật thi ca.

Xuân tha hương

Tính từ mùa xuân năm 1975 đến nay, chúng ta, những người Việt hải ngoại đã trải qua 35 mùa xuân tha hương! Dĩ nhiên, các cộng đồng người Việt khắp nơi trên thế giới nhất là ở Mỹ, Úc, Pháp, Canada... mỗi lần Xuân về Tết đến, cũng thường tổ chức hội chợ Tết, cũng có múa lân, đốt pháo trong giờ phút thiêng liêng đón giao thừa, mừng năm mới... tại các chùa, nhà thờ, cũng có nêu cao, pháo nổ, bánh chưng; cũng rực rỡ những cảnh hoa mai, hoa đào (cả hoa thật lẫn hoa giả)... ở các tụ điểm tổ chức hội xuân... Nhưng cái không khí Tết Nguyên Đán Việt Nam chúng ta bị phai nhạt, bị tan loãng đi trong những sinh hoạt thường ngày của xã hội tây phương, do đó, lòng chúng ta hình như vẫn thấy thiếu thốn một cái gì rất khó nói nên lời! Phải chăng, trong ngõ ngách sâu thẳm của tâm hồn, chúng ta đã âm thầm tiếc nhớ đến những mùa xuân, những cái Tết tung bừng rực rỡ ngày nào ở chốn quê nhà xa xăm...

Chúng tôi kính mời quý vị thưởng thức những vần thơ tha thiết của Nguyễn Bính để thấy thấm thía nỗi buồn những mùa xuân trên đất nước xứ người, mặc dầu Nguyễn Bính chỉ ăn Tết xa nhà giữa hai miền Nam - Bắc trên cùng một đất nước Việt Nam. Nhưng những cảm nhận của ông khi phải “ăn một cái tết ngoài thiên hạ” sao bỗng dưng tương hợp với tâm sự não nề của chúng ta, mỗi khi xuân về Tết đến:

*Bốn biển vẫn chưa yên sóng gió,
Xuân này em chị vẫn tha hương.
Vẫn ăn cái Tết ngoài thiên hạ,
Son sắt say hoài rượu bốn phương...*

*Em đi non nước xa xôi quá,
Mỗi độ xuân về bao nhớ thương!
Mỗi độ xuân về em lại thấy
Buồn như tên lính ở biên cương!*

Từ em lưu lạc ngoài muôn dặm,
Một đoàn đường đi, một dân trường.
Đất khách tình dân hòa mắt lệ,
Ôi nhà! Ôi chị! Ôi quê hương...
(Xuân vẫn tha hương - Nguyễn Bính)

Hoặc:
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng!
Chao ôi, tết đến em không được
Trông thấy quê hương thật náo nức!
(Xuân tha hương - Nguyễn Bính)

Nhà thơ đã hơn một lần, đắm chìm trong men
cay đắng của những chén rượu xa nhà và để
có thể quên đi cái tâm sự náo nức từ những cái
Tết tha hương:

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng...
Chắc chị đời nào quên nhắc nhở:
Xa nhà rượu uống có say không?
(Xuân Tha hương)

Cùng một tâm sự ấy, trong những ngày đầu
xuân trên đồng đất xứ người, nhà thơ Trần
Trung Đạo đã âm thầm nhỏ lệ, ngậm ngùi và
bồi hồi tưởng tiếc đến những kỷ niệm êm
đềm, những cái Tết, những mùa Xuân, đã quá
xa xôi trong dĩ vãng:

Ai có về bên kia đất nước
Thờ dùm tôi hơi ấm quê hương.
Tôi, con én lạc mùa xuân trước
Vẫn khóc âm thầm nơi viễn phương

Vẫn đếm xuân về trên đất khách
Nghe buồn nhỏ giọt xuống vai tôi.
Đèn ai thấp sáng bên kia phố
Nhớ quá, chao ôi, tiếng mẹ cười...

Bếp lửa than hồng sao chẳng ấm
Tôi thêm một chiếc bánh chưng xanh.
Thèm nghe ai nói lời tha thiết
Một lời chúc tụng bước sang xuân...
(Xuân đất khách)

Và nhà thơ đã tái tê, đã ngậm ngùi tâm sự:
khác với Nguyễn Bính, nhà thơ không màng
tìm quên bên chén rượu nồng, mà chỉ âm
thầm, một mình uống cạn đến giọt sau cùng,
của chén quan hà với nhiều nỗi đắng cay:

Lòng tôi cũng bạc theo màu áo
Chiếc pháo giao thừa đã tả tơi.

Chén rượu mừng xuân tôi chẳng uống
Chỉ uống đêm nay những ngậm ngùi...
(Xuân Đất khách)

Chúng ta hãy cùng chia sẻ với nữ sĩ Minh
Đức Hoài Trinh về những nỗi đoạn trường,
những ngậm ngùi cay đắng, những bồi hồi
tiếc nhớ và những lời tâm sự tha thiết như là
một nỗi buồn chung của chúng ta, những
phận người lưu lạc tha phương, một lần nữa,
phải ăn thêm một cái Tết xa quê hương, buồn
tênh trên đất nước xứ người:

Thế mà con mẹ vẫn tha hương,
Xa mẹ, xa nhà, xa mền thương.
Trừ tịch đêm nào hồng tiếng pháo
Nơi này chỉ thấy tuyết hòa sương!

Bánh chưng mẹ nấu có nhiều không?
Nồi bánh chưng nấy ai thức trông?
Mẹ có gói thêm đòn bánh nhỏ?
Để cho con út mẹ vùi công...

Xuân này con mẹ vẫn tha hương
Mẹ một phương trời, con một phương,
Tóc trắng mẹ già thêm chút nữa
Và con, nhòa nhạt tiếng yêu đương!...
(Xuân vẫn tha hương)

Chúng ta hãy cùng ngậm ngùi, cùng tiếc nhớ
buồn thương với nhà thơ Hà Huyền Chi trong
khung cảnh bề bàng của những mùa xuân xa
xứ quạnh hiu:

Đón xuân trên đất nước người
Cạn bao nhiêu rượu không vơi cơn sầu!
(Xuân trên xứ người)

Và:
Ta chào nhau năm mới,
Lời chúc trượt trên môi.
Bắt tay cười hể hả,
Quay lưng dấu ngậm ngùi
(Xuân lũ thú)

Để kết thúc bài tiểu luận Xuân tha hương,
chúng ta hãy cùng bồi hồi, băng khuâng và
để lòng dạt dào cảm xúc cùng với Đỗ Quý
Toàn, khi nhà thơ tình cờ chợt thấy một cánh
hoa Báo Xuân, nở lẻ loi bên đường trên vùng
đất tạm dung:

Buổi sáng đứng chờ chuyến xe lửa,
Bỗng đưa mắt nhìn xuống bên đường

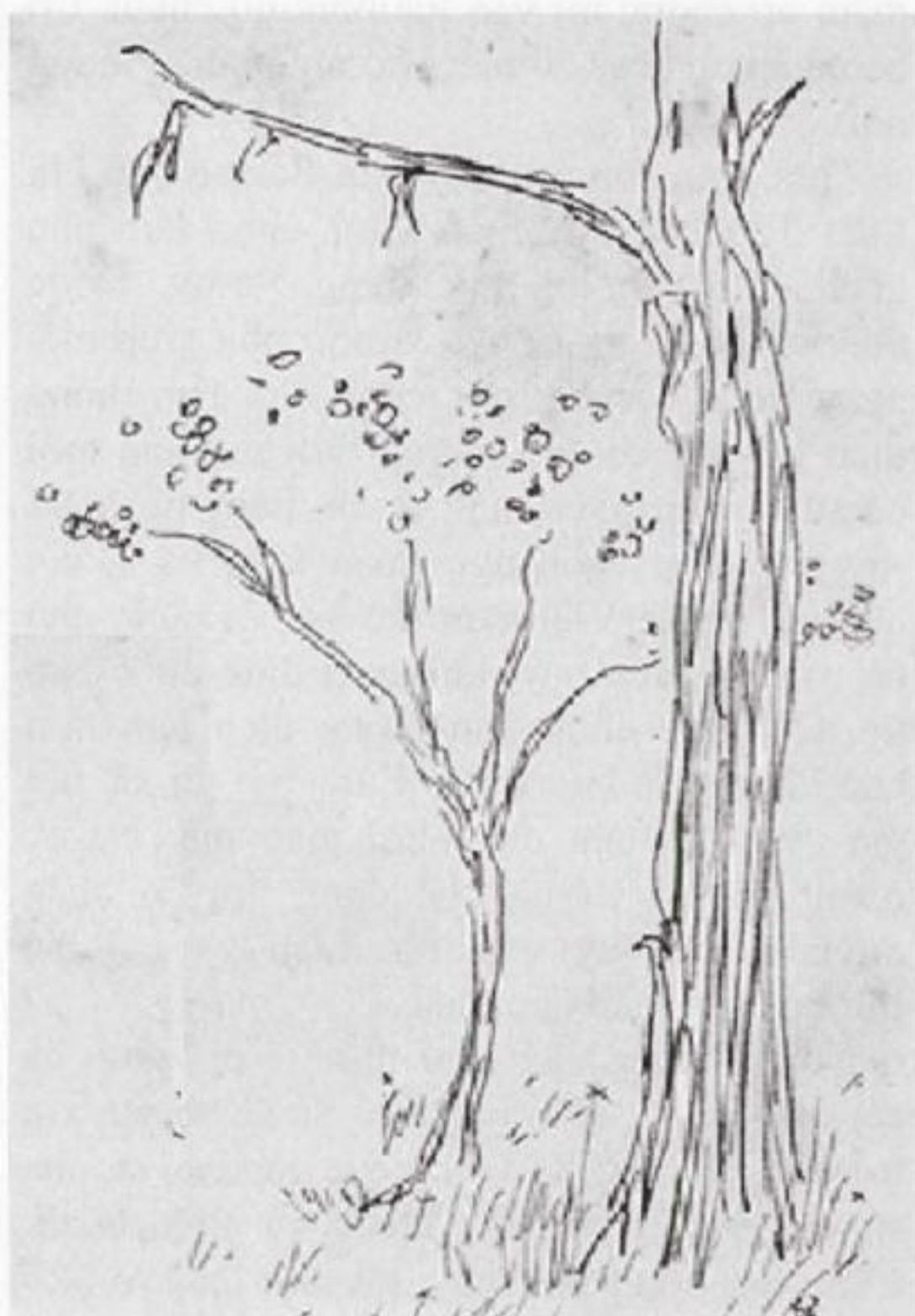
Một nụ hoa vàng chói rực rỡ
Nhìn kỹ đúng là hoa Báo Xuân.

Hoa Báo Xuân đây ở làng mình,
Nơi đây chỉ có một bông lẻ,
Khép nép trong bụi cỏ rồi ren,
Bao người qua lại chẳng ai ngó!...
(Gặp hoa Báo Xuân trong thành phố)

Cánh hoa Báo Xuân nở lặng lẽ, cô độc bên
đường, lẫn trong nội cỏ ngàn cây, chẳng ai
buồn nhìn tới, phải chăng chính là những
mùa xuân hiu quạnh, nhạt nhòa và lặng lẽ về
trên xứ người, xui khiến lòng khách tha
hương ngẩn ngơ, nhớ tiếc đến những mùa
xuân xưa, giờ đây chỉ còn là sương khói dư
âm kỷ niệm, trong ký ức ngậm ngùi?

Xứ người tuyết đổ lạnh lòng
Đón xuân hiu quạnh nát lòng hoài hương...
(Xuân hiu quạnh - Hà Huyền Chi)

Nguyễn Thủy Nam



chưa một lần

tôi thấy tôi chưa một lần... yếu đuối
song vẫn mệt nhoài...
như mới vừa gục ngã... hôm qua
vài con chữ còn mặn mà tha thiết
nhưng thơ tình...
đường đã quá phong ba...

tôi thấy tôi chưa một lần... đứng lại
song vẫn ở lì...
nơi ký ức chôn nhau
cánh cửa tương lai đang mở toang...
mời gọi
nhưng bước chân giờ...
không dám bước... đi đâu...

tôi thấy tôi chưa một lần... hấp hối
song vẫn thần thờ...
như kẻ sắp tàn hơi
cung đàn cũ còn vọng vang đâu đó
nhưng phím tơ chùng...
cung nốt hết là lời

tôi thấy tôi (không còn như thuở trước)
đổi cả cuộc đời...
cho thứ gọi "tình yêu"
giờ yêu dấu vẫn còn trong hơi thở
nhưng linh hồn...
chợt hoang phế...
cô liêu

thiạnh

Hạnh Phúc Xót Xa

Phạm Tín An Ninh



Tôi vô cùng ngạc nhiên, khi nhận được một thiệp mời đám cưới gửi qua đường bưu điện, danh tánh nhà trai, nhà gái và cả cô dâu chú rể đều xa lạ. Gần nửa giờ ngồi “điểm danh” tất cả bà con, bè bạn xa gần, vợ chồng tôi và mấy đứa con cũng chẳng tìm ra “tông tích” họ là ai. Nghe bạn bè kể lại, một số không ít người Việt mình thích có nhiều thực khách tham dự tiệc cưới của con cháu. Khách càng đông càng chứng tỏ được thế giá của gia đình. Vì vậy có người chỉ gặp ai ở đâu đó một lần thoáng qua, cũng có thể trở thành “quan viên” hai họ. Hơn nữa, ở cái vương quốc nhỏ bé và hiền lành này, muốn tìm ai, cứ việc mở cuốn điện thoại niên giám hoặc vào guleside gõ cái tên là có ngay số phone và địa chỉ. Cũng có thể là do một ông bà khách nào đó được mời nhưng hồi báo không thể tham dự được nên vợ chồng tôi được chọn để “điền vào chỗ trống cho có đầy đủ ý nghĩa” chăng?

Địa điểm tổ chức tiệc cưới là một nhà hàng Tàu sang trọng nằm ngoại ô thành phố Oslo, không xa nơi tôi ở. Ngày đám cưới còn hơn một tháng, nhưng lại đúng vào ngày mà vợ chồng tôi phải sang London thăm vợ chồng cô con gái và mừng thôi nôi thằng cu cháu ngoại. Vé máy bay đã “bức” rồi. Vợ chồng cô con gái cũng đã lấy hễ để đón chúng tôi. Nên dù có biết cha mẹ hay cô dâu chú rể có tên trong thiệp mời chẳng nữa, chúng tôi cũng không thể tham dự được, huống hồ lại là một người nào đó không quen. Thấy tôi phân vân, bà xã cầm tấm thiệp màu hồng vát vào kệ sách, lắc đầu bảo “forget it!”

Sáng thứ Bảy, một tuần sau đó, khi đang sửa soạn hành lý, nghe điện thoại reo, tôi bốc máy lên nghe, nhưng không thể nhận ra người bên kia đầu dây. Một người đàn bà, tự giới thiệu tên Bích, rất lễ phép khi hỏi đúng cả tên lẫn họ của tôi.

- Vâng, đúng là tôi, nhưng chị có thể nói rõ hơn về chị không ạ, vì xin lỗi tôi không nhớ ra.

- Em là Bích Kiều đây, Lê Thị Bích Kiều, mà khi mới sang Na-uy, anh làm thông dịch giúp em đó. Tên em trong thiệp mời đám cưới là Yvonne Bich, chắc anh chị đã nhận được. Em đổi tên này sau khi có quốc tịch Na-uy.

Tôi giật mình nhớ ra ngay. Mặc dù trong thời gian làm thông dịch, giúp khá nhiều bà con người Việt mới đến định cư, có biết bao nhiêu cái tên làm sao nhớ hết. Hơn nữa cũng đã hơn 25 năm rồi còn gì. Nhưng đặc biệt, Lê Thị Bích Kiều thì tôi không thể nào quên.

Sau khi thăm hỏi, Bích Kiều xin được đến thăm vợ chồng tôi vào lúc bốn giờ chiều. Cô bảo, gặp nhau sẽ có biết bao nhiêu điều muốn nói.

Thời gian còn ở trại tỵ nạn Bataan bên Phi Luật Tân, tôi may mắn được chọn làm phụ giảng cho các lớp học tiếng Na-uy. Được thầy cô dạy kèm riêng, và nhờ phụ giúp mỗi ngày trong các lớp học cũng như làm thông dịch bắt đầu dễ dàng cho những thuyền nhân mới đến đảo, nên tôi có một số vốn liếng tiếng Na-uy, một thứ ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ với hầu hết người Việt nam lúc ấy. Và cũng nhờ cái vốn bí bõm này, khi sang định cư ở Na-uy, tôi được chọn làm thông dịch tạm thời cho Phòng Xã Hội và Sở Cảnh Sát thị xã, nơi gia đình tôi tạm cư. Thời gian này Na-uy nhận một số lượng khá đông thuyền nhân được tàu Na-uy vớt trên biển và một số trường hợp nhân đạo khác.

Nói là thông dịch chứ thực ra chỉ giúp bà con làm hồ sơ, khai lý lịch ở Sở Cảnh sát, xin trợ cấp ở Phòng Xã Hội, hoặc gặp bác sĩ, nha sĩ, hay vào bệnh viện khám và chữa bệnh. Cũng qua công việc này, tôi mới thấy rõ Na-

uy là một quốc gia giàu lòng nhân đạo, mở rất rộng vòng tay, đối xử quá tốt với những người tỵ nạn mà họ cứu vớt, cứu mang. Công việc nhân nhĩa mà lương bổng cũng khá, lại còn được cơ hội trau dồi ngôn ngữ mới, nên sau này, khi đã được chính thức nhận vào học và đi làm trong ngành ngân hàng bưu điện, tôi vẫn xin giữ cái “job” phụ này, nhưng chỉ làm thêm ngoài giờ hành chánh.

Tuy nhiên, bên cạnh những điều vui ấy, tôi cũng bị “tai nạn nghề nghiệp” không ít. Đặc biệt khi phải thông dịch cho những bà con mà tàu của họ bị bọn hải tặc tấn công. Nghe họ kể những cảnh nghiệt ngã, thương tâm trên biển, tôi vừa không nén được xúc động vừa ngại ngùng khi phải thông dịch lại bằng tiếng Na-uy. Hơn nữa lúc ấy tôi cũng chưa có đủ ngôn từ để diễn đạt những điều “tế nhị”. Ngày ấy có một Viện Tâm Thần dành riêng cho người tỵ nạn, nằm trong Viện Đại Học Oslo, do bác sĩ Hauff, cũng là một giáo sư tâm lý học, điều hành. Ông là vị bác sĩ có lòng nhân hậu và rất tận tâm với nghề nghiệp. Những người tỵ nạn gặp điều không may, bị hải tặc đánh đập hãm hiếp, hay bị mất người thân trên đường vượt biển, đều được ông tận tình thăm nom, chăm sóc cũng như can thiệp Cơ quan Di Trú cho ưu tiên bảo lãnh gia đình và Sở Xã Hội cấp thêm nhiều phương tiện sinh hoạt, giải trí. Tôi sợ nhất là những lúc phải làm thông dịch để ông tâm tình, khuyên giải, an ủi nạn nhân, mà thời gian có khi kéo dài cả một vài ngày. Bởi vốn liếng tiếng Na-uy còn quá nghèo nàn, làm sao tôi có thể truyền đạt được những gì ông muốn nói. Có lần nghe ông dặn dò trước khi làm việc:

- Đây không phải một cuộc nói chuyện bình thường mà là một ca điều trị. Có điều, những bệnh nhân này chúng ta không chữa bằng thuốc mà chữa bằng ngôn ngữ.

Mà ngôn ngữ của tôi thuộc loại ăn đong, thì làm sao giúp ông chữa loại bệnh đặc biệt trầm kha này. Nhiều lần tôi xin từ chối, nhận mình không đủ khả năng, nhưng Phòng Xã Hội không tìm được người thông dịch khác, và bác sĩ Hauff cứ gặt đầu bảo là ông tin tưởng ở tôi. Cuối cùng tôi phải yêu cầu ông nói thật chậm và dùng những từ ngữ tương đối đơn giản để tôi hiểu rõ, và nhất là không hiểu lầm, những gì ông nói.

Một hôm, tôi được Văn Phòng Xã Hội cho

biết, phải đi theo bà Kari Mette ra phi trường Fornebu đón một người tỵ nạn đặc biệt, được Na-uy nhận nhân đạo từ một trại tỵ nạn Thái Lan. Người này được đưa thẳng từ Thái Lan đến Na-uy, mà không qua trại tỵ nạn chuyển tiếp Bataan, như những người khác. Bà Kari Mette làm việc cho một nhà thờ công giáo, nhưng vì có nhiều khả năng và uy tín, nên được yêu cầu kiêm nhiệm đại diện cho Sở Tỵ Nạn trong khu vực thị xã.

Chúng tôi được vào tận cửa gate máy bay. Người mà chúng tôi đón hôm nay là một cô con gái trẻ, ngồi trên xe lăn, trên người choàng một tấm chăn mỏng, được một cô tiếp viên hàng không đẩy ra giao cho chúng tôi cùng túi hành lý nhỏ và một phong bì đựng hồ sơ có in huy hiệu Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ. Trông cô ta tiêu tụy, xanh xao. Tôi giới thiệu và dịch vài lời chào mừng của bà Kari Mette. Khi đưa tay nhận bó hoa hồng từ bà Kari Mette, cô gặt đầu, lí nhí hai tiếng cảm ơn. Theo sau bà Kari Mette, tôi đẩy cô gái theo một lối đi riêng, không phải qua kiểm soát. Một chiếc xe tàn thương và cô ý tá chờ sẵn bên ngoài. Khi phụ diu cô gái lên nằm trên một băng ca trong xe, tôi mới biết là cô ta đang mang bầu. Theo yêu cầu của cô ý tá, tôi ngồi luôn trên xe tàn thương, tháp tùng về bệnh viện. Bà Kari Mette lái xe chạy theo sau.

Ở phòng nhận bệnh, khi nghe bà Kari Mette nói chuyện với vị bác sĩ, tôi mới biết cô gái này có tên Lê thị Bích Kiều, 21 tuổi, bị hải tặc giam giữ ở một hoang đảo ngoài khơi Thái Lan gần một năm, trước khi được một lực lượng tuần cảnh phối hợp với hải quân Thái cứu thoát. Cô ta đang mang thai hơn năm tháng, sức khỏe rất yếu. Việc ưu tiên phải làm là giúp cô sớm hồi phục sức khỏe và bảo vệ thai nhi.

Khi trả lời một số câu hỏi của bác sĩ, cô luôn nhìn tôi bằng đôi mắt thật buồn và ái ngại. Một vài câu hỏi cô ngại ngần không muốn trả lời. Tôi từ tốn bảo cô cứ yên tâm, nếu điều nào chưa muốn nói ra, cô không cần thiết phải trả lời, tôi sẽ liệu cách để nói lại với bác sĩ. Nhưng sau đó, tôi mới hiểu ra, người cô ngại chính là tôi chứ không phải ông bác sĩ. Mặc dù trước khi bắt đầu làm việc, tôi đã nói với cô là những người làm thông dịch như tôi đều phải ký giấy cam kết taushetsplikt (bổn phận bảo mật những điều

tai nghe mắt thấy). Cô được y tá đưa vào phòng tắm rửa và thay áo quần bệnh viện. Khi trở ra, cô tươi tỉnh hơn, bây giờ nhìn kỹ tôi thấy cô có khuôn mặt khá xinh, dù đôi mắt thật buồn. Theo cô y tá đưa cô lên một phòng riêng ở tầng ba, tôi bảo y tá bật cao đầu chiếc giường và đỡ cô ngồi dậy theo yêu cầu của cô, dịch cho cô nghe những điều dặn dò của bác sĩ, hỏi cô thích ăn uống những gì để tôi nói lại với cô y tá, rồi chào cô ra về, sau khi chúc cô ăn ngon và tối nay có một giấc ngủ thật bình yên. Cô nhìn tôi, nói cảm ơn rồi vội vàng cúi xuống. Thoáng qua đôi mắt, tôi biết cô băn khoăn lo lắng, khi phải ở lại một mình. Tôi ghi số điện thoại trên mảnh giấy nhỏ đưa cô y tá. Bảo là trường hợp bệnh nhân hay y tá cần điều gì, cứ gọi cho tôi.

Kể từ hôm ấy, ngoài bốn phận thông dịch tôi còn là người thân quen duy nhất của cô. Hôm nào cô ngò ý thêm các thức ăn Việt nam, tôi bảo bà xã tôi làm rồi mang đến cho cô, cùng mấy tờ báo Văn Nghệ Tiền Phong, và tập truyện của ông Duyên Anh mà cô thích đọc.

Sau một tuần lễ, sức khỏe của cô khá hơn, nhưng y tá cho biết tâm trí chưa ổn định, cô thường giật mình thức giấc rồi la hét, khóc lóc lúc nửa đêm. Cứ vài ngày, bác sĩ Hauff từ Viện Tâm Thần đến thăm, cho cô quà, an ủi và khuyên cô hãy đọc sách, xem TV, cần nghĩ tới đứa bé sắp chào đời, dù gì nó cũng là giọt máu của mình. Có điều gì cần, hoặc cảm thấy nặng nề trong lòng, cô cứ nói ra mỗi lần ông đến thăm.

Cô không phải đến Sở Cảnh Sát để làm hồ sơ di trú như những người tị nạn khác, mà do yêu cầu của Sở Ty Nạn, vị trưởng phòng Cảnh sát ngoại kiều đã đích thân đến bệnh viện để gặp cô sáng hôm sau. Qua làm việc, tôi được biết cô gái sinh ra và lớn lên ở Đà Lạt. Trước 75, mẹ cô là cô giáo và cha là một sĩ quan cấp tá, bị mất tích tại Đà Nẵng khi Vùng 1 di tản. Vượt biên từ Rạch Giá cùng vị hôn phu. Anh là con trai lớn của một người bạn cùng khóa Võ Bị với cha cô. Chiếc thuyền nhỏ chở theo 47 người, ra khơi ba ngày thì gặp hai chiếc ghe đánh cá của Thái Lan chặn lại. Cả bọn gần 20 tên mang dao búa và cả súng nữa, xông lên thuyền uy hiếp. Anh tài công bị giết đầu tiên bằng búa đánh vào đầu, một vài thanh niên khỏe mạnh có ý chống cự, liền bị chém chết. Chúng chia nhau

lục soát trên tàu và trên từng người để cướp vàng bạc, đồng hồ. Trước khi rời khỏi thuyền, chúng phá hỏng máy, và bắt theo khoảng mười cô gái. Khi hai tên trong bọn kéo Kiều đi, người vị hôn phu của Kiều xông đến định giết lại Kiều, bị chúng bắn bị thương rồi đập xuống biển, trước tiếng la khóc thất thanh của Kiều cùng những cô gái khác

Vừa mới lên tàu, bọn hải tặc luân phiên hăm hiếp những cô gái bị chúng bắt theo. Tiếng van xin la khóc quyện vào âm thanh của những ngọn sóng dường như cũng đang thét gào phản nộ. Chỉ duy nhất có Kiều được thoát, không bị hiếp, nhưng bị cột cả hai tay vào phía sau phòng lái, và phải chứng kiến hành động dã man, bỉ ổi của bọn dã thú, cùng những khuôn mặt sợ hãi đau đớn uất hận tột cùng của những cô gái nạn nhân.

- Tại sao cô lại được tha, không bị chúng hiếp? Anh cảnh sát ngạc nhiên hỏi.

- Làm sao được tha. Có lẽ thấy tôi có chút nhan sắc, nên tên thuyền trưởng dành riêng tôi cho hắn. Khi ấy hắn đang lái tàu! Cô gái sục sùi.

Tối hôm ấy, cô đã bị cướp đi đời con gái. Qua một ngày kinh hãi, biết mình không thể chống cự, cô đã nằm im phó thác cho số phận. Trong khi thân xác bị dày vò, cô nghĩ đến cảnh người yêu vừa bị giết tức tức trưa nay, cắn chặt lưỡi giữa hai hàm răng ứa máu.

Tay thuyền trưởng hải tặc không đánh đập hành hạ cô như những cô gái khác. Hắn săn sóc, mang cho cô một tô cháo cá nóng, nhỏ nhẹ dỗ dành cô ăn, nhưng cô không thể nào nuốt nổi, dù bụng đang đói. Nằm thiếp đi cả một ngày trong phòng lái, khi nghe tiếng ồn ào gọi nhau của bọn hải tặc, giật mình thức dậy, cô thấy tàu cập vào một hòn đảo.

Sau khi ra lệnh cho đám thuộc hạ quăng neo, tay thuyền trưởng còng cô trên lưng, lợi vào bờ. Cô ngạc nhiên rùng mình khi không thấy các cô gái khác. Số phận họ ra sao? Cô bịt kín hai tai, nhưng tiếng van xin kêu khóc hãi hùng của ngày hôm qua như muốn vỡ tung đầu óc. Cô tưởng tượng họ bị hiếp cho đến chết, rồi quăng xác xuống biển. Thật thảm thương tội nghiệp. Nhưng dù sao họ cũng không phải sống cả một đời thừa thãi trong nỗi dày vò, mặc cảm và vô vọng như cô. Biển xanh sẽ ôm ấp vỗ về cả thân xác lẫn linh hồn họ. Là cánh hoa tả tơi duy nhất còn

sót lại sau một ngày đêm dông bão, cô ví mình chẳng khác nào rác rưởi tấp vào một nơi hoang vắng. Cô tự hỏi, đó có phải là điều may mắn?

Anh cảnh sát ngồi bất động nghe cô kể, thỉnh thoảng ngược mặt lên trần nhà để giấu những giọt nước mắt. Tôi thầm tội nghiệp cho anh ta, một người sinh ra và lớn lên trên một vương quốc an bình, giàu có, hà cớ gì phải khóc cho nỗi đau thương, bất hạnh của dân tộc tôi. Chúng tôi dừng lại khi thấy cô gái sụt sùi. Tôi đứng dậy đi lấy mấy tờ giấy soft cho cô lau nước mắt và mời cô một ly nước soft.

- Rồi đời sống của cô trên đảo ra sao trước khi cô được cứu thoát? Anh cảnh sát hỏi.

- Tôi được đưa vào một cái hang đá khá lớn, có sẵn một số thức ăn, nước uống và cả áo quần cùng nhiều vật dụng mà có lẽ bọn họ cướp được từ những lần trước.

Đó là một đảo hoang. Một trong những "hậu trạm". Cứ bốn, năm hôm, có khi cả tuần lễ, bọn hải tặc trở về đây nghỉ ngơi đôi ngày, chia chác "chiến lợi phẩm", rồi lại ra đi. Tiếp tục những chuyến làm ăn khác, hoặc vào bờ lấy thêm nhiên liệu, lương thực. Tay thuyền trưởng cao lớn, tóc phủ tới lưng, cả ngày chỉ mặc một cái quần short ó vàng, phơi tấm thân trần đen đúa với đầy những hình xăm. Không biết vì nghĩ là cô không hiểu tiếng Thái hay là bản tính ít nói, cả ngày hần lăm lì, chỉ thỉnh thoảng mỉm cười. Hần luộc tôm cá tươi ép cô ăn và bắt cô uống rượu. Miệng hần lúc nào cũng nồng nặc mùi rượu. Đôi mắt đỏ ngầu. Rượu giúp hần trở thành con hổ đói cuồng bạo trên tấm thân liễu yếu của cô. Hần lột hết áo quần cô, làm nhiều cách hầu tạo kích thích, nhưng cả thân xác và tâm hồn cô đã trở thành gỗ đá, lạnh lùng, không còn cảm giác. Chỉ biết nhắm mắt chịu đựng đau đớn, để cho hần ta mặc tình hành hạ.

Bọn họ ra đi từ lúc trời chưa sáng. Khi cô thức dậy chung quanh vắng lặng, ngoài tiếng sóng biển rì rào. Cảm giác da thịt rã rời. Phải ngồi khá lâu mới đứng dậy được. Cô chui ra khỏi hang, trèo xuống hốc núi tìm đường ra biển. Hôm nay trời nắng, biển êm. Nhìn biển mênh mông, trong gió nghe như có tiếng gọi tên mình, cô giật mình nghĩ tới người yêu và những cô gái đồng hành bất hạnh. Cô xắn quần lội xuống, vốc một vốc nước rửa mặt. Nước biển làm rát khốc mắt, nhưng giúp cô

tỉnh táo. Bỗng cô nghĩ đến cái chết. Chỉ cần lội ra xa để cho sóng cuốn đi là cô sẽ gặp lại người tình ở đâu đó dưới đáy đại dương và sóng biển có thể rửa bớt phần nào nhơ nhớp trên tấm thân, mà bao nhiêu lần, mẹ đã ôm cô dặn dò phải cố giữ gìn, trước lúc từ biệt ra đi. Chợt nhớ tới mẹ, nhớ các em, cô đứng bất động nghe lòng dạ bồi hồi.

Gió từ biển khơi thổi tới như muốn an ủi vỗ về, giúp cô tìm lại một chút yên ả. Cô bước lên đi dọc theo bờ biển. Tiếp tục nghĩ đến mẹ và hai đứa em nhỏ dại. Giờ này không biết họ ra sao. Có biết mình đang lưu lạc trên một hoang đảo xa lạ giữa trời biển mênh mông với tấm thân hoen ố ê chề. Hay là vẫn đang hy vọng đứa con gái, người chị của mình đã đến được một xứ thiên đường nào, để có thể cứu sống cả gia đình đang ở bước đường cùng. Bao nhiêu vốn liếng chắt chiu dành dụm được, kể cả chiếc nhẫn cưới và sợi dây chuyền vàng mà bà ngoại đã đeo lên cổ mẹ ngày vu quy, cũng chỉ đủ gom góp mua một cây vàng, và phải năn nỉ lắm mới được đóng trước một nửa cho chủ tàu, nửa còn lại khi nào đến nơi sẽ trả. Sau ngày cha cô vĩnh viễn không về, cùng nhiều đồng đội gởi xác thân ở một nơi vô danh nào đó, rồi cả miền Nam đang trù phú, hạnh phúc một thời, bỗng dung trở nên đói nghèo, chia ly tan tác, cũng như những gia đình sĩ quan công chức khác, mẹ con cô đã trải qua bao tháng năm cùng cực. Cô đã phải bỏ học, phụ mẹ buôn tảo bán tần, mà cả nhà vẫn bữa đói bữa no. Nghĩ đến tương lai mịt mờ của mấy đứa con, mẹ bàn với cô, chỉ còn cách duy nhất, là cô phải ra đi. Bao lần tìm được mối, nhưng lo cho thân gái dặm trường, có biết bao điều bất trắc, cuối cùng bà rất vui mừng khi có người yêu của cô, cũng là con của một người bạn cùng khóa với chồng, cùng đi với con gái. Trước ngày đi, hai gia đình gặp nhau, tổ chức một lễ đính hôn rất vội vàng, đơn giản.

Cô bước đi những bước vô hồn trên những bọt sóng xô bờ, hình dung tới tuổi ấu thơ và cả một thời cùng gia đình sống trong hạnh phúc. Nhớ mấy năm cha cô được đổi về làm huấn luyện viên trường Võ Bị Đà Lạt, nơi ông đã gặp mẹ cô, khi còn là một sinh viên sĩ quan trai trẻ, từng đứng trên đỉnh Lâm Viên với hào khí ngút trời. Nơi ông cùng bè bạn đồng môn, đã quỳ xuống vũ đình trường trong ngày mãn khóa, giữa không khí uy linh,

đưa tay thề quyết bảo vệ núi sông. Cô cũng nhớ tới đám bạn bè một thời nhỏ dại. Không biết những cánh chim non hồn nhiên ngày ấy, giờ tản mát trôi dạt về đâu sau cơn bão lửa. Cũng như cô, tất cả đã mất rồi, cả một bầu trời xanh bao la với bao nhiêu ước vọng thuở nào. Không bao giờ còn tìm lại được!

Đầu óc mơ hồ, tưởng mình đang đi tìm dấu vết tuổi thơ bên bờ hồ Xuân Hương thơ mộng. Khi nghiêng mình để tìm ngôi nhà Thủy Tạ, nơi lần đầu hò hẹn người yêu, cô bỗng giật mình nhận ra tảng đá trên hoang đảo, nơi cô bị giam lỏng từ mấy hôm nay. Giấc mơ xưa ngấn ngủ vỡ tan như bọt biển. Ngôi bệt xuống cát, thần thờ gọi mẹ, gọi em, và gọi tên người tình. Cô gọi đến khan cả cổ, để chỉ nghe tiếng mình dội lại từ đại dương mênh mông xa thẳm, không tìm thấy chân trời. Cô đã bật khóc.

Tôi định đưa tay bảo cô ngừng kể, để tôi kịp dịch lại cho anh cảnh sát, đang hồi hộp ngồi chờ, nhưng chợt thấy cô cũng đang khóc. Anh cảnh sát đứng lên nháy mắt, làm dấu cho tôi cùng bước ra ngoài để cho cô được tự nhiên. Khi trở vào, anh cảnh sát nhờ tôi hỏi, nếu cô muốn bảo lãnh cho mẹ và các em còn ở Việt Nam, anh sẽ trình lên Sở Ngoại Kiều, lập hồ sơ cho cô được ưu tiên. Có thể trong vòng từ sáu đến tám tháng, cô sẽ được đoàn tụ với gia đình. Suy nghĩ một chập, cô lắc đầu:

- Em chưa chuẩn bị được tâm lý, không muốn mẹ và các em sẽ đau buồn vì những gì em đã trải qua, và nhất là cái thai trong bụng, em vẫn còn đang giấu mẹ. Chờ sinh đẻ xong, em mới bình tĩnh mà quyết định được. Mặc dù em rất nhớ mẹ và các em.

Ngần ngừ một lúc cô ngó ý muốn được Phòng Xã Hội cho mượn một số tiền để gửi về giúp gia đình, sau này đi làm cô sẽ trả. Anh cảnh sát gật đầu, hứa sẽ nói việc này với Phòng Xã Hội. Anh bắt tay cô, chúc sớm bình phục, gặp nhiều may mắn, và hẹn sẽ trở lại thăm cô để xin hỏi thêm cô ít điều bổ túc hồ sơ.

Hai hôm sau, qua điện thoại từ Phòng Xã Hội, tôi đến nhận số tiền 10.000 kroner (khoảng 1.200 USD), để giao lại cho cô và yêu cầu cô ký tên vào biên nhận. Tôi cũng mang đến biếu cô mấy trái xoài chua, lần trước cô bảo là cô rất thèm. Gặp lại tôi, cô tỏ ra mừng rỡ. Lần đầu tiên tôi thấy cô nhoẻn

miệng cười. Cô bảo cô rất buồn và thấy cô đơn, vì không có tôi cô chẳng biết nói chuyện cùng ai. Cô ngạc nhiên và thoáng một chút xúc động khi tôi đưa cho cô số tiền của Phòng Xã Hội, và bảo đó là tiền cô được cấp, chứ không phải mượn. Tôi giải thích thêm về những trợ cấp khác dành cho người tỵ nạn lúc ban đầu và hằng tháng sau này, cũng như trợ cấp việc sinh đẻ và nuôi con. Tôi bảo cô yên tâm, đừng bận tâm gì về chuyện tiền bạc. Cô càng vui và tỏ ra thân thiện hơn khi nghe tôi bảo trước đây tôi cũng là lính, sau gần 8 năm tù trở về, vợ con cũng khốn cùng như gia đình cô. Tôi kể chuyện gia đình tôi vượt biên nhưng may mắn được tàu Na-uy vớt, mới đến Na-uy tám tháng, nhưng mọi việc tạm thời ổn định. Cô nhớ tới cha cô, đôi mắt sáng lên và say sưa kể cho tôi nghe những ngày cô theo cha ra đơn vị, hoặc cùng mẹ vào trường Võ Bị tham dự các buổi lễ ra trường. Khi tôi đứng dậy cáo từ, cô viết tên và địa chỉ của mẹ cô, nhờ tôi gửi hết số tiền còn nguyên trong bì thư về cho mẹ. Trong mắt cô sáng lên niềm vui.

Một lần cô ngó ý muốn học tiếng Na-uy để giết thì giờ. Tôi bảo là ở Na-uy vừa mới có cuốn tự điển Nauy-Việt, tôi sẽ liên lạc Phòng Xã Hội để xin cho cô. Hai hôm sau, tôi mang cuốn tự điển đến, chỉ cho cô cách sử dụng, nói và viết vài câu đơn giản. Cô khá thông minh nên hiểu rất nhanh. Cô còn nhờ tôi viết cho cô vài câu tiếng Na-uy. Trong đó có một câu cô bảo là lời một bản nhạc nào đó mà cô rất thích: “Ngày mai, tôi muốn bỏ đi thật xa”.

Khi được biết là sẽ sinh con trai, cô vui lắm, nhưng ngay sau đó tôi thấy cô ngồi thần thờ, suy nghĩ mông lung. Gần tới ngày cô sinh, tôi xin phép cô cho bà xã tôi đến thăm, để hướng dẫn chỉ vẽ cho cô ít nhiều kinh nghiệm sinh đẻ mà vợ tôi đã trải qua. Hơn nữa, khi sinh đẻ, có một người đàn bà thân quen bên cạnh cũng an tâm. Biết cô ái ngại, nên tôi nói trước là vợ tôi hoàn toàn không biết gì về hoàn cảnh của cô, và tất nhiên tôi không hề tiết lộ điều gì. Tôi sẽ nói với vợ tôi là chồng cô còn ở trại tỵ nạn Thái Lan, sẽ được định cư sau. Ngần ngừ một lúc, cuối cùng cô gật đầu.

Cuối tuần, vợ chồng tôi đến thăm. Vợ tôi mang đến cho cô một ít thức ăn Việt nam và mấy bộ áo quần con nít. Đàn bà dễ thông cảm với nhau, nhất là vợ tôi sinh mấy đứa con

cũng không có mặt chồng, vì tôi bận tham dự hành quân, không về kịp. Tôi ra ngoài, để cho hai người đàn bà dễ nói chuyện sinh đẻ.

Cô sinh vào ban đêm, lúc trời đã vào đông. Tuyết rơi kín cả khung trời. Vợ chồng tôi đến phòng sinh lúc cô đau bụng. Vợ tôi ở bên cạnh cô, còn tôi ngồi ngoài phòng đợi. May mắn là cô sinh rất nhanh. Khoảng hơn 30 phút, tôi đã nghe tiếng con nít khóc. Khi mọi việc đã xong, nghe tiếng vợ gọi, tôi bước vào chúc mừng cô. Thằng bé đang nằm trên ngực mẹ. Tôi thấy cô khóc. Không biết đó là những giọt nước mắt xót xa hay hạnh phúc.

Sau một tuần ở bệnh viện, mẹ con cô chuyển đến một khách sạn, được phòng xã hội mượn cho cô tạm trú một thời gian, vì chưa tìm được căn nhà thích hợp cho cô. Khách sạn khá sang trọng, nằm không xa bệnh viện, để tiện cho các y tá đến thăm và chăm sóc mẹ con cô.

Mấy ngày sau, tôi đến khách sạn cô ở. Không phải để thăm cô mà để làm thông dịch cho bác sĩ Hauff và nhân viên phòng xã hội. Họ mang đến cho con cô nhiều quà tặng. Ai cũng ngạc nhiên và thích thú khi thấy cô biết nói vài câu ngắn bằng tiếng Na-uy. Bác sĩ Hauff hỏi là cô có cần ông giúp điều gì nữa không, cô bập bẹ trả lời: “tôi sẽ nói với ông sau”. Tuy không đúng hẳn, nhưng mọi người đều hiểu được.

Ngày đầy tháng, vợ tôi nhớ và nhắc tôi đến thăm mẹ con cô. Chúng tôi ghé siêu thị chọn mua một món quà mừng thằng bé. Bấm chuông phòng, cửa không mở. Gõ nhẹ cũng không thấy lên tiếng. Tôi đến văn phòng khách sạn hỏi. Họ cho biết là cô vừa mới chuyển đi. Tôi gọi hỏi Phòng Xã Hội, họ cho biết là cô đã chuyển đi một thành phố rất xa, và theo yêu cầu của cô, họ không tiết lộ địa chỉ mới cho bất cứ một ai. Sau một thoáng ngạc nhiên, tôi chợt nhớ đến lời một bài ca nào đó mà cô đã nhờ tôi viết ra bằng tiếng Na-uy và chỉ cho cô đọc đi đọc lại nhiều lần: “ngày mai, tôi muốn bỏ đi thật xa”. Trên đường về, bà xã tôi thắc mắc tại sao cô lại chuyển đi sớm và không cho chúng tôi hay. Tôi lắc đầu, mặc dù tôi đã vừa mới hiểu ra. Từ hôm ấy, tôi không bao giờ gặp lại cô. Vài lần nhớ tới cô, tôi định hỏi thăm qua một số người quen ở các thành phố khác, hoặc gọi cho Sở Tỵ Nạn. Nhưng rồi tôi quyết định không tìm, vì có lẽ cô không muốn gặp lại

tôi, một người biết quá nhiều về cô.

* * *

Bích Kiều đến đúng giờ hẹn. Khi thấy chiếc taxi đỗ ngay trước cổng nhà, vợ chồng tôi chạy ra đón. Tôi cũng nóng lòng muốn xem lại dung nhan của người con gái xinh đẹp nhưng gặp phải điều bất hạnh của hai mươi lăm năm trước. Bây giờ chắc tuổi cũng đã 45, 46. Vợ chồng tôi ngạc nhiên khi thấy Bích Kiều vẫn còn trẻ đẹp. Cặp kiếng cận làm tăng nét tao nhã quý phái. Cô ôm chầm chúng tôi, rồi lấy kiếng xuống để chùi nước mắt.

- Không ngờ Kiều bây giờ còn đẹp hơn hồi xưa nhiều lắm. Sao đi có một mình ên còn ảnh thì giấu kỹ ở đâu rồi không cho trình diện?

Câu nói đùa của bà xã tôi làm cô bớt xúc động, nở nụ cười sau một thoáng thẹn thùng:

- Em vẫn còn độc thân mà! Hôm nay xuống đây nhờ anh chị làm mai đây.

Chúng tôi đi quanh khu vườn sau nhà. Bà xã muốn khoe mấy cụm hồng vàng vừa mới nở hoa, trước khi dắt tay cô bước vào phòng khách. Tôi mang nước ra mời và ngồi nghe hai người đàn bà nói chuyện trang điểm, phấn son xong mới lên tiếng:

- Vậy là Kiều đang ở Trondheim. Tôi thấy địa chỉ trong tấm thiệp cưới. Ngày ấy, tự dưng Kiều biến mất, làm bọn tôi cứ nghĩ là nàng trích tiên đã ngao ngán cảnh trần gian mà bay lại về trời rồi chứ.

Cô cười bẽn lễn:

- Hôm nay đến cũng để xin lỗi anh chị đây. Ngày ấy lòng em còn đau xót lắm, nên muốn đi đến một nơi thật xa, không muốn gặp bất cứ người Việt nào và nhất là những ai đã biết về mình. Mặc dù em rất thương quý và mang ơn anh chị.

Tôi cười:

- Tôi biết, nên chỉ thương chứ có nỡ lòng nào mà trách. Chắc Kiều còn nhớ cái câu tiếng Na-uy “Ngày mai tôi muốn bỏ đi thật xa” mà Kiều nhờ tôi viết ra và chỉ cho Kiều đọc đi, đọc lại bao nhiêu lần. Khi ấy Kiều bảo rất thích câu ấy trong một bài hát mà Kiều hay hát? Nhờ đó mà tôi hiểu được, nên không có ý tìm Kiều.

Đúng là cô đã đi thật xa, một hòn đảo nhỏ nằm ngoài khơi thành phố Ålesund. Ở đó không có một người Việt nào sinh sống. Chính quyền và dân chúng rất tốt. Mẹ con cô

được chăm sóc chu đáo. Một năm sau cô bảo lãnh mẹ và hai cậu em sang đoàn tụ. Gia đình sống trong hạnh phúc. Đứa bé lớn lên trong vòng tay yêu thương của mọi người. Cháu được đặt tên Trần Huy Bách, và trong giấy khai sinh có cha là Trần Huy Trác. Tên người vợ hôn phu của Kiều. Anh đã bị chính cha ruột của thằng bé giết chết thảm thương rồi vứt xác xuống biển. Kiều giấu kín mẹ và các em điều đau thương này, nên đến lúc qua đời, mẹ cô vẫn tin đứa cháu ngoại duy nhất của mình là con của Trác. Bà mất đột ngột sau cơn bệnh tim, khi sang Na-uy được mười sáu năm.

Được chính phủ trợ cấp, cho học bổng, và nhờ mẹ giúp trông con cùng mọi việc trong nhà, nên Kiều và hai em được đi học. Cả ba chị em đều xong đại học. Hai cậu em đang là kỹ sư, còn cô làm y tá trong bệnh viện. Khi hai cậu em được nhận vào trường NTH, một đại học kỹ thuật bách khoa nổi tiếng tại thành phố Trondheim, miền trung Na-uy, cả nhà đã di chuyển về đây sau sáu năm ở Ålesund. Cháu Huy Bách, con của Kiều cũng vừa tốt nghiệp ở trường này mùa hè năm ngoái.

- Vợ chồng tôi mừng cho Kiều, cho sự thành công của mẹ con Kiều cùng hai cậu em, và cũng xin chia buồn về việc bà cụ đã ra đi. Tiếc là chúng tôi không có dịp được gặp bà.

Đang vui, bỗng Kiều xúc động:

- Tất cả đều nhờ mẹ em. Cả một đời thiệt thòi, chịu đựng vất vả với con cháu. Em vẫn ân hận là em đã phải nói dối với bà về chuyện của cháu Bách.

- Tôi nghĩ Kiều làm như thế là đúng. Ít nhất là không làm đau lòng thêm những người ruột thịt vốn đã chịu quá nhiều nhục nhằn, khổ khổ. Tôi tin là bác ra đi thanh thản, không có trách gì Kiều về sự việc ấy đâu. Tôi nói để an ủi.

Bà xã tôi này giờ không hiểu hết những gì chúng tôi trao đổi, hỏi Kiều:

- Sao cô lại không giữ tên Kiều mà lấy tên Bích. Tôi thấy tên Bích Kiều đẹp lắm. Ngày xưa gần nhà tôi ở Nha Trang cũng có tiệm uốn tóc Bích Kiều. Mấy cô con gái đều đẹp. Tôi quen cả hai chị em.

- Dạ, em thấy cuộc đời nàng Kiều của ông Nguyễn Du sao mà ba chìm bảy nổi quá, mà dường như cũng đã vận vào em,

em sợ nên đổi tên Bích, cũng là chữ lót của em.

Tôi cười phụ họa:

- Nàng Kiều nào cũng đã chết rồi. Bây giờ, đang ngồi trước mặt tôi là Bích. Một cô Bích hoàn toàn khác. Chúng tôi rất mừng được như vậy. Xin lỗi, đáng lẽ ra không nên gọi cô là Kiều nữa. từ bây giờ chúng tôi gọi tên Bích nghe.

- Có sao đâu anh. Hai đứa em của em cũng gọi em là chị Kiều mà. Ngoài gia đình, chỉ có anh chị là biết cái tên này của em. Chuyện xưa cũng đã qua rồi. Em muốn anh chị cứ gọi em là Kiều như ngày trước. Hơn nữa, em biết, ngày ấy anh chị cũng thương yêu cô Kiều đó lắm, phải vậy không?

Cả ba chúng tôi đều cười.

Kiều nhìn đồng hồ trên tường, khi nghe tiếng chuông báo giờ. Không biết vì không muốn nhắc lại chuyện cũ, hay là sợ không còn nhiều thời gian, cô bắt đầu một câu chuyện khác. Cô mở xách tay lấy ra mấy tấm ảnh đưa cho chúng tôi xem. Ảnh của Bách, con trai cô vừa chụp với cô vợ tương lai trong ngày lễ đính hôn hơn ba tháng trước. Một cô gái Việt nam. Cả hai cô cậu đều đẹp, mũi cao, đôi mắt to, vàng trán thoáng lên nét thông minh.

- Hai cháu rất xứng đôi vừa lứa! Vợ chồng tôi khen.

Cô cho biết cô dâu tương lai là một dược sĩ vừa mới tốt nghiệp, con gái út của vợ chồng một vị giáo sư trước 75, được con bảo lãnh sang Na-uy, và bây giờ lớn tuổi đã về hưu. Ông bà đang sống ở Oslo. Gia đình nề nếp, đạo đức, có năm người con, tất cả đều thành đạt. Cô nhờ vợ chồng tôi, tuổi tác ngang với cha mẹ cô dâu, đứng ra thay mặt nhà trai trong ngày đám cưới. Nhưng điều quan trọng hơn, theo cô, là để cho cháu Bách, và chính cô nữa, được tự tin, ấm áp hơn về phía gia đình mình. Bởi vợ tôi là người chứng kiến khi Bách ra đời, còn tôi là người đồng hương duy nhất biết rõ về Bách, về những tình huống để có Bách hiện diện trên thế gian này.

- Sự có mặt của anh chị trong ngày đám cưới cháu Bách, là một kỷ niệm thiêng liêng quý giá đối với mẹ con em. Bởi vì khi nhìn thấy anh chị, em sẽ có cảm giác như là đang có anh Trác bên cạnh. Xin lỗi anh chị, em cũng đã nói dối với cháu Bách, anh là người

duy nhất ở Na-uy này biết chuyện Trác, và tội nghiệp, cháu Bách vẫn tin anh Trác là ba của nó. Em thường bắt gặp cháu đứng thật lâu trước tấm ảnh của anh Trác trên bàn thờ.

- Vậy nhờ cháu Bách hỏi tôi về Trác, tôi biết nói gì với cháu?

Nghĩ ngợi một lúc, Kiều lên tiếng:

- Em chỉ nói với cháu Bách, là ngày xưa anh ở trong quân đội, nên biết ba của anh Trác là ông nội cháu, thế thôi. Chứ lúc ấy anh Trác còn nhỏ lắm. Em thiết tha mong anh chị giúp em. Vì trong lúc này, em cảm thấy thật lo sợ và cô đơn. Những hình ảnh hải hùng ấy cứ tưởng đã quên được từ lâu rồi, vậy mà bây giờ nó lại hiện lên liên tục, ngay cả trong giấc ngủ của em. Thú thực, ban đầu em không có ý định gặp anh chị, nhưng càng gần ngày đám cưới cháu, em càng thấy lòng bất an. Cuối cùng bất ngờ em đã nghĩ đến anh chị, người đã biết tường tận hoàn cảnh của mẹ con em, bỗng dưng em thấy nhẹ nhàng, như vừa giải tỏa được những gì cứ phải chôn giấu, đè nặng mãi trong lòng.

Nhớ tới hai người em trai của cô, vợ tôi hỏi:

- Còn hai cậu em của cô bây giờ ra sao. Đã có gia đình riêng hay vẫn ở chung với cô?

- Cậu lớn sống chung với cô bạn gái người Na-uy hơn hai năm thì chia tay, còn cậu út vẫn chưa lập gia đình. Tuy nhiên, hai cậu đều ở riêng.

Cuối cùng, vợ chồng tôi quyết định hủy bỏ chuyến đi London. Phải gọi sang xin lỗi và giải thích cho vợ chồng cô con gái, bảo đây là một việc ba má cần làm để giúp cho những người bất hạnh có thể tìm lại ít nhiều hạnh phúc.

Lễ thành hôn được tổ chức buổi sáng thứ Bảy. Chúng tôi đến khách sạn Royal Christiania khi trời vừa mới trải qua một cơn mưa hạ. Ánh nắng bắt đầu chói chang rọi qua những tán cây tạo thành những vệt lung linh trên các bãi cỏ xanh điểm những chấm vàng rực rỡ của hoa løvetann đang mùa nở rộ. Họ nhà trai dùng khách sạn này, nơi mẹ con Kiều và hai cậu em đang ở mấy hôm nay, làm “điểm xuất phát”. Từ Trondheim xuống, nên họ chỉ có bốn người. Thêm một cậu người Na-uy ở Oslo, bạn học của Bách làm phụ rể. Vợ chồng tôi đến với hai cô con gái và ba đứa cháu, để bùng các mâm lễ vật, theo yêu cầu của Kiều. Lần đầu tiên chúng tôi gặp Bách.

Cậu bé ra đời vào một đêm đông tuyết giá, trong nỗi cô đơn và xót xa của mẹ, chỉ có vợ chồng tôi, hai người đồng hương xa lạ, có mặt và nghe tiếng khóc đầu đời, bây giờ là một thanh niên tuấn tú, có học, chân thật hiền lành. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là Bách nói tiếng Việt rất giỏi. Bất giác, tôi nhớ tới những điều Kiều kể với vị cảnh sát ngoại kiều trước kia trong bệnh viện. Đầu óc như mơ hồ có tiếng sóng biển thét gào phần nộ, và hình dung tới gã hải tặc Thái Lan có mái tóc phủ xuống lưng, trên người đầy những hình xăm với đôi mắt lúc nào cũng đỏ ngầu trong men rượu. Bỗng tôi giật mình với cảm giác như vừa làm điều phạm tội. Cố gắng hướng tâm trí tới những điều thánh thiện, tốt đẹp khác để xua đuổi hết những hình ảnh đen tối ấy vào giờ phút mọi người đang cần có niềm vui và hạnh phúc.

Lễ thành hôn đã diễn ra tốt đẹp. Ông bà sui của Kiều đều là nhà giáo, hiểu biết và tôn trọng nề nếp cũ. Mọi nghi thức hôn lễ theo tập tục do ông bà hướng dẫn khá tỉ mỉ. Con cháu đều thành đạt, lễ phép. Tôi mừng cho Kiều, và nhất là cho cháu Bách đã may mắn là con rể của gia đình này. Có lẽ thấu hiểu hoàn cảnh của Kiều với lòng mến mộ, sau khi lạy ông bà trên bàn thờ gia tộc, ông giáo hướng dẫn cô dâu chú rể đến dâng rượu và xin lạy mẹ của Bách hai lạy. Ông giải thích, một lạy cảm tạ công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ. Mất chồng từ khi còn rất trẻ, nhưng không bước thêm một bước nào nữa mà dành hết cuộc đời cho đứa con duy nhất của mình. Một lạy xin mẹ nhận thay cha, để hai con tưởng nhớ đến người cha bất hạnh, sớm lìa đời khi chưa thấy mặt con.

Khi vợ chồng cháu Bách mời rượu, nói những lời cảm ơn thật cảm động, Kiều âu yếm nhìn hai con, định nói điều gì, nhưng rồi nghẹn ngào. Sau một lúc mới nở được nụ cười trong ràn rụa nước mắt. Tôi thấy lòng băng khuâng. Thăm mong đó không phải là những giọt nước mắt xót xa mà là niềm vui của hạnh phúc.

Không khí bỗng lắng xuống. Mọi người đều xúc động. Kiều ngược lên, đứng vào lúc tôi quay mặt đi để giấu những giọt nước mắt của chính mình.

Phạm Tín An Ninh

Thơ Khánh Hà

như trong cổ tích

(gửi D. Đ - VN)

Tôi có bà cô già
thường gởi cho tôi những bức thư trên mạng
kể cho tôi nghe chuyện xứ lạ đường xa
Cô cư ngụ ở một đất nước nhỏ bé
rất gần Bắc cực
khí hậu lạnh giá
mùa đông ở đó dài quá
mùa đông trắng tiếp nối mùa đông xanh
còn mùa hè thì quá ngắn
ngày hạ chí mặt trời không lặn
lơ lửng nơi chân trời chờ đợi bình minh
Ở đó khí hậu trong lành
rừng thông xanh bát ngát
nước uống lấy thẳng từ sông hồ tinh sạch
từng loại cây, loại hoa, con bướm, con ong
được người ta bảo vệ giữ gìn
Ở đó cũng có những em nhỏ
đi lượm vỏ chai
không phải để ngày ngày kiếm sống
mà để gom tiền cho trẻ em ở một xứ xa
thỉnh thoảng có người mang giỏ đến từng nhà
quyên tiền giúp đỡ chỗ này chỗ nọ
Trường học sớm dạy trẻ nhỏ
nhân ái và lương thiện
không dối gian lừa gạt bao giờ
Xã hội nơi đó giống như ước mơ
không có hố sâu nghèo giàu cách biệt
có tất cả những quyền tự do cần thiết

Còn tôi đang sống ở một nơi
mà chuyện cô kể nghe như trong cổ tích



theo bước thời gian

trời vừa chớm sang đông
chim ríu rít bên sông
hẹn nhau bay từng đàn
tìm về nơi ấm áp

buổi sáng mây bàng bạc
xao xác lá vàng rơi
rừng phong xa đỏ ối
mùa thu lại về rồi

đầu xuân tan băng giá
suối róc rách chảy qua
cánh đồng xanh nhu nhú
nao nức mầm cỏ hoa

hè về nắng lấp lánh
trên những vòm lá xanh
mặt trời xa san sẻ
từng giọt nắng thơm lành

thời gian luôn đúng hẹn
dù nước chảy mây bay
có chuyển đồ không hẹn
đến đón ta một ngày

phù hư thôi bỏ lại
trên lối về nhẹ tênh
như một giọt nước nhỏ
tan vào biển mông mênh

Những cuộc rong chơi

Đoàn Mai Tâm



Tôi đã từng được ông chủ mang theo để làm phương tiện che mưa gió cho gia đình ông trong những cuộc nghỉ hè bên bãi biển, hoặc bất kỳ trước phong cảnh thiên nhiên nào gia đình ông muốn dừng chân thưởng ngoạn.

Nhưng đã lâu lắm rồi, tôi không thấy ông bà chủ đã động gì đến chuyện đi nghỉ hè theo kiểu này nữa. Ông bà cất tôi trên cái gác xếp tróc ga-ra. Tôi nằm đó im lìm, mùa nọ nối tiếp mùa kia; bụi bặm theo ngày tháng phủ lên. Cứ mỗi lần sức nóng hăm hấp từ mái ga-ra tỏa xuống và tiếng trẻ nô đùa đá banh, nhất là những khi tiếng trái banh quá đà lăn trên mái ngói gần chỗ tôi nằm, lại gọi cho tôi nhớ về những trò chơi vui thú, những ngày hạnh phúc lẫn với phần đầu toát mồ hôi cùng những khi ông chủ đương đầu với thời tiết khắc nghiệt trong những cuộc rong chơi đã qua.

Trận nóng đầu mùa hè năm nay, tôi đang trong cơn suy nghĩ cùng quần đến tuyệt vọng thì nghe có tiếng chân leo lên gác xếp. Mới đầu, tôi đoán ông chủ lên tìm đọc sách cũ

được xếp cùng chỗ với tôi như thỉnh thoảng ông vẫn làm. Nhưng rồi, tôi lại hồ nghi ngay cái điều tôi vừa đoán, vì chưa bao giờ ông chủ lên đọc sách vào những ngày hè, mà thường là những ngày mưa chớm thu. Tôi còn đang suy đoán mông lung thì ông chủ đã lên đến chỗ tôi. Ông cũng gom những cuốn sách nằm ngổn ngang bên tôi lại nhưng không phải để đọc mà sắp xếp cho gọn cho trống chỗ, bấy giờ ông chủ mới kéo tôi ra. Ông chuyển tôi cho bà chủ đứng chờ sẵn ở phía dưới đỡ, rồi hai ông bà đặt tôi nằm ngay ngắn trên thêm ga-ra. Tôi nằm đó trong hồi hộp, mừng vui lẫn lo âu về sự việc vừa xảy đến quá bất ngờ.

Cho đến một ngày nắng, hai ông bà bày tôi ra giữa cái sân gỗ, ở đó, hai ông bà xối nước chà, giặt cho tôi. Và khi toàn thân tôi đã khô, ông giúp bà may lại những chỗ bị xỏ chỉ, những chỗ bị rách và đơm lại các khuy bị mất.

Những thương tích để lại trên thân thể tôi đang được ông bà chủ may vá lại phần nhiều

bởi những cuộc chống trả với những trận mưa đông mùa hè. Một trong những trận mưa đông ghê gớm nhất xảy đến, khi chúng tôi đang trên bãi biển Lokken, cách Ålborg chừng hai mươi cây số về hướng tây bắc. Hôm ấy, ông chủ dựng tôi ở đồi cát trên cao, từ đó, ông bà chủ dùng thang gỗ dài chừng hơn ba mươi mét, được làm dựa lưng vào đồi cát gần như thẳng đứng để đưa cậu và cô chủ xuống bờ cát thoải thoải tiếp giáp với bờ nước ở phía dưới. Đây là bãi biển tiếp giáp trực tiếp với biển lớn, với những lớp sóng cao có khi tới cả thước dồn dập đổ vào bờ. Bờ cát mịn, phẳng lì và dài hun hút. Ở quãng xa, có đường xe dẫn xuống bờ cát và xe có thể chạy dọc theo bờ cát đến cứ điểm kế cận trên bờ biển.

Ông bà chủ tôi bị cảnh trí thiên nhiên cùng với sinh hoạt của con người nơi đây quyến rũ, quên đề ý đến những đám mây đen đang ùn ùn kéo lên đe dọa ở cuối chân trời. Đến lúc ánh mặt trời chiều vụt tắt, cơn dông đã cận kề. Khi ông bà mang cậu và cô chủ lên khỏi bức tường cát đến chỗ tôi, gió đã xô đẩy tôi lỏng các cọc và các dây chằng, toàn thân bị co dúm lại. Cậu và cô chủ từ trên lưng ông, bà chủ choãi xuống, thấy đồ chơi của mình bị hất tung ra ngoài thì hoảng sợ. Ông chủ đưa vợ và các con vào bên trong tránh gió, còn ông tiếp sức cho tôi bằng đóng lại các cọc, căng lại các dây. Và đồng thời, ông đóng thêm các cọc phụ kèm từng cái khuy ở dưới chân tôi cho bám chặt vào mặt đất phòng trường hợp bị gió lùa vào cuốn tôi theo như cuốn một cánh diều. Trời tối dần, trong lúc sức gió không giảm, thỉnh thoảng lẫn với tiếng sóng biển như gào lên, lại kéo theo mưa mỗi lúc một gia tăng, ông chủ tôi mang tất cả các dây thùng cùng các cọc dự phòng ra trong tư thế sẵn sàng đối phó. Trong khi ông chủ chưa biết đóng thêm cọc giằng thêm dây cho tôi như thế nào, nước đã đọng trên mái thành từng vũng nhiều ướt một góc mùng chỗ vợ con ông nằm. Ông chủ liên tục chui luôn ở bên dưới tôi, hết góc nọ đến góc kia đẩy cho nước trên mái thoát đi.

Trong khi đó ở bên ngoài, có những lúc sức gió như một bàn tay khổng lồ đè tôi xuống, rồi lại giựt lên thật mạnh, nhờ các cây cọc tuột ra khỏi mặt đất. Cứ mỗi lần bị như thế, ông chủ lại ra giữa trời mưa gió đóng cọc và căng dây lại. Tôi đã cùng với ông chủ chống

trả với trận mưa dông suốt đêm. Đến gần sáng, lợi dụng lúc ngớt cơn mưa, ông bà đưa cậu và cô chủ ra xe trước, bắt đầu cuộc rời bãi.

Kinh nghiệm từ đêm mưa dông hôm ấy, ông chủ không dám đưa tôi đến bãi trên các vùng biển lớn nữa, mà thường là các bãi nằm sâu trong vùng vịnh với sóng gió hiền hòa hơn. Các địa danh đã do chính tay ông chủ viết lên thân thể tôi, ngày chúng tôi ở nơi đó, hiện đang trải ra trước mặt ông. Địa danh Askim chừng hơn hai mươi cây số về hướng nam thành phố Göteborg, Thụy Điển đã gợi cho ông nhớ lại một vùng biển thật lạ kỳ. Buổi trưa, lúc chúng tôi đến, cả một vùng biển ăn sâu vào đất liền nước trong veo; người ta thi đua nhau lội ra xa tít tắp vì mực nước cả vùng đều đặn ngang thắt lưng người. Nhưng chỉ qua một đêm, nước biển rút ra thật xa, cả một vùng đầy người bơi lội hôm qua, nay trở ra những doi cát, chim từng bầy kêu inh ỏi sà xuống tìm mồi. Ngày ấy, cậu và cô chủ tôi tuy mới chừng năm, bảy tuổi mà đã có cái thú chạy trên những doi cát đuổi theo những con còng.

Trong số các địa danh đã được ghi lên người tôi, bãi biển Svendborg cách Odense chừng hai mươi cây số về hướng đông nam là nơi tôi đã cùng gia đình ông chủ đến nhiều lần nhất. Ngoài địa danh, mỗi lần đến đó, ông chủ lại viết chằng chịt vào tấm vải ngăn đôi cái màn ngủ ở bên trong. Tuy nét mực đã phai đi nhiều nhưng vẫn còn đọc được: “*Trời trong, từ bãi cát tôi nằm có thể nhìn thấy cây cầu bắc ngang qua biển nối liền hai phần đông và tây của Đan Mạch, một công trình vĩ đại vừa mới được khánh thành... Bờ nước gần bên, đôi vịt có bộ lông màu nâu sẫm cắm cúi tìm ăn. Chúng chúi đầu xuống nước mò mẫm trong đám rong rêu lẫn với vỏ cây khô dạt vào các khe đá. Thỉnh thoảng, nó ngẩng đầu lên khỏi mặt nước, rồi lại mau chóng chúi đầu vào chỗ khác. Máy đưa con tôi đến gần chộc phá, chúng lại cặp kè bên nhau đến một quãng khác*”. Vài năm sau, tôi được trở lại nơi này, ông chủ ghi thêm: “*...từ bãi biển về, tôi thường ngồi trên khúc gỗ cạnh hàng rào cây gần lều tôi ở chờ phòng tắm công cộng vắng người. Nhưng hôm qua, lúc chập choạng tối, tôi định đến đó ngồi, một con mèo trắng đang ngồi đứng vào chỗ tôi vẫn thường ngồi. Khi tôi tiến lại gần, chú*

thong thả xoay hai chân sau xuống đất, hai chân trước bám chặt vào khúc gỗ, hai tròng mắt hướng về phía tôi cách đề phòng. Tôi tiến gần thêm chút nữa, chủ rút hẳn hai chân trước xuống khỏi khúc gỗ thu mình lại cạnh hàng rào cây, tình trạng căng thẳng dần lên đôi tròng mắt. Tôi bước giật lùi về lều, trong lều, mấy đứa con đang rình quan sát chủ mèo trắng đã leo lên khúc gỗ ngồi lại”.

Ông bà chủ mãi mê nhớ về những địa điểm và thời gian đã đi qua, hiện chỉ còn ghi lại trên thân thể tôi làm cho thời gian giắt giữ, may vá lại cho tôi kéo dài ra hết cả tuần; nhiều người cho rằng ông chủ tôi lắm cảm. Họ bảo, làm gì mà phải tốn phí công sức cho cái đồ quý này như vậy, vứt mẹ nó đi, mua cái mới có phải rẻ và tiện nghi hơn không!

Dù vậy, cuối tuần đó tôi cũng đã được hoàn tất và được ông bà chủ dựng lên ngay ngắn chính giữa cái sân gỗ ngay chỗ tôi được giắt giữ để chuẩn bị đón các cậu chủ, cô chủ của tôi hiện đang làm việc ở xa về thăm.

Từ chỗ đậu xe, cô chủ nhìn thấy tôi trước sân nhà vẫn y nguyên như ngày xưa, cô reo lên mừng rỡ. Cô chui vào trong, qua chỗ ngày xưa hai anh em cô thường để những con cua, con cá nhỏ bắt được trong lúc tắm biển trong cái xô nước nhỏ, rồi nằm lăn trong cái mùng tuổi thơ. Cậu chủ tôi cũng vui mừng không kém, bởi những nét vạch nguệch ngoạc còn hằn trên thân thể tôi, cho cậu thấy ngày xưa cậu là một đứa trẻ nghịch ngợm.

Đêm hôm ấy, họ bày tiệc ăn uống dưới sự che sương và chắn gió của tôi - một cái lều vải cũ - cùng với hai nhân vật tôi được gặp lần đầu là chồng của cô chủ và người yêu của cậu chủ tôi. Quanh ngọn nến, thời thơ ấu của cậu, của cô chủ tôi luôn là đề tài nói chuyện hấp dẫn đối với hai thành viên mới trong gia đình ông bà chủ. Và cũng thật là thú vị cho tôi, vì hầu hết các mẫu chuyện họ nói với nhau đều có liên quan đến tôi trong các cuộc rong chơi nghỉ hè.

Cái ‘lắm cảm’ của ông chủ đã biến tôi từ cái lều vải cũ kỹ tầm thường thành ra có một tâm hồn và có một đời sống khác còn phong phú hơn cả đời sống vật chất dù không nhìn thấy.

Đoàn Mai Tâm

mùa xuân chín

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió tre tà áo biếc
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vút vèo lưng chừng núi
Hồn hên như lời của nước mây
Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí băng khuâng sức nhớ làng
Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Hàn Mặc Tử



THƠ

Cung Vĩnh Viễn



thơ cuối năm 2011

Cuối năm có gì lạ không
hỏi cho có hỏi chẳng mong trả lời
cuối năm cũng thế mà thôi
cũng là trời đất chuyển dời quẩn quanh
cũng là vô thủy vô chung
dòng thời gian ấy mịt mùng vô minh
sao còn trông bóng nhớ hình
mơ trắng cổ quận hoài tình cổ nhân
sao còn nặng những vọng tâm
hãm mình trong lưới thời gian hạn chùng
thấy năm cạn thấy tháng cùng
thấy đời hao hụt thấy phần dương rơi.

Cuối năm chợt nhận tin người
tình như muối mặn gừng cay thần thờ
tầm tầm trời cứ đổ mưa
những đêm trường mộng tỉnh ra ngỡ ngàng.

Cuối năm lòng chợt băng khuâng
có tôi xuôi một dòng sông nổi chìm.

tâm cảnh

Tôi gỡ bông chi rồi
ngồi vá lại xuân hồng
trời cuối năm buồn vội
tôi thêm cuồng cả lòng.

Chiều bỗng dưng sụp tối
thôi tiếc gì cho cam.

Tôi muốn phanh phui những nỗi muộn phiền
trải ra trên mặt đời bình yên giả tạo
những lớp sóng ngầm kia
thế nào chả có ngày làm nên giông bão.

Tôi có một đời riêng
nguyên là một niềm im lặng
chính phần đời tôi đen
kiêu hãnh hay tủi nhục
khi vuốt lấy mặt mình
mới lộ ra sự thực.

Cách thế tự xử mình
vẫn là lòng bao dung vô hạn.

Tôi có khuynh hướng là
bi thảm hóa mọi việc
cuộc đời mọc thêm ra
bao nhiêu nanh vuốt nhọn.

Vòng dư luận quanh nhà
ào ào như những mũi tên tầm độc.

Tôi đỡ gạt quanh co
tự ôm lấy những vết thương hằn học .

Sống đã đến tuổi này rồi
sao nhiều khi vẫn thấy như là mình đi lạc
mở cái tâm mình ra
ngó lạ lắm một cõi xa nào đã khuất.

Đêm qua tôi đối diện với mình
châm bao nhiêu điều thuốc
tôi nói cho tôi rành
những điều hơn lẽ thiệt.

Tôi bất đồng làm thỉnh
tôi rượt tôi chạy miết.

Có trở bước hững hờ
tâm cảnh mình đã như đôi khác...



chiều hôm

Chiều hôm ra đứng ngoài sân gió
thấp thỏm lòng ta nổi đợi trông
cánh chim về trễ trong trời rộng
hoảng hốt xòe đôi cánh lượn vòng.

Những cánh chim trời phiêu bạt ấy
mỗi khi chiều xuống có buồn không
và khi mỗi cánh đời sương gió
có giống như ta có chạnh lòng?

Có níu thời gian mà tiếc nuối
những mộng ngày xanh đã héo hon
những bóng hình qua như ảo ảnh
áo người phai nhạt ráng hoàng hôn.

Có phóng mình lao về phía trước
để mà chuốc lấy những lo âu
nhìn quanh không thấy trời mây nước
thấy kiếp người như vụn cỏ sâu.

Chìm trong cái cõi vô minh ấy
thấy mắt nhìn ta chẳng thấy chi
chẳng biết cái thân là bào ảnh
cái đời mộng muội cứ trôi đi.

CHIÊU HỒI NGÔN TỪ



Ảnh chụp từ một cuộc liên hoan "Văn Hóa" tại Việt Nam

Tâm Thanh

Người tỵ nạn ra đi không mang theo hành lý nào ngoài chút di sản tinh thần, trong đó có ngôn ngữ. Trong gia đình ta vẫn nói tiếng Việt, suy nghĩ như người Việt, và vì lý do nọ lý do kia, vẫn tiếp xúc với tiếng Việt nơi quê cũ. Người yêu tiếng Việt và để ý một chút các hiện tượng ngôn ngữ, sẽ đau lòng thấy tiếng Việt nơi đất Việt xuống dốc thê thảm. Hình trên cho thấy 10 người làm văn hóa tại Việt Nam tươi cười giữa màu đỏ chói cách mạng dưới khẩu hiệu "*bánh trung*". Một lỗi chính tả như thế trước hàng trăm (hay ngàn?) con mắt mà không ai thấy, tố cáo sự ngu dốt, nhưng ngu dốt không phải là một tội lỗi. Coi thường di sản tinh thần dân tộc mới là tội lỗi. Ráng vận động cho Vịnh Hạ Long được liệt vào hàng kỳ quan thế giới, trong khi bỏ bê tiếng mẹ đẻ, là phô trương cái cảnh mà hủy lấp cái gốc của văn minh – tiếng nói. Họ cử cán bộ ra ngoại quốc mở lớp Việt ngữ cho con em "Việt kiều", trong khi cán bộ nói tiếng Việt sai, ngọng, chứng tỏ họ không định bảo tồn tiếng Việt, mà chỉ để đầu độc con nít.

Mục đích của bài này là trình bày sự bê bối của tiếng Việt tại Việt Nam bây giờ; sau đó, đặt vấn đề nên ứng xử như thế nào, trong đó tôi chủ trương "chiêu hồi" – không vất bỏ những chữ ta quen đóng dấu là "từ Việt

cộng", mà trả chúng về vị trí ngôn ngữ nguyên thủy của chúng, và sử dụng chúng một cách đúng đắn.

Nhưng trước hết những chữ nào đã bị đóng dấu lầm?

1. NHỮNG TỪ NGỮ BỊ ĐÓNG DẤU LẦM

Tôi chọn bảng "*Đối chiếu từ ngữ VC và từ ngữ VNCH*" (trong bài *Nỗi buồn tiếng Việt sau 1975*, Diễn đàn Điện tử Việt Nam) của tác giả Trần Văn Giang, làm khởi điểm bàn luận, vì nó phong phú nhất, tác giả là người nghiên cứu và viết nhiều về văn hóa, chính ông đã kêu gọi góp ý cho bảng đối chiếu công phu của ông.

Đôi khi tôi bắt chước ông, dùng chữ "VC" và "VNCH". Nhưng tôi thích ý niệm "**miền ngôn ngữ**" hơn – để chỉ một bên là tiếng Việt, bên kia là đặc ngữ XHCN. Tôi cũng xin cáo lỗi trong phần chú thích ngoại ngữ tôi dùng tiếng Na-uy là tiếng quê hương mới của tôi, nhưng để độc giả ở xứ khác cũng thông cảm, tôi thêm tiếng Anh là tiếng tôi biết lõm bõm.

Trong hơn 200 cặp từ ngữ của ông TVG, tôi trích 25 cặp gồm 10 cặp đầu tiên, sau đó

nhật tình cò :

<u>Từ ngữ VC</u>	<u>Từ ngữ VNCH</u>
ấn tượng	đáng ghi nhớ, đáng nhớ
bác sỹ, ca sỹ	bác sĩ, ca sĩ
bang	tiểu bang
bảo quản	che chở, giữ gìn
bài nói	diễn văn
bèo	rẻ tiền
bóng đá	túc cầu
bổ sung	thêm, bổ túc
bồi dưỡng (hồi lộ?)	nghi ngơi, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ
bức xúc	dồn nén, bực tức
bất ngờ	ngạc nhiên
cách ly	cô lập
cảnh báo	báo động, lưu ý
chất xám	trí tuệ, thông minh
chế độ	quy chế
động thái	động lực
động não	vận dụng trí óc, suy luận, suy nghĩ
hoành tráng	nguy nga, tráng lệ, đồ sộ
huyện	quận
lý giải	giải thích (explain)
nâng cấp	nâng hoặc đưa giá trị lên
nhà khách	khách sạn
nhất quán	luôn luôn, trước sau như một
thị phần	thị trường
xác tín	chính xác

Nhận xét:

“**Ấn tượng**”: tiếng của hai miền. Từ hồi còn nhỏ, tại Sài Gòn, tôi đã đọc, nghe “trường phái ấn tượng, ấn tượng còn đậm trong trí cô Tư, bản nhạc gây ấn tượng quê hương”. Cái khác là ngày nay trong nước dùng “ấn tượng” vừa như danh từ vừa như động từ. Ngày xưa ta nói “Bản nhạc gây ấn tượng”, ngày nay người trong nước nói “Bản nhạc ấn tượng”, chỉ bớt đi chữ “gây”! “Đáng ghi nhớ, đáng nhớ” không phải là tiếng Việt tương đương cho “ấn tượng”

“**Bác sỹ**”: viết y-dài là sai, nhưng – cũng như trường hợp “bánh trưng” – không phải nhà cầm quyền chủ trương như vậy. Cứ giờ sách báo hai miền ra đọc, ta sẽ thấy cả hai miền đều nhiều người viết đúng, ít người viết sai.

“**Bang**”: Ta quen nghe “tiểu bang” khi nói về state của Mỹ, nên thấy không thuận tai khi nghe người Hà Nội gọi tắt là “bang”. Nhưng “bang” (đứng một mình) đã được

dùng ngay từ thời Trạng Trình – “Sấm động nam bang / Vũ quá bắc hải”.

“**Bảo quản**”: Việt Nam Tự điển Lê Văn Đức, “bảo-quản đt (Pháp): Bảo thủ và quản xuất, giữ sổ bộ, đăng ký, điền thổ, cải chính và cấp phát bản sao”

“**Bài nói**”: Tôi gặp “bài nói chuyện, bài tham luận, bài phát biểu” ở cả hai miền, mà chưa gặp “bài nói” đứng một mình bao giờ (nhưng tôi tin rằng tác giả TVG có gặp nên mới chép vào bảng đối chiếu). Ngược lại, chữ “**diễn văn**” tôi thấy nhan nhản trên báo chí Việt cộng, VNCH và hải ngoại. Như vậy “diễn văn” là chữ Việt thông dụng ở mọi miền.

“**Bèo**” là nói tắt thành ngữ dân gian “rẻ như bèo”, tiếng lóng, chưa thấy trong văn bản chính thức của CS. Và tất nhiên “rẻ” được dùng rộng rãi ở cả hai miền ngôn ngữ.

“**Bóng đá**”: Đào Đăng Vỹ, trong Pháp Việt Từ điển, dịch football là: môn bóng tròn, túc cầu, đá bóng, đá banh. Vậy nói “bóng đá” không sai, nhưng ngày nay trong nước dùng thay cho “túc cầu”.

“**Bổ sung**” ta cũng dùng rất thường trong Nam – “bổ sung quân số”, “lần tái bản này đã được bổ sung”. Vậy “bổ sung” và “bổ túc” được dùng ở cả hai miền ngôn ngữ.

“**Bồi dưỡng**” được dùng ở cả hai miền (Miền Nam, xin coi Việt Nam Tự điển Lê Văn Đức, chẳng hạn). Cán bộ cs nói “kỳ hè giáo viên đi bồi dưỡng” nghe kỳ cục, nhưng nếu nói “bồi dưỡng chính trị” thì về phương diện ngữ pháp, không có gì sai cả. Tác giả TVG có lý khi cho rằng “tắm bổ” là từ tương đương; những chữ còn lại (nghi ngơi, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ) là mô tả chi tiết chứ không phải danh từ tương đương với “bồi dưỡng”.

“**Bất ngờ**” và “**ngạc nhiên**” đều được dùng ở cả hai miền. Nhưng hai chữ có ý nghĩa khác nhau hoàn toàn.

“**Bức xúc**” là tiếng đặc thù trong xã hội VN bây giờ. Nhưng ông TVG đưa hai chữ “**dồn nén**” và “**bực tức**” làm chữ tương ứng của VNCH, thì không đúng.

“**Cách ly**” và “**Cô lập**” đều được dùng ở cả hai miền ngôn ngữ. Việt Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ: “cách ly, cách biệt: séparé l’un de l’autre”. “Cách ly” và “cô lập” không đồng nghĩa hoàn toàn với nhau, thí dụ trong

câu sau, còn nghịch nhau là đằng khác: “Cần cách ly bệnh nhân này, nhưng đừng có lập họ”.

“**Cảnh báo**” và “**báo động**” được dùng ở cả hai miền. Thí dụ Miền Nam: Việt-Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ viết “*Cảnh báo*” : *signaler, avertir*. Tân Đại Tự điển Việt Anh Nguyễn Văn Tạo: “*Cảnh báo: alarm*”. Chính xác hơn, cảnh báo là báo trước nguy cơ có thể tới để đề phòng; báo động là báo khi nguy cơ bắt đầu xảy ra để tránh thoát.

“**Chất xám**” vẫn được dùng tại Miền Nam (môn vạn vật lớp đệ tứ và đệ nhị) với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng (trí thông minh) Cả hai đều được dùng tại VNCH. Bảo “*chất xám*” chỉ được VC dùng, là sai.

“**Chế độ**” và “**quy chế**”: cả hai được dùng tại Miền Nam, với ý nghĩa khác nhau. “*Chế độ*”: thể chế chính trị, ăn theo chế độ, chế độ cũ/mới, chế độ thuế khóa. “*Quy chế*”: quy chế công chức, quy chế nghiệp đoàn. Không hiểu căn cứ vào đâu mà bảo rằng chữ “*chế độ*” của VC có nghĩa tương đương với “*quy chế*” của VNCH.

“**Động thái**” và “**động lực**” hoàn toàn khác nhau, nhất là trong lãnh vực tâm lý, một đảng biểu lộ ra, một đảng tiềm tàng bên trong. “*Động thái*” hay “*tác phong*”: (Anh: behavior, Na-uy: atferd): hành vi biểu lộ ra bên ngoài quan sát được; ta có chữ “*trường phái tâm lý học động thái/ tác phong*” (behaviorism). *Động lực*: (Anh: motive; Na-uy: motiv) là sức ngầm thúc đẩy hành vi. Td: “*Cảnh sát chưa tìm ra động lực của vụ giết người*”. Cả hai chữ đều được dùng tại Miền Nam; nếu chúng không được phổ biến, là vì chúng thuộc lãnh vực chuyên môn chẳng.

“**Động não**” cũng là danh từ quen thuộc tại Miền Nam (ít nhất trong môn tâm lý sư phạm). “**Vận dụng trí óc**” gần đúng với “*động não*”, nhưng không phải là chữ của Miền Nam thay cho “*động não*”. Còn “*suy luận, suy nghĩ*” đều được dùng ở cả hai miền, với nghĩa hơi khác với “*động não*”.

“**Hoành tráng**” theo Tự điển Lê Văn Đức đồng nghĩa với “*hoành lệ*” nghĩa là “*rộng lớn, đẹp đẽ*” (đúng như ông TVG hiểu). Như vậy “*hoành tráng*” thuộc kho tàng ngữ vựng Việt Nam, không nên hiến cho VC độc quyền. (Tại sao ta có khuynh hướng dị ứng với chữ này và nhiều chữ khác, tôi sẽ có

vài dòng giải thích ở phần hai).

“**Huyện**” và “**quận**” là danh từ chỉ đơn vị hành chánh qua bốn thời đại, Pháp, Quốc gia (Bảo Đại), VNCH và VN XHCN. Thời Pháp huyện nhỏ gọi là “*huyện*” (đứng đầu là *tri huyện*), huyện lớn gọi là “*phủ*” (đứng đầu là *tri phủ* hay *đốc phủ sứ*). Thời Bảo Đại, tương tự. Thời VNCH tất cả đều gọi là “*quận*”, không phân biệt lớn hay nhỏ, thành thị hay nông thôn, đứng đầu là “*quận trưởng*”. Ngày nay dưới chế độ CS, ở thành thị đơn vị hành chánh này gọi là “*quận*”, ở nông thôn gọi là “*huyện*”

“**Lý giải**” và “**giải thích**”: Cả hai đều được dùng từ lâu ở cả hai miền. Hai chữ có nghĩa khác nhau. *Giải thích* là cắt nghĩa. *Lý giải* là giải nghĩa tường tận cho ra lẽ.

“**Nâng cấp**” đúng là từ ngữ riêng của VC và phần nào có nghĩa là “**nâng/ đưa giá trị lên**” như tác giả TVG nói. Nhưng chữ tương đương phía Việt Nam thì tùy trường hợp – nếu VC nói “*nâng cấp cái ô tô*” ta nói “*trùng tu cái xe hơi*”; VC nói “*nâng cấp đường xá*”, ta nói “*tu bổ đường xá*”; VC nói “*nâng cấp khuôn mặt*” ta nói “*sửa mặt*”. Tóm lại linh động là một đặc tính của tiếng Việt; máy móc là một đặc tính của tiếng VC.

“**Nhà khách**” đối với “**khách sạn**”: điều này tôi miễn bàn, độc giả tự nhận thấy ngày nay còn bao nhiêu hotel tại VN được gọi là “*nhà khách*”. Hơn nữa, theo qui ước ngành du lịch, “*nhà khách*” hay “*nhà trọ*” có tiêu chuẩn thấp hơn “*khách sạn*”.

“**Nhất quán**” không phải là từ ngữ riêng của VC, và “**luôn luôn, trước sau như một**” không phải chữ tương ứng của VNCH. Ông Lê Văn Đức định nghĩa rất chính xác, gọn mà thâm thúy: “*Nhất quán: một lẽ mà suốt cả mọi lẽ. Thí dụ: lý thuyết nhất quán*”. Chữ “*nhất quán*” quý lắm, không thể bán rẻ cho VC được!

“**Thị phần**” theo các nhà kinh tế trong nước ngày nay là bách phân mà VN chiếm được trên thị trường thế giới, thí dụ họ nói “*Cà phê Việt Nam có thị phần rất nhỏ trên thị trường thế giới*”. Theo sự hiểu biết nông cạn của tôi, VNCH không có chữ “*thị phần*”. Còn chữ “*thị trường*” được phổ biến ở cả hai miền.

“**Xác tín**” là tin chắc, “**chính xác**” là đúng y, hai chữ không liên quan gì tới nhau, và được dùng để huê ở cả hai miền (thậm chí

có thể Miền Nam dùng “xác tín” nhiều hơn Miền Bắc). Miền Nam còn dùng “thâm tín” nữa.

Kết luận:

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của VC, thực ra là của Việt Nam.

Vậy tiếng nào là tiếng VC?

2. ĐẶC TRƯNG TIẾNG VIỆT CỘNG

Nhiều vị coi đảo ngữ là một đặc tính của ngôn ngữ XHCN. Tôi không đồng ý, bởi vì Cụ Nguyễn Du đã đảo ngữ (“*Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng*”); Tự lực Văn đoàn đảo ngữ nhiều hơn; Sáng Tạo đảo ngữ nhiều và độc đáo. Tác dụng của đảo ngữ là thay đổi nhịp điệu và cả ý tứ nữa. Không hoàn toàn giống nhau giữa “*đơn giản*” và “*giản đơn*”, giữa “*bảo đảm*” và “*đảm bảo*”, giữa “*thành hình*” và “*hình thành*”, giữa “*mến yêu*” và “*yêu mến*”. Trong khi đó “*Úc châu*” hay “*Châu Úc*” không khác nhau lắm về tác dụng ngữ học (tôi đoán họ viết *Châu Úc* vì cho rằng trong tiếng Việt, chủ ngữ đứng trước thuộc ngữ. Còn ta viết ngược lại là theo trật tự Hán Việt). Tôi cũng không thấy người cộng sản nói tắt nhiều hơn chúng ta. Họ nói “*căng*” thay vì “*căng thẳng*”, ta cũng nói “*gay*” thay cho “*gay go*”, “*ganh*” thay cho “*ganh tị*”. Cũng không phải vì thấy một số người trong nước viết “*Mỹ*” thành “*Mĩ*” mà ta khẳng định viết i-ngắn là VC! Y-dài i-ngắn còn trong vòng tranh cãi chưa ngã ngũ ở cả hai miền, ta tạm gác qua.

Tóm lại, i-ngắn y-dài, đảo ngữ và nói tắt, không còn là tiêu chuẩn thực sự phân biệt ngôn ngữ hai miền. Vậy cái gì có thể giúp ta nhận ra những dấu hiệu của ngôn ngữ xã hội chủ nghĩa?

Phát xuất từ chủ nghĩa xã hội

Những danh từ sau đây là chính công cộng sản, nhưng nhiều chữ không bị đóng dấu vì người ta coi là một đương nhiên – khi nói về chủ nghĩa xã hội thì phải dùng từ ngữ kinh điển XHCN:

Đấu tranh giai cấp, bóc lột, giá trị thặng dư, tư bản, tư sản, phong kiến, tích cực, tiêu cực, tồn tại, đề cương, phương án, phương tiện sản xuất, làm chủ tập thể, cải tạo công thương nghiệp, tập trung cải tạo v.v.

Cộng sản chủ nghĩa cũng mượn nhiều

ngữ vựng từ Hegel như *biện chứng, đề, phản đề, hợp đề, tư duy...* và thay đổi đi, thí dụ *duy vật biện chứng*

Chữ “*quá độ*” là đặc biệt nhất của cộng sản. Nó bao hàm cái gì hơn chữ “*giao thời*” hay “*chuyển tiếp*” mà ta quen dùng.

Chữ “*vong thân*” là một đặc ngữ cộng sản. Rất may nó xuất hiện trong danh từ triết học từ trước, nên nó là Việt.

Chữ “*giải phóng*” là một trong những chữ bị lạm dụng nhiều nhất. Tôi không nói sự lạm dụng chính trị, vì “*giải phóng*” kiểu Quốc tế Cộng sản, tự nó là một sách lược (trong đó chiêu bài và phỉnh lừa coi như vũ khí tất yếu), như “*giải phóng Miền Nam*”. Tôi muốn nói họ máy móc dùng “*giải phóng*” cho cả những thứ lật vật. Đĩa cứng trong máy vi tính đầy quá, ta “*xóa bớt*”, họ gọi là “*giải phóng*”; ta nói “*giải tỏa một khu gia cư để làm đường*”, họ nói “*giải phóng...*”; bớt việc cho một công nhân để họ đi tăng cường cho chỗ khác, họ gọi là “*giải phóng lao động cơ hữu...*”

*** Trên đây là chữ XHCH chính công, không nhầm lẫn vào đâu được. Có bao nhiêu ngàn chữ loại này, tôi không rõ.**

Lai Tàu

Hồ Chí Minh ôm tập *Luận cương của Lenin về vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa*, mà khóc tại Paris, được huấn luyện tại Nga, nhưng thực tập áp dụng tại Tàu. Trọn bộ chữ nghĩa như *đấu tố, quy thành phần, xét lại, trăm hoa đua nở, cách mạng văn hóa, hộ khẩu, hộ chiếu, biên chế, điểm và diện, tam cùng, cục, phân cục, chủ nhiệm, sự cố, khắc phục v.v.* đều là sao chép chữ tiếng Tàu.

Đến một lúc họ nhớ mình là người Việt, bớt chữ Hán. Nhưng họ chỉ Việt hóa những chữ liên quan tới “*địch*”, như “*máy bay lên thẳng*”, “*lầu năm góc*”, “*Nhà Trắng*”. Ngược lại, trong nội bộ Đảng thì ngôn ngữ càng ngày càng lệ thuộc Trung quốc vĩ đại nhiều hơn.

Sự áp úng giữa tiếng Tàu và tiếng Việt đưa tới hiện tượng ngôn ngữ lai căng – “*cơ cấu lại vốn*”, trong đó “*cơ cấu*” là Hán, “*lại*” và “*vốn*” là Nôm.

Cùng ý niệm kinh tế này, Miền Nam đã dùng năm âm tiết toàn Hán, nhưng quen thuộc, “*tái tổ chức tư bản*”. Miền Nam lại

theo nguyên tắc tự do, cả trong ngôn ngữ, do đó một ý niệm có thể có nhiều cách phát biểu, như có thể nói “*xếp đặt lại vốn liếng*”, ai cũng hiểu cả.

*** Vậy một đoạn văn tràn ngập chữ Tàu, là dấu hiệu đáng nghi văn Việt cộng Lai Tây**

Các học sinh Marie Curie hay Jean-Jacques Rousseau, khi gặp nhau, xô tiếng Tây, là chuyện thường. Các ký giả, trí thức gặp nhau bên tách cà phê, nói “toa toa moa moa” cũng là thường. Nhưng tại Miền Nam ít khi ta viết tiếng Tây trên sách báo. Trái lại báo chí và cả sách giáo khoa cộng sản VN đầy dẫy đầu Ngô mình Sở:

- *Lô-gích* (tiếng Pháp logique = luận lý): “*Cơ cấu lại nền kinh tế: Lô-gích hành động và cách tiếp cận*” (trích báo trong nước). Viết như vậy để lờ thiên hạ chứ không phải để cho người ta hiểu.

- *Gu* (tiếng Pháp goût = khiêu): “*Thư thách gu thẩm mỹ style mix trùng họa tiết*” (trích báo trong nước). Ba đế quốc Tàu, Tây, Mỹ hiện diện trong một câu... thần chú, người thường không hiểu gì cả.

- *Mô típ* (tiếng Pháp motif = đối tượng): “*Mô típ trong nghệ thuật kiến trúc Chăm*” (trích báo trong nước)

- *Boa* (tiếng Pháp pourboire = tiền tặng, tiền thưởng): “*Xù tiền boa, khách nhậu bị đâm đứt cổ*” (trích báo trong nước)

- *Sô vanh nước lớn* (Chauvin: tên người lính “yêu nước” của Napoléon)

- *Dìxcua* (Pháp: discours, có hai nghĩa 1: lời, 2: bài diễn văn): các nhà ngữ học VN XHCN lấy nghĩa thứ nhất để nói về ý niệm “câu đơn”

Có vẻ như ở VN, ai không nhét vào bài viết của mình được một vài tiếng Tây bồi, không phải trí thức xã hội chủ nghĩa. Nhưng tôi ngạc nhiên tại sao họ không viết thẳng *discours*? Kỳ cục hơn nữa, tên riêng họ cũng phiên âm mà không kèm theo chữ gốc, Thấy một bản văn có “Humphây, Xitavit, Xtôntenbe, Cặctor” ta chẳng biết ai vào ai, nhưng ta biết ngay ai là tác giả.

*** Biện chứng của căn bệnh lai Tây là... dịch!**

Diễn hình nhất là chữ “*kịch tính*” dịch từ

“*dramatic*”. Nhân mùa bầu cử tổng thống Mỹ, một tờ báo Việt Nam viết, “*Cuộc tranh cử đầy kịch tính giữa Clinton và Obama*”. Hai chữ “*kịch tính*” khiến ta hình dung ra hai tay hề lộ bịch trên sân khấu chính trị. Tiếng Việt trong sáng sẽ nói ‘cuộc tranh cử gay cấn...’, đâu có cần dịch một cách nô lệ chữ *dramatic* của Tây Mỹ. Nhân Ngày Giới trẻ Thế giới 2008, Giám mục Bùi Văn Đọc, trả lời phỏng vấn của Vietcatholic, mô tả ĐGH Benedicto XVI là “*Ngài không xuất hiện trước giới trẻ một cách đẹp đẽ và kịch tính như vị Giáo hoàng trước, nhưng...*” Tội nghiệp, ĐGH Gioan Phaolô, tuy hồi còn trẻ thích kịch nghệ, viết kịch và đóng kịch, nhưng không bao giờ Ngài mang bộ mặt *kịch tính* với bất cứ ai. Cái nguy hiểm là một người nói sai, cả nước nói sai theo, cả Đài BBC cũng nói sai theo. Một trận đấu bóng đá *sôi động* quý ông bà Ban Việt ngữ BBC cũng nói “*đầy kịch tính*”!

*** Viết như me tây đầu thế kỷ 20 là một dấu hiệu ngôn ngữ VC.**

Hội chứng đại ngôn XHCN

- “*Siêu sao chân dài*”, “*bánh đa siêu mỏng*”, “*máy siêu cao kỹ*”, “*tàu siêu tốc*”

- Tiếng Việt có nhiều chữ để diễn tả sinh hoạt lý trí: trí khôn, thông minh, tinh thần, trí tuệ. Trí tuệ là trình độ cao nhất. Phật giáo coi trí tuệ là bước tới tuệ giác. Người cộng sản đại ngôn, cái gì cũng choảng trí tuệ vào

“*Chủ nghĩa Mác Lê-nin đỉnh cao trí tuệ loài người*”.

“*Trò chơi trí tuệ tại Hội chợ Đà Lạt*”

“*Con chó trí tuệ*”

“*Game trí tuệ*”

- Muốn diễn tả cái gì siêu việt hơn nữa, bắt buộc họ phải leo lên Trời (nơi họ không tin là có)

“*Đảng thần thánh*”

“*Cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân ta*”

- Tôi muốn nói hơi dài về chữ “*hoành tráng*”. Nó đã bị đóng dấu oan. Thực ra nó là Việt Nam rất. Như phần một đã nói, “*hoành tráng (như hoành lệ) là rộng lớn đẹp đẽ*”. Bình thường hoành tráng thích hợp cho một dãy núi hùng vĩ, một cảnh hoàng hôn rực rỡ, lâu đài Taj Mahal diễm lệ. Nhưng tại sao quý vị và tôi cảm thấy khó chịu khi nghe hai chữ đó? Đơn giản lắm – vì nó được dùng bừa bãi

trong nhu cầu khoa trương, thí dụ một câu quảng cáo thương mại “Hoành tráng trong chiếc váy đầm”! Người nói tiếng Việt, cao hứng lắm, cũng chỉ dám nói “lộng lẫy” là cùng.

- Trước khi Đảng Cộng sản ra đời, nhiều nhà cách mạng đã viết “Toàn dân tranh thủ độc lập”. Chữ “tranh thủ” không phải do các ông Minh Đồng Giáp chế ra. Nhưng người nói tiếng Việt cảm thấy tức cười khi nhận được một thư xin tiền từ Việt Nam mở đầu, “Cháu tranh thủ viết thư thăm chú thím”.

- “Digital signal processing” mà dịch là “xử lý tín hiệu số”, không phải là dở. Nhưng chữ “xử lý” trở thành lỗ bịch khi người ta bỏ nó vào tô phở. Người chạy bàn trong một tiệm phở tại Hà Nội đã hô cho nhà bếp như sau: “Xử lý hai bát phở tái nước trong! Khẩn trương lên!”

- Chữ “bức xúc” không lai Tàu, không lai Tây, tượng thanh, tượng hình, có thể là một chữ hay. Nhưng nó đã “hu” ngay từ khi người ta nói “Ai bức xúc thì khẩn trương đi ỉa”. Đây là một chữ thượng thời đại, loại như “nổi cộm”, “trấn trở”.

Nhiều chữ khác mà người Việt hải ngoại chúng ta nghe thấy khó chịu, thật ra đã xuất hiện trước khi mấy anh du kích cộng sản biết nói. Nhưng ta khó chịu vì họ dùng sai chỗ và dùng dao mổ trâu giết ruồi.

*** Tóm lại, khắc phục, bồi dưỡng, tranh thủ, động viên, đột xuất, khẩn trương, tự giác v.v. nguyên thủy là tiếng Việt Nam thuần túy và hay ho, bỗng biến thành lỗ bịch, bỗng nhiên làm người Việt bình thường chùng mực ngại dùng. Đây là loại từ ngữ thượng hạng VC.**

Nói bừa

- Trong học thuyết cộng sản có hai ý niệm đối nghịch “**chất**” (quality) và “**lượng**” (quantity). Ai đi tù cải tạo đều phải học câu mác-xít “Lượng biến thành chất”. Nay người cộng sản ghép “chất” và “lượng” để nói về “**phẩm chất**” (quality). Một củ khoai lang ngon ta nói “**củ khoai ngon**”, người trong nước nói “**củ khoai chất lượng**”.

- “**Lợi nhuận**” đúng ra là “**lợi tức trừ chi phí**”, còn gọi là “**lợi tức thuần**” hay “**lợi tức ròng**” (Quỳnh Lâm, Từ điển chính trị, hành chánh, kinh tế, pháp luật). Nhưng từ ngày

cộng sản chiếm trọn nước, người ta dùng “**lợi nhuận**” để chỉ **lợi tức**. Họ thường nói, “**Chế độ tư bản chỉ biết chạy theo lợi nhuận**”. Nhưng tư bản xanh hay đỏ đều chạy theo lợi lộc, chứ có bao giờ vừa chạy vừa làm tính trừ chi phí đâu!

- “**Biện lý**” có nghĩa là bảo vệ công lý; “**Biện lý cuộc**” hay “**công tố viện**” là cơ quan thay mặt xã hội truy tố người vi phạm luật pháp. Hai danh từ luật pháp đầy đủ ý nghĩa như vậy của Chính quyền Quốc Gia (Bảo Đại) và VNCH, đã bị thay thế bằng chữ “**viện kiểm sát nhân dân**”. Hai chữ “**kiểm sát**”, trong ngữ cảnh luật pháp, không nói được gì cả.

- “**Heo dân tộc**”: tránh nói “**heo mọi**” là một cố gắng đáng khen, nhưng nhắm mắt lấy công thức “**người dân tộc**” để áp dụng cho con heo núi, là xúc phạm đồng bào thiểu số thượng du.

*** Trong khi tạt đại ngôn làm mất giá những chữ hay sẵn có, thì sự dốt nát sanh ra những chữ mới vô nghĩa.**

Những con vẹt suốt đời đứng trước cái loa

Học thuộc lòng và lặp lại như con vẹt là chiến lược sống yên trong xã hội cộng sản. Lá bùa “**Nhờ ơn Bác và Đảng**” ngày nay không còn được dán nhiều trên cửa miệng người dân, nhưng vẫn gián tiếp lấp lóe trên các cơ quan tuyên truyền. Nhưng còn nhiều công thức khác rất vô nghĩa:

- **Kinh tế tương đối** (có tiền)

- **Có trình độ** (trình độ học thức cao)

- **Nói chung**: câu mở mồm của 90% người Việt trung bình trong nước. Câu buồn cười nhất mà tôi được nghe và đã cho vào một truyện ngắn là “**Nói chung tôi không có cha mẹ**”

- **Nhất định** (nào đó): “**khả năng nhất định**”

- **Hạn chế** (thiếu sót): “**năm ấy bộ đội Bác Hồ còn hạn chế**”

- **Chủ yếu** (chính) “**Bữa ăn cải thiện chủ yếu là khoai mì**”; “**Chủ tịch Nước tham quan Châu Âu chủ yếu là Pháp**”; “**Bà ta lấy chồng ngoại, chủ yếu để đi nước ngoài**”

Nói đều

Dưới một bề mặt bình yên giả tạo, Việt Nam ngày nay thực chất là một xã hội đại loạn – loạn chính, loạn pháp, thương luân bại lý và loạn ngữ. Nói nhẹ nhàng là nói đều.

Hình bên ghi nhận một phong thái ĂN và NÓI dưới chế độ cộng sản. Nói đều, nói xách mé, chửi thề, nói tục tĩu và nói dối... tuy không phải do chỉ đạo công khai từ Trung ương Đảng, nhưng Đảng – “người lãnh đạo độc nhất và thần thánh” – có trách nhiệm hoàn toàn về sự sa đọa ngôn ngữ của đảng viên và toàn dân. Trên thế giới không một dân tộc nào suốt ngày đem mẹ ra mà đụ, địt liên miên, trong công sở, ngoài đường, ngoài chợ, trong trường học, như xã hội Việt Nam ngày nay. Không một nước nào mà con người – từ đứa bé bán vé số tới Tổng Bí thư Đảng và cơ quan truyền thông, báo chí – có thể nói trắng thành đen, nói đen thành trắng, như tại VN.

Chữ đều cang nhất trong ngôn từ cộng sản là chữ “**ngụy**”. Trong chiến tranh hai bên có thể chửi mắng nhau thậm tệ – Tổng thống Ngô Đình Diệm gọi Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam là “*Mặt trận côn đồ*”, ngược lại Hà Nội gọi Việt Nam Cộng Hòa là “*ngụy*”. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt, người cộng sản đã báo thù “nợ máu” bằng tước bỏ quyền công dân, hành quyết, giam cầm, đày ải, tịch thu tài sản, cướp vợ, hiếp con người chiến bại, nhân danh bản án “ngụy”; thế là đều, cái đều của những tên ăn cướp. Nay họ rêu rao chính sách hòa hợp hòa giải, nhưng vẫn coi người của chế độ VNCH là “ngụy”; mỗi ngày 30.4 họ lại khơi dậy tình thân thù ghét “ngụy”. Mà “ngụy” là gì? Là theo Mỹ. Bây giờ họ cầu cạnh Mỹ hơn VNCH – thế có phải chữ “ngụy” là đều ngay từ đầu không?

*** Dùng ngôn ngữ như khí cụ che đậy chân lý hoặc lừa đảo, là đặc tính tệ hại nhất của văn hóa và ngôn ngữ cộng sản.**

3. THÁI ĐỘ CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU TIẾNG MẸ

Phục hồi vốn ngữ vựng bị dùng sai

Gia tài của tiền nhân để lại, không lẽ ta để cho CS phá hoại? Vậy trước hết đừng né tránh những chữ người cộng sản dùng sai, mà phải sửa lại và dùng đúng hơn họ.

Người cộng sản (rồi bây giờ cả nước) dùng các chữ *khẩn trương*, *động viên*, *khắc phục*, *tranh thủ*, *yêu cầu*... một cách lệch lạc:

- Họ viết sai: “Các *yêu cầu* của một nền kinh tế bền vững”

Ta sửa lại: “Các *điều kiện* của một nền

kinh tế bền vững”.

Và ta viết lại chữ “*yêu cầu*” trùng cách: “*Yêu cầu* Nhà Nước ngưng bán nước!”

- Họ viết đại ngôn, “*Khẩn trương đi cầu xí*”

Ta sửa lại “*Mau mau đi cầu!*”

Và ta viết lại chữ “*khẩn trương*” trùng cách: “*Tình hình Trường Sa Hoàng Sa rất khẩn trương!*”

Hành diện vì kho ngữ vựng phong phú của dân Việt và VNCH

Chúng ta biết chắc điều này: về phương diện ngôn ngữ và văn hóa, **Miền Nam Việt Nam là dòng chính**. VNCH giữ sự liên tục từ Chữ Nôm đến chữ Quốc Ngữ, từ Alexandre de Rhodes tới Trương Vĩnh Ký, tới Tự lực Văn đoàn, tới Sáng Tạo, Bách Khoa, những viện đại học, những viện nghiên cứu độc lập, những tổ chức văn hóa, ngôn ngữ, hàng chục tờ báo ngày độc lập, hàng trăm tập san... Và trên hết, nền **tự do tư tưởng và ngôn luận**. Trong khi đó Bắc Việt độc tôn Stalin-Mao, trừ dập trí thức, bách hại Nhân văn Giai phẩm, phủ nhận công lao Alexandre de Rhodes, cấm đoán Tự lực Văn đoàn, vào Nam đốt sách giam học trò. Ngày nay họ đã cho in lại TLVĐ để kiếm tiền và nhận vợ, mở lại Trường Luật, nhưng lỗ hồng văn học lớn còn đó, văn hóa và ngôn ngữ trước sau vẫn chỉ là khí cụ tuyên truyền. Trí thức Miền Bắc nhiều người lần đầu tiên đọc Nhân văn Giai phẩm là khi vào Nam sau năm 75!

Trên 5000 danh từ chuyên môn luật pháp, chính trị, kinh tế, tài chánh của Miền Nam đã được một nhóm cựu luật sư và thẩm phán chế độ cũ thu thập thành cuốn *Từ điển Pháp luật* (Nhà XB KHXH Hà Nội, 1992).

Sau 25 năm không có hoạt động tư doanh, không có đại học tự trị, không có phân khoa luật, không có nghề luật sư và thẩm phán chuyên nghiệp... Muốn xây dựng một quốc gia (ít nhất bề ngoài) có quy củ, họ phải dùng lại toàn bộ ngữ vựng của VNCH.

Một vài thí dụ trong số trên 5000 danh từ nói trên:

- “*Cảnh sát*” thay thế “*công an*”

- “*Trương mục*” đã được xếp trước “*tài khoản*” trong tự điển và sử dụng nhiều hơn trong thường nhật. Nhưng dường như họ không phân biệt, “trương mục” là một cái túi vô hình trong ngân hàng để ta bỏ tiền, trong

khi “tài khoản” là số tiền nằm trong đó; tài khoản còn là số tiền dành cho một khoản chi/ thu trong ngân sách.

- *State* (Mỹ) được dịch là “*tiểu bang*” trong tự điển tuy báo chí vẫn dùng “*bang*”

- Trong cơ cấu tổ chức chính quyền, họ vẫn dùng “*Viện kiểm sát nhân dân*”, nhưng ý niệm “*công tố*” đã được khôi phục trong từ điển nói trên.

- Dần dần trong nước đã dùng “*bảo hiểm*” thay cho “*bảo hành*”

Ngoài các danh từ chuyên môn về luật pháp, kinh tế, hành chánh, ngôn ngữ thường nhật cũng đổi giọng:

- “*Máy bay trực thăng*” đã thay thế “*máy bay lên thẳng*”

- “*Hàng không mẫu hạm*” được dùng song song với “*tàu sân bay*”

- “*Hoa Kỳ*” thay “*Mỹ*”. Người cộng sản lạ lẫm – thời Thế chiến II, khi cần nịnh Mỹ thì họ gọi “*Hoa Kỳ*” (“*đền Hoa Kỳ*” là dấu tích một mở màn bang giao không thành giữa Mỹ và Việt Minh); khi thù ghét thì họ gọi “*Mĩ*”; bây giờ một điều “*Hoa Kỳ*” hai điều “*Hoa Kỳ*”. Trong chế độ cộng sản, chữ nghĩa thay đổi theo bạn thù, mà bạn thù thay đổi theo quyền lợi Đảng, chứ không phải quyền lợi Tổ Quốc hay nhân dân.

Không phải mọi chữ mới đều là chữ VC

Vào năm 1975 cả Miền Nam chỉ có dăm ba máy vi tính (một tại Phủ Thủ tướng, một tại Bộ Tổng Tham mưu, một của USAID, một của hãng IBM. Có thể nhiều nơi khác có, tôi không biết). Giới hữu trách chuyên môn có soạn ra một cuốn ngữ vựng Anh-Việt, nhưng chỉ giải thích ý niệm, không *tạo từ* nhiều. Các chuyên viên và nhân viên làm việc trao đổi với nhau bằng tiếng Anh, tiện hơn.

Ngày nay, vì nhu cầu giáo dục, người ta cố gắng *tạo từ*. “Người ta” đây có thể là các chuyên gia trong nước, có thể là các chuyên gia người Việt ở hải ngoại, đã và đang chế ra các danh từ chuyên môn. Dù lúc đầu bỡ ngỡ, ta nên công minh xét, chữ nào hay và đúng, ta dùng, chữ nào sai ta điều chỉnh. Tôi thấy không có gì sai hay lỗi bịch, thí dụ, trong các chữ *dao điện*, *hiển thị*, *kích hoạt*, *phản cứng*, *phản mềm*... Liên quan tới danh từ kỹ thuật, tôi lấy thí dụ “*thông số*” hay “*biến số*” (variables) là hai chữ có từ trước, nhưng “*biến số*” được dùng nhiều trong sách giáo khoa Miền Nam nên trở thành quen thuộc

hơn. Ngày nay trong nước dùng “*thông số*”; nếu bảo là “*từ VC*” thì oan cho nó.

Trong trào lưu toàn cầu hóa, danh từ chuyên môn hay là chữ nào có nội dung chính xác (lột ý), nhưng hình thức của nó giúp ta đoán ngay được tiếng tương đương trong Anh, tiếng Pháp, tiếng Na-uy. “*Cứng/mềm*” hay “*cương/nhu*”, chữ nào giúp ta liên tưởng tới “*hard/soft*” nhanh hơn? Tùy người. Nhưng chữ Việt và chữ Hán cũng là một yếu tố cần cân nhắc. Danh từ chuyên môn dài lòng thông cũng không tiện.

Có người cho “*nguyên tử*” là chữ Việt, “*hạch tâm*” là chữ VC. Tôi cho rằng cả hai là chữ Việt, “*nguyên tử*” để dịch “*atomic*”, “*hạch tâm*”: “*nuclear*”. Có đủ danh từ Việt tương đương với từng danh từ quốc tế, là một điều cần thiết cho việc giao dịch, trao đổi, giảng dạy và dịch thuật.

Chữ “*căn hộ*” Trường Sinh ngữ Sài Gòn trước 75 đã dùng rồi, nhưng không phổ biến rộng, vì ta không có nhu cầu (hình thức gia cư này chỉ hạn chế ở vài nơi như Cư xá Thanh Đa, Chung cư Nguyễn Văn Thoại, Chung cư Nguyễn Thiện Thuật). Nay chúng ta nghe “*căn hộ*” thì cho là “*từ VC*”, nhưng có lẽ chúng ta chưa có chữ nào hay hơn để dịch “*apartment*”. “*Căn chung cư*” không ổn vì có nhiều apartment không nằm trong chung cư. “*Căn nhà*” càng không ổn, vì đã được dùng để chỉ “*house*” tiếng Anh, “*hus*” tiếng Na-uy.

Chữ “*thông tin*” không mới mẻ gì và được dùng ở cả hai miền. Nhưng ở hải ngoại nhiều người dị ứng với chữ thông tin trong câu sau: “Muốn biết thêm *thông tin* xin liên lạc với Sở Di trú”. Bề ngoài ta lý luận rằng “*thông tin*” là động từ, không được dùng như danh từ. Nhưng nguyên do thực là ta không thích dùng cái gì Việt cộng mó tay vào. Thông dịch viên đành sửa lại “Muốn biết thêm *chi tiết*...” hoặc “Muốn biết thêm *tin tức*...”. Nhưng trong bụng anh thông dịch viên nghĩ rằng chữ nào phải ra chữ đó – *details: chi tiết, news: tin tức và information: thông tin*. Anh ta cũng dư biết rằng chữ thông tin có thể vừa dùng làm danh từ vừa làm động từ.

Trước khi bác bỏ một chữ dở, nên đề nghị một chữ hay hơn

Cloning là một lãnh vực khoa học mới mẻ. Trong nước dịch *cloning: nhân bản vô*

tính. Thật khó hiểu, phải ngồi phân tích một hồi mới vỡ lẽ ra là: làm ra nhiều bản sao, không qua đường truyền giống. Nhưng có lẽ các nhà chuyên môn trong nước sao chép chữ Tàu, nên bốn chữ thành tối om, chưa kể nhiều người giật mình khi nghe nhóm chữ “*nhân bản vô tính người*”. Vì chữ “*nhân*” trong tiếng Việt có ít nhất hai nghĩa: người và làm ra nhiều, người hán không rộng phải bỏ ngỡ mấy phút tự hỏi – lấy con người làm gốc mà lại không có tính người, là thế nào? Một chữ gây bối rối không cần thiết là một chữ không đạt.

Khi cảm thấy một chữ dịch không hay, tôi thường thử tự dịch lại trước khi phê bình. Trường hợp *cloning*, tôi dịch thử là “*sao sinh vật*”. Từ đó ra “*human cloning: sao người*”, Dolly là một con “*cừu sao - cloned sheep*”. Hiện trên thế giới chưa có “*người sao*” vì chưa được phép “*sao người*”.

“*Processing*” (Na-uy: *behandling*) là một chữ tôi chịu thua không dịch được nếu không dùng chữ “*xử lý*”. *Text processing*: trong nước dịch “*xử lý văn bản*”, chưa có chữ nào hợp hơn. Có người đề nghị “*soạn thảo văn bản*”, nhưng soạn thảo là viết ý ra lời, còn đưa lời lên chữ và trình bày trên máy vi tính, là việc khác. Vấn đề phức tạp hơn nữa khi ta cần diễn tả bằng một danh từ chung cho cả một tiến trình – lấy thí dụ nghề mộc – bào, đánh bóng, quang dầu một tấm ván mà tiếng Na-uy gọi là *behandle* và tiếng Anh *treat*, thì có lẽ không tránh được chữ “*xử lý*”. Một số tự điển dịch là “*chế biến*”, tôi thấy có lúc hợp, có lúc không. Không hợp trong trường hợp “*Inmate Processing Center*” không thể dịch là “*Trung tâm chế biến tù nhân*” được.

Cá nhân tôi đã dùng chữ “*xử liệu*” thay cho các trường hợp phải dùng “*xử lý*” (như khoa học, cơ khí, hành chánh). Còn thường ngày, chữ “*liệu*” là tuyệt nhất, thí dụ vợ nói với chồng “*Anh cứ lo đưa con đi học đi, con để em liệu*”.

Một chữ khác, “*kế toán sự nghiệp*” trong nước dùng để chỉ kế toán của các tổ chức bất vụ lợi. Tôi thấy khó hiểu nhưng không hiểu ý chữ “*sự nghiệp*” muốn nói gì, nên không dám phê bình.

Thái độ với tiếng lóng

Cũng cần vài hàng cho tiếng lóng. Mỗi thời, mỗi môi trường xã hội có cách ra dấu riêng với nhau, vì thế có tiếng lóng. Vài tiếng

lóng điển hình của thời đại kinh tế tư bản theo định hướng xã hội chủ nghĩa là: *đại gia*, *đồ khủng*, *hàng độc*, *đồ đều*, *chân dài* (lấy cái căng để đo toàn diện nhan sắc – một điều vô lý, nhưng tiếng lóng không có lý luận, nó được quăng vào một môi trường, thích hợp thì tồn tại), *máu* (mê), *phết* (ra phết), *bèo* (rẻ như bèo). Với tiếng lóng, ta không cần khen chê, bởi vì không có tiêu chuẩn khách quan.

“Bảo tồn tiếng Việt – không dùng chữ VC”

Tôi hoàn toàn tán đồng về thứ nhất – bảo tồn tiếng Việt là một sứ mạng cao cả của những người may mắn được hưởng tự do tư tưởng và phát biểu. Chính ta phải tránh những cái sai của người cộng sản, viết và nói một thứ tiếng Việt chuẩn và đẹp. Quảng bá sách vở và tư tưởng truyền thống Việt Nam và thế giới nhân bản. Cho con em học tiếng Việt nơi trường lớp Việt Nam. Tránh xa những sinh hoạt do cơ quan lãnh sự Việt cộng chủ trương (ta không lường được tác hại của một lớp tiếng Việt, một khóa học làm đèn trung thu hay một trại hè do đại sứ quán Việt cộng tổ chức).

Nhưng tôi muốn cẩn thận với về thứ hai: hầu hết những chữ ta tưởng là chữ XHCH đều là tiếng Việt thuần túy. Ta không nên tránh né những tiếng họ đã dùng sai, mà cần “*chiêu hồi*” những ngôn từ ấy.

Đó là một hành vi yêu nước trong tâm tay của chúng ta.

Tâm Thanh



xin giây phút sẽ mãi là muôn thuở

xin giây phút sẽ mãi là muôn thuở
để muôn đời mình vẫn ngỡ...

còn nhau

mặc chiếc lá vàng thôn thức rơi mau
mặc mây xám kéo mưa sâu giăng lối
mặc cơn giông có về ngang mỗi tối
mặc biển đời vùng vẫy...
... những đau thương...

giây phút hôm nay sẽ hóa thiên đường
(thiên đường nơi đây
... chứ đâu là xa lắm)
thiên đường của ta không từ nơi thăm thăm
ngay chính giữa tâm hồn
của những con người biết mến biết thương
nhau

giây phút hôm nay...
... là giây phút mai sau
mỗi một khắc đều thơm màu nắng hạ
màu của hoa tươi
của chồi non xanh lá
màu của ân tình...
khi cội đá mong nhau

giây phút hôm nay...
(xin làm lại từ đầu)
để vát vả chảy ngược vào quá khứ
để ngàn sau bước chân đời lữ thứ
vẫn nhiệm màu từng bước của hôm nay

thi hạnh

vẫn còn một chút ước mơ

khi mong chờ những ngày nắng ấm
là khi đời lấm tấm hạt mưa
mùa thu trước ngõ đông đưa
hay là ta quá dư thừa nếp nhăn ?...

ngày rồi đến vết hằn vẫn thế
như hồn ta hoang phế...
chai lì
người đi người vẫn cứ đi
nụ cười...
nước mắt...
có vì nước non?

rồi những đứa trẻ con sẽ lớn
không bao lâu người lớn sẽ già
cuộc đời như bóng câu qua
thoáng đi thoáng đến
thoáng xa thoáng gần...

chớp một thoáng thấy mình căn cõi
như mùa đông khắp lối mịt mờ
vẫn còn một chút ước mơ
vẽ lên thành khúc tình thơ dâng đời...

thi hạnh



Cậu Học Trò

Skolegutt

Nguyên tác: Laila Stien

Bản Việt ngữ: Dương Kim

Nhà văn nữ Laila Stien, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1946 ở Hemnes. Lớn lên tại Rana. Từ thập niên 19(70) sống tại Finmark, Masi và Alta. Bà là gạch nối giữa hai nền văn hóa Na Uy (dân đa số) và Sam (thiểu số); bà viết nhiều về phụ nữ, nhất là đời sống hàng ngày của họ. Thêm vào đó, bà coi đây là một công việc quan trọng cho người Same, nhờ văn học mà văn hóa của họ trở nên quen thuộc đối với người Na Uy. Người Same là dân thiểu số ở Na Uy (khoảng 35000 người), và nhiều người Na Uy hiểu biết ít về văn học Same. Laila Stien đã dịch truyện của nhiều tác giả Same ra tiếng Na Uy. Trong nhiều truyện ngắn của bà, bà viết từ môi trường Same. Truyện «Cậu Học Trò» dưới đây, bạn có thể đọc về một cậu bé học trò người Same phải đi học ở trường Na Uy, trải qua sự xung đột giữa văn hóa Same và văn hóa Na Uy. Năm 1979, Laila Stien cho xuất bản tập truyện ngắn đầu tay «Nyveien»¹. Thời gian sau, bà lại in tập thơ «Fabler, Frost»² năm 1981, và tập truyện ngắn «Fuglan veit»³ năm 1984, và «Sant som skjer»⁴ năm 1988. Năm 1986, Laila Stien nhận Giải thưởng Văn hóa của Tildelt Rana kommune. Năm 1994, Giải Phê Bình; và năm 2000, bà được Giải Văn học của nhà xuất bản Aschehoug ở Oslo. ✍



Cười ngựa, cười ngựa. Giờ hãy nhìn xem con đường sẽ dẫn tới đâu... Thầy giáo nhìn lên trần nhà, ông hát lớn và rõ ràng. Thầy giáo nhìn gì, bé Mattis chẳng biết, thầy giáo hát gì, em cũng chẳng biết, nhưng ai cũng hát theo, vì thầy giáo đã bảo vậy. Vài người hát nhỏ, gần như chẳng nghe thấy gì, có người hát lớn hơn, nhưng chẳng ai hát rõ bằng ông thầy. Bé Mattis cũng hát:

- *Cười ngựa, cười ngựa.*

Con đường dẫn tới sọt rác...

Những người Daza (Na Uy) sao có nhiều bài hát lạ quá. Tuy nhiên, bài hát về cái sọt rác này, thật lạ nhất, trong các bài. Giờ lại hát gì đây? Trường học là một nơi lạ lẫm. Lúc nào, lúc nào chúng cũng phải hát. Mỗi sáng, chúng phải hát xong rồi mới được ngồi, có vài trò đi đường xa còn bị mệt hơn nữa. Trong trường nội trú, chúng phải hát: «Ôi Chúa cho con chim ăn no» rồi mới được ăn.

Chúng có thể đói đến nỗi bụng sôi lên, nhưng lại không được ăn, tuy đồ ăn đã được sắp đặt xong, sữa có sẵn trong ly, đầy đủ tất cả. Không, chúng phải hát, hát nhiều câu thật lạ lẫm. Có vài lần bé Mattis nghĩ đến chuyện đó, nhưng em chẳng hỏi ai. Em nghĩ, chắc

phải là thế đó. Giờ em đã lớn rồi. Cậu học trò.

*

Những ngày học hành mới thật là dài và vất vả. Mấy cái ghế cũng vất vả. Khi bị đau nhức và ngứa ngáy, ngồi vào những ghế đó chỉ thêm đau, thời giờ cũng chẳng qua đi. Thầy giáo to lớn và chắc chắn là mạnh. Ông nói cả ngày. Cũng không rõ ông nói gì. Chắc cũng có nghĩa chi đó, có thể quan trọng làm lợi cho người ta. Dần dần bé Mattis cũng hiểu được chút chút. «Đọc/lese» nghĩa là «lǎkkat», «con gái/jente» cũng như «niei'da», em biết sự im lặng của em và ra ngoài, đứng lên, phán viết bằng cùng nhiều thứ khác nữa.

Em lượm nhặt chữ. Sưu tầm chúng. Giấu vào một nơi bí mật trong đầu, nhưng lại không xài. Cũng không chắc là em hiểu đúng nghĩa chữ. Tốt nhất là đừng nói gì.

Có thể có người cười em.

Có thể thầy giáo sẽ giận. Tốt nhất cứ im lặng. Thầy giáo thật là thông minh. Chắc chắn không có chữ nào mà ông không biết. Ông biết hết mọi chữ Na Uy.

Mattis biết cũng khá. Nhờ bố em, em vừa học

được các tên ở tấm thẻ trên tai những con tuần-lộc và học nhìn xem các vết cắt khác biệt như thế nào.

Em có thể đọc Kinh lạy Cha và thuộc tên mấy loài chim. Em có thể kể truyện cổ tích cùng mấy truyện tương tự đã xảy ra từ lâu... về Stallo, tjudene và uldaer đã đòi lấy những trẻ con Same ngoan ngoãn với những sinh vật của chúng ở dưới đất.

Mattis có thể kể những chuyện ấy cả mấy ngày không hết. Nhưng ông thầy không biết tiếng Same. Thầy không thể nào biết những gì Mattis biết. Mattis nghĩ:

- Ô, lẽ ra thầy giáo phải biết mọi thứ.

*

Trong lòng em, nơi không ai có thể nghe thấy, ngoại trừ Chúa, cả ngày Mattis nói tiếng Na Uy. Nói đi nói lại hoài. Em học nhiều lắm. Học tất cả chữ em cần phải học để làm người lớn và biết tự lo. Như thầy giáo đã bảo chúng em thế. Nhưng bố và mẹ là người lớn. Em chưa bao giờ nghe bố mẹ nói tiếng Na Uy cả. Có lẽ bố mẹ chẳng làm được gì? Mattis trầm ngâm về chuyện này.

Nghĩ cũng lạ. Nhưng thầy giáo là người đã đi cùng khắp mọi nơi... chắc ông biết.

*

Ở thành phố nhỏ này, có nhiều người nói tiếng Na Uy hơn. Họ cũng là Ông Lớn cả. Em nghe kể, họ ở nhà đẹp, trên tường treo nhiều tranh. Họ có phòng chơi và cả máy đĩa hát nữa. Tiếng Na Uy chắc hẳn là hay nhất, nhưng khó khăn khiếp.

Mỗi ngày học trò được về nhà. Chúng đi xe buýt nhà trường. Mất hơn hai tiếng. Trên xe, chúng vui vẻ lắm, phá phách và pha trò. Vài lần chúng hò hát. Lúc ấy, ông tài xế Nii'las ngừng xe lại, ra phía sau, la rầy chúng. Sau khi ông bắt đầu lái lại, chúng tiếp tục. Cuối cùng ông tài xế Nii'las chịu thua, không thôi thì họ chẳng bao giờ đến nơi.

Trong những ngày nghỉ ở nhà Mattis kể truyện nhà trường, kể họ đã làm gì. Kể em đã hiểu được lời thầy giáo nói. Bố mẹ em chỉ nhún vai.

Chẳng bao giờ nói gì, nhưng có đôi lần lại bảo «mấy người daza gì mà tào lao vậy». Sao họ không học về con tuần-lộc, học cách làm sao mình tự lo lấy thân được ở trên núi, học may vá da và chăm nom quần áo?

Không, Mattis cũng đồng ý rằng, những gì chúng học ở dưới đó, giờ không cần thiết

lắm... hát và đọc những câu thơ mà chẳng một lần nào nói gì về Chúa cả.

Bố và mẹ không có ý nghĩ tốt về trường học. Tụi nhóc không học những gì chúng cần học. Khi chúng xa mấy con tuần-lộc lâu, chúng trở nên vụng về, thiếu kinh nghiệm về tuần-lộc. Chúng cũng không được tự ý nghỉ học. Thiệt là buồn. Chỉ vào dịp nghỉ hè và những ngày cuối tuần, Mattis mới có thể theo bố mẹ em đến chỗ đàn tuần-lộc. Đó là việc vui nhất mà Mattis biết. Nhất là vào mùa đông. Lúc ấy em được ngồi lái trên xe tuyết, cùng với bố, mẹ hay cùng với những anh chị của em. Em được ngồi phía trước, cầm tay lái, lái, tuyết bắn ra phía sau. Chừng nào em lớn, em sẽ được một chiếc xe trượt tuyết riêng... hiệu Yamaha. Mattis có những con tuần-lộc riêng của em. Em nói, em nhận ra chúng bằng những dấu in trên tai. Điều đó gần đúng. Dù sao em cũng em thể nhìn ra màu da và sừng. Bố em khen với người ngoài là em giỏi lắm. Ông còn nói em là con trai giỏi nhất của ông. Mattis thích nghe những điều ấy lắm.

*

Một ngày thứ bảy mùa đông lạnh. Mattis theo bố tới chỗ đàn tuần-lộc. Bố em ném dây bắt tuần-lộc và kêu Mattis canh chừng chung quanh đàn, đừng để cho chúng chạy ra ngoài, vào cánh rừng nhỏ. Mattis sẽ giúp bố. Em vui mừng qua lông mày đóng băng. Gài cây ski vào chân, canh bước đi, canh từng hành động nhỏ nhất của bố, em chạy khi bố chạy. Em cố gắng làm hết sức tốt.

Nhưng em bỏ cuộc đi ski (trượt tuyết), không trượt nữa. Không móc được một giây vào cái móc trên cây ski. Em rên rỉ và mệt, qua đây một chút, qua kia một chút, nhưng dù em làm gì, chỉ có sai thôi. Bố em chạy trong tuyết sâu, chày mồ hôi, thở hồng hển, bực bội và giận dữ.

Mắng Mattis là em ngu hơn người Daza ngu nhất. Mấy con chó cũng chạy. Chúng hiểu. Chúng đã tới nơi tới chốn. Mattis hiểu mình không bằng một con chó. Em cảm thấy mệt. Chỉ là bực bội. Mũi sụt sùi, em bò vào sau xe trượt tuyết. Giấu mình và giấu sự xấu hổ với cha em.

*

Những ngày nghỉ đã hết. Xe buýt đến đón những người ở xa. Mattis cảm thấy buồn, nhưng khi đám học trò gặp nhau, chúng cảm thấy nhẹ người hơn. Chúng có nhiều chuyện

kể cho nhau. Tất cả những gì chúng đã trải qua. Có vài đứa con trai làm như người lớn, và những đứa con gái khác, ra về rành đời.

Thầy giáo hỏi chúng có đọc bài chưa. Chẳng đứa nào trả lời. Qua cửa sổ, mặt trời mùa đông lại chiếu lờ mờ sau một đêm dài tăm tối. Chúng học làm toán.

Thiệt là vui. Mattis làm toán cộng, và trừ, số này qua số nọ. Chuyện ấy tốt đẹp. Thầy giáo vui vẻ. Giờ sau, thầy giáo hỏi chúng ở nhà có học bài Kinh Lạy Cha chưa. Chúng có học. Đứa này đến đứa kia đưa tay lên... không cao, chỉ ngang mặt bàn thôi... cẩn thận: CỐ. Thầy giáo nhìn xuống lớp học. Chúng cảm thấy nhột nhột trong bụng. Chúng biết bây giờ thầy sẽ chỉ ra một đứa. Một đứa sẽ trả bài... là trả bài cho tất cả. Lớp học yên lặng nặng nề, những cặp mắt nghiêm trang... vài đứa mắt xanh lơ, vài đứa khác nâu, vài đứa sợ và có vài đứa hơi hăng hái.

- Mattis, cho thầy nghe em coi.

- Acci min dân gutte læt...

- Bằng tiếng Na Uy!

- Lạy Cha chúng con ở trời- i- ỳ. (A)

Thầy sửa: - ở trên trời. (B)

Mattis lặp lại: - ở trên trời - i - ì. (C)

- Tiếp!

Mattis nhìn xuống bàn viết.

Giọng thầy sắc bén:

- Tiếp!

Cái mặt bàn viết trở trên một làn sương lớn mù mờ trước mắt của Mattis.

- Đọc lại từ đầu!

- Cha chúng con ở trên trời - i - ì...

Em lén nhìn lên thầy, khuôn mặt thầy đỏ, cái nơ trên cổ hòng, nhìn như một con chim đang giương cánh

- Đọc theo thầy... nguyện danh Cha cả sáng.

- Nguyện danh...

Mattis lại im lặng. Nhìn xuống mặt bàn học, giờ như sóng biển lớn. Em nhúm miệng lại.

- Sao! -Nguyện danh... đọc đi.

Nhưng Mattis không còn để ý đến ông thầy giáo đang cầu nhàu nữa, cứ lập đi, lập lại, càng lúc giọng càng lớn. Em thì im lặng. Đầu óc em không còn ở trong cái lớp học hung dữ này. Mattis nghĩ đến ông mục sư. Mục sư đã có nói... ông cũng là người Na Uy... mục sư cũng đã phải biết điều đó... cho đến điều ông nói trong nhà thờ... Chính Mattis nghe... người thông dịch cũng nói thế.

Họ nói Chúa hiểu tất cả mọi thứ tiếng.

Mattis xếp chặt hai bàn tay vào nhau. Ngắn đầu, hướng về bụi giảng. Miệng hơi mấp máy, nhưng nhanh, hăng hái, em nói... không ngừng, không thời giờ cho một dấu chấm, một giọng suối mùa xuân chảy.

Accimin dân gutte læt almis basohuvvus du namma battus.

Mattis nhìn thầy giáo không rời. Thấy mặt thầy càng lúc càng đỏ. Mattis cứ tiếp tục. Cất cao giọng. Vài lần hơi vấp chữ, thì em đọc lại:

- ... adda middjiide min bæivalas...

Mattis không còn lắp bắp nữa:

- ... ja gudni agalasvuttii. Amen

*

Mattis ngồi xuống. Nhìn xuống bàn một lần nữa.

Mặt bàn không còn mờ nữa.

Chỉ là một cái bàn bình thường màu xám. Nhưng trong lớp im lặng lắm. Tim đập mạnh, em chờ đợi.

Thầy giáo nói chậm, thấp:

- Cảm ơn, cảm ơn,... tốt lắm.

Tới độ đám học trò chỉ đủ nghe thôi. !

-----Hết -----

Trích trong «Hoa Tuyết» Tuyển Tập Truyện Ngắn Na Uy, nhà XB Anh Em 2004

=====

===

(1) Tạm dịch: «Con Đường Mới».

(2) Tạm dịch: «Ngụ Ngôn, Bể Giá».

(3) Tạm dịch: «Tri Điều» («Loài Chim Hiếu Biết»).

(4) Tạm dịch: «Chuyện Thế Đây».

A, B, C: himmel(A), himmelen(B), himmel enn(C): En là mạo tự của himmel (trời), đứng sau himmel thành himmelen (bầu trời ấy). Nhưng Mattis lại dùng chữ enn, không phải là mạo tự, có nghĩa là hơn, ở thể so sánh. Đây là cách chơi chữ của tác giả, để nói lên dù cố gắng, Mattis vẫn phát âm sai tiếng Na Uy. DK.

BỮA CƠM ĐẶC BIỆT

Ở phòng mạch bác sĩ chuyên khoa ra, chị Mi điện cho người bạn thân:

- Cuối tuần này, bồ đến ăn cơm với vợ chồng mình và các cháu nhé.

- Sinh nhật đứa nào đây?

- Có sinh nhật sinh nguyệt gì đâu!

- Thế thì nhân dịp gì đây?

- Chẳng dịp gì cả.

- ...

- Đến nhé?

- Vậy thì chờ dịp nào đi, mình đang bận tíu tít đây này.

- Không thu xếp được?

- Mi này, thực ra có chuyện gì thế hở?

- Không có gì.

- Không có gì thật sao? Nghe giọng Mi lạ lắm!

- ...

- Mi đang ở đâu đấy?

- Vừa ở bác sĩ ra.

- Thế nào?

- Bết lắm.

- Vậy còn bày đặt cơm nước làm gì? Nghỉ ngơi đi.

- Sắp được nghỉ ngơi vô thời hạn rồi.

- Mi nói gì thế?

- Mình chẳng còn bao lâu.

- Mi này, đừng nói đại. Mi nghỉ ngơi đi. Cuối tuần mình sẽ đến thăm, nhưng đừng bày cơm.

- Không, sức khỏe mình tồi tệ lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa sẽ bất lực với nó thôi...(cười)... nói như thằng cu Cung nhà mình là «y học bó hands» ... (cười). Vậy nên mình phải tranh thủ chừng nào còn có thể. Bồ đến ăn cơm với cả nhà đi. Mình muốn đãi mọi người những món ngon nhất mà mình biết làm.

- Trời, Mi ơi!

*

Bữa cơm cuối tuần. Chị Mi tỉnh như không. Chị vốn tuýp người biết mình muốn gì và làm chủ tình hình rất giỏi. Chồng chị điềm nhiên, các con chị vui vẻ vì họ không hay biết gì về những điều kỳ lạ đang xảy ra trong thân thể chị. Chỉ có người bạn chị Mi khổ sở vì phải cố kềm chế cái rung rung trong lòng.

Bữa cơm bày toàn món ngon. Người bạn chị Mi tuy xót xa buồn vẫn phải xuýt xoa vì mùi vị và màu sắc của từng món một. Nhưng bạn chị lấy làm ngạc nhiên. Một bàn ăn xôm tụ, được

chăm chút tỉ mỉ như thế mà sao không thấy chút phản ứng ngạc nhiên nào của chồng con chị Mi cả. Bạn chị gợi ý :

- Bé Sữa này, chả giò tôm hấp dẫn quá hả con?

- Dạ.

- ...

- Cu Cung, con thấy món súp mẹ con nấu có thơm không?

- Dạ.

- ...

Các con chị Mi trả lời bạn mẹ lễ phép bằng một chữ dạ không hơn không kém. Người bạn khó chịu, quay qua chồng chị Mi :

- Lâu lâu được cỡ bàn thế này, thích quá, anh nhỉ?

- Người chồng chị Mi hơi ngơ ngác. Anh liếc mắt qua bàn ăn rồi nhoẻn miệng cười :

- Chúng tôi vẫn cơm canh như thế này hằng ngày đây mà.

- Hằng ngày?

- Vâng.

- ...

- Thế anh có biết...

Đến đó thì chị Mi chen vào giữa bạn và chồng, cắt đứt câu chuyện đang có đà tiến tới tiết lộ nguy hiểm bằng một tràng cười mồm, bối mồm rộ rã.

Sau khi chị Mi qua đời, người bạn, một lần đến cúng thất, nhắc với chồng con chị về ý nghĩa bữa cơm thịnh soạn sau chót. Bữa cơm gom tất thảy những món ngon mà hằng ngày chị Mi vẫn sửa soạn cho cả nhà hôm thì món này hôm món khác. Và bởi vì ngày nào, chồng con chị Mi cũng được ăn hoặc món ngon này hoặc món ngon kia nên khi chả giò tôm, súp măng cua, chả cá thì là, nộm đu đủ, ... cùng xuất hiện một lượt, họ cũng chỉ xem là chuyện bình thường. Người bạn chị Mi tỏ ý trách hờn chồng con chị Mi vô tâm. Chồng con chị Mi phản đối. Họ lớn tiếng trách móc người bạn sai sót, không nói cho họ biết về sự đặc biệt của bữa cơm sau cùng. Hai bên giận nhau. Họ đều không biết, ở rất gần họ, dù đã thuộc thế giới vô hình, chị Mi đang mỉm cười. Biết hay không biết thì có gì quan trọng? Điều quan trọng là chị đã có cùng những người chị yêu thương nhiều bữa cơm thật ngon miệng.

Mạch Nha



Vết nắng cuối chiều



Phạm Tín An Ninh

Tháng 7/75, khi mọi người vẫn còn đang ngơ ngác, chưa kịp hoàn hồn trước bao thù hận, mất mát chia lìa, thì ở khu làng biển nghèo Bá Hà, một cậu bé 15 tuổi lại ngỡ ngàng trước một tin vui - có mẹ. Khi bà ngoại dắt Hưng vào nhà và chỉ một người đàn bà xa lạ, bảo đó là mẹ mình. Hưng bắt ngờ đến sững sờ, cứ ngỡ như bà mẹ này vừa mới từ trên trời rơi xuống.

Từ khi sinh ra, rồi cả một thời tuổi thơ Hưng chỉ sống với bà ngoại. Ngoại nghèo khổ, một thân một mình vất vả làm thuê, gánh mướn, chật chiu nuôi đứa cháu duy nhất của mình. Hưng lớn lên bằng tấm lòng bao la của ngoại và sóng gió của biển khơi mênh mông. Trò chơi chỉ là rượt theo các chú dĩa tràng trên bờ biển vắng hoặc nhặt những chiếc vỏ ốc, vỏ sò sau mỗi lần thủy triều lên xuống. Càng lớn Hưng càng khôi ngô, khỏe mạnh. Có lẽ nhờ tiếng hát ru hời của ngoại cùng âm thanh rạt rào của biển luôn an ủi vỗ về mà Hưng gần như quên hẳn nỗi bất hạnh mồ côi và hun đúc Hưng thành một đứa bé khôn ngoan, thánh thiện, sớm biết nhìn bầu trời xanh bao la mà khát khao bao điều ước vọng.

Năm mới lên tám tuổi, vừa hết lớp ba, dù rất say mê học hành nhưng không đành nhìn ngoại ngày một còng lưng, Hưng phải xin nghỉ học để đi làm phụ ngoại. Theo ghe lưới cá của mấy người hàng xóm. Thời gian nghỉ ngơi, ở nhà tự học, đọc sách vở mà Hưng mượn được hoặc mua lại từ những bạn bè hay các anh chị học sinh lớn tuổi trong làng. Hưng ít khi hỏi ngoại về cha mẹ mình, vì Hưng không hề biết mặt họ, và trong ký ức

non nớt cũng như trong cả những giấc mơ của Hưng cũng không bao giờ có hình ảnh cha mẹ. Chỉ nghe bà ngoại kể là cả hai người đều bị bạo bệnh qua đời lúc Hưng mới sinh ra. Có lẽ thấy tội nghiệp đứa cháu cô cút của mình, bà không muốn Hưng phải suy nghĩ hay nhớ đến chuyện buồn này, nên chỉ kể vội một đôi lần, lúc Hưng mới lớn lên và bắt đầu nhận hiểu đôi điều ở quanh mình. Rồi không bao giờ bà nhắc lại nữa.

Hưng có hai ông cậu, em của mẹ, nhưng ít khi gặp mặt. Ông cậu nhỏ đi làm xa ở đâu đó, còn ông cậu lớn thì đi lính quân dịch, một năm chỉ về phép đôi ba lần. Ông có vợ, nhưng gởi vợ lại cho ngoại. Bà mợ thì hiền lành, nhưng ông cậu lần nào về cũng ghen tương, gây gổ với mợ, với ngoại, mặc dù ông rất thương và lo lắng cho ngoại. Có lần ngoại buồn, hờn cậu, dắt Hưng theo ra tận vùng quê Xuân Tự, ngoài Vạn Giã ở với gia đình người em của ngoại. Sau hơn nửa tháng, người ngoại và nhớ nhà, nhớ biển, nhớ cả đôi gánh tần tảo của mình, bà cháu lại dắt díu trở về làng cũ. Đó là kỷ niệm một lần đi xa độc nhất trong tuổi thơ của Hưng.

Mười lăm năm sống bên cạnh ngoại, trừ chuyến đi xa duy nhất ấy, Hưng chỉ quanh quẩn ở làng quê Bá Hà hay trong khu vực Hòn Khói. Một khu làng nghèo thuộc huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, nằm bên bờ một cái vịnh nhỏ xa xôi, cách biệt thị tứ. Thời Pháp thuộc, chưa có nhiều phương tiện giao thông, nơi này chẳng khác nào một ốc đảo. Muốn đến nơi khác phải di chuyển bằng ghe thuyền. Dân chúng đa số sống bằng nghề đánh cá, làm muối, một ít làm ruộng. Nghèo,

nhưng để bù lại, ông trời đã ban cho họ sự kiên nhẫn, trí thông minh, lòng hiếu học, cùng những cô con gái mặn mà nhan sắc.

Đầu thập niên 60, Bá Hà, Hòn Khôi có khá nhiều người trẻ vươn lên, thành đạt bằng con đường chữ nghĩa, tốt nghiệp bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, đã tạo một làn sóng đưa con cái vào các thành phố lớn Nha Trang, Sài Gòn theo học. Nhà nào cũng hy vọng con cháu mình sẽ bước ra khỏi cái nghiệp nghèo khổ, ít học, quanh năm chỉ soi mặt dưới biển, trên đồng từ mấy đời của dòng họ, cha ông. Điều đáng buồn là cùng với cái đà vươn lên ấy cũng là lúc xảy ra nhiều biến động đau thương của đất nước. Bá Hà, Hòn Khôi lại là nơi có nhiều anh em ruột thịt và bạn bè thân thiết, kẻ đứng bên này, người đứng bên kia, trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Chủ nghĩa Mác-Lê một thời đã hấp dẫn một số người trí thức trẻ, vươn lên từ những tầng lớp nghèo khổ, khi “đấu tranh giai cấp” trở thành mục tiêu và lý tưởng của họ. Họ không hiểu là người ta đã lợi dụng điều này, dẫn dắt họ vào con đường lầm lạc để cuối cùng chỉ phục vụ cho một nhóm người ác độc, chẳng hề có lý tưởng mà chỉ khát khao quyền lực, bạc tiền.

Hương là một trong số những người đi theo con đường cam go đầy bất trắc ấy. Có điều không nổi đình, nổi đám như vài người cùng xóm. Một anh giáo sư có vợ bác sĩ và mấy người cháu ruột đều có bằng cấp cao, kẻ vào bưng, người hoạt động nội thành, sau 75 làm nhiều chức rất lớn trong đảng. (Nhưng cũng chỉ vài năm sau thì giạt mình thấy “lạc đường” nên quay lại chống đảng để bị tù tội và mất hết bổng lộc) (*). Việc ra đi của cô gái tên Hương này kín đáo, thâm lặng và từ một lý do đặc biệt hơn, không ai biết được.

Hương ứng phong trào cho con cái tiến thân theo con đường sách vở, cha mẹ Hương chắt chiu tiền bạc cho cô con gái của mình vào Sài Gòn học. Thương cha mẹ nghèo mà phải vất vả lo lắng cho mình, sau khi vào Sài Gòn một thời gian, Hương kiếm việc làm thêm; vừa làm vừa học. Công việc chỉ là phụ giúp trong một nhà máy dệt, nhưng sau một tháng, ông chủ thấy Hương vừa hiền lành thật thà, vừa có chí học hành nên cho Hương làm sổ sách, kế toán. Biết Hương thuê phòng trọ trong khu lao động nghèo, sống một mình giữa Sài Gòn ồn ào đầy bất trắc,

ông chủ tốt bụng động lòng thương cho về ở chung với đám con cái trong ngôi nhà rộng lớn của mình. Vừa làm cho xưởng dệt vừa phụ giúp những chuyện lặt vặt trong nhà.

Ông Bùi Văn Trụ, chủ xưởng dệt Bắc Hà là một kiến trúc sư tài ba, từng thiết kế nhiều khu đô thị và nhận lãnh công trình xây cất khu chợ Hòa Bình Đà Lạt. Gia đình trước ở Hà Nội và đã mấy đời làm chủ nhiều xưởng dệt. Năm 1954, cả nhà di cư vào Nam, sống ở khu Phụng Hưng, Chợ Lớn. Sau khi tạm ổn định đời sống và việc học hành cho con cái, ông gây dựng lại Xưởng dệt Bắc Hà này. Được sự giúp đỡ của chính quyền trong bước đầu, nhưng chính yếu là nhờ vốn liếng và nhiều kinh nghiệm của ông, xưởng dệt ngày càng phát triển, không bị thất thế giữa những xưởng dệt lớn khác ở chung quanh mà hầu hết do Hoa kiều làm chủ.

Biết ông Trụ là người có khả năng và tâm huyết, chính phủ Ngô Đình Diệm đã yêu cầu ông cộng tác trong chương trình tái định cư và kiếm công ăn việc làm cho hơn một triệu người đồng cảnh với ông. Xưởng dệt Bắc Hà cũng là nơi quy tụ nhiều người di cư có kinh nghiệm trong nghề dệt.

Vợ mất, để lại cho ông bốn người con, ba trai một gái. Ông tục huyền với bà vợ mới, là bạn thân của vợ ông và cũng chính là người quản lý mấy xưởng dệt của ông ngoài Hà Nội. Khi di cư vào Nam, gia đình ông, ngoài vợ chồng và cậu con trai nhỏ của bà vợ sau, còn có cả bốn đứa con của bà vợ trước. Vào Sài Gòn ông bà có thêm một cô con gái út. Các con đều theo học các trường Tây: Jean Jacques Rousseau hay Marie Curie. Ông Trụ rất cưng con, nhưng thường bận đi xa trong nghề kiến trúc, hay giúp việc định cư cho những bà con khác, nên giao cho vợ chăm sóc, dạy dỗ đàn con, ngoài việc quản lý xưởng dệt Bắc Hà. Có lẽ một phần do ảnh hưởng nghề nghiệp, nhiều năm với cương vị quản lý mấy xưởng dệt lớn, nhân viên lên đến mấy trăm người, nên bà khá nghiêm khắc với con cái.

Trong mấy cậu con trai có Hoàn, con út của đời vợ trước, rất giống bố, khá đẹp trai, hiền lành, học hành chăm chỉ và luôn vâng lời cha mẹ. Hoàn không những giống bố về khuôn mặt, dáng đi mà còn ở đức tính rộng lượng, thương người. Thấy Hương con nhà nghèo, nhưng xinh xắn, nhu mì và hiếu

học, Hoành rất quý mến, thương yêu lo lắng cho Hương như cô em gái. Hoành thường dạy kèm thêm cho Hương. Những ngày nghỉ, khi đưa các em gái đi chơi, Hoành luôn rủ Hương cùng đi. Thường chỉ đi dạo trong Sở Thú, ăn kem hoặc xem ciné. Sự gần gũi, thân tình và hợp tính nhau dần dần đã làm tình yêu nảy nở.

Cuộc tình đẹp nhưng thâm lặng kéo dài gần hai năm, càng lúc càng say đắm, nồng nàn với kết quả là Hương mang thai. Hoành đem sự việc thưa cùng cha mẹ và xin được cưới Hương làm vợ. Lúc ấy Hoành đang học năm cuối trường Jean Jacques Rousseau và chuẩn bị thi BAC II. Cha của Hoành, sau khi la rầy rồi cũng đồng ý. Ông bảo Hương là đứa con gái hiền hậu dễ thương, lỗi là ở con trai mình. Cha mẹ phải có trách nhiệm, nhất là trong bụng Hương đang có giọt máu của họ Bùi. Nhưng bà kế mẫu của Hoành thì vừa nghiêm khắc, vừa bảo vệ nếp nhà “môn đăng hộ đối”, quyết liệt khước từ. Sau nhiều lần bàn cãi, cha của Hoành phải tạm thời nhượng bộ để giữ hòa khí gia đình. Cuối cùng ông bà đi tới quyết định: Thuê chỗ ở khác cho Hương sống để chờ sinh đẻ. Sau khi sinh xong, ông bà sẽ bắt đưa con và chu cấp tiền bạc như một đền bù để Hương về quê sinh sống, cắt đứt mọi liên lạc với gia đình cũng như với Hoành. Thực ra, trong thâm tâm ông Trự, cha Hoành, đây chỉ là kế hoãn binh với bà vợ kế, chờ sau này, mọi việc lắng xuống, ông sẽ mua nhà riêng cho Hoành và tìm cách đưa Hương trở về sống với Hoành và con. Tiếc là ông không nói sớm điều ấy với Hoành. Hoành quá thật thà đem hết mọi việc kể cho Hương nghe, và khuyên Hương cứ ở lại sinh đẻ rồi sau này sẽ tính. Vừa bất bình trước sự khinh miệt giai cấp của gia đình Hoành, vừa giận thái độ khiếp nhục của Hoành, và nhất là sợ bị mất đứa con, hôm sau Hương viết để lại cho Hoành một lá thư từ biệt, trút bao đôn đau trách móc, rồi lặng lẽ ra đi. Để đánh lạc hướng gia đình Hoành, ngừa việc sau này họ đi tìm để bắt đưa con, Hương bảo sẽ về quê ở Diên Khánh (Thành) thay vì về Hòn Khoai. Vì xưa nay, mọi người chỉ biết Hương là người từ Nha Trang vào học, thế thôi.

Mười lăm năm chưa biết mặt mẹ, chưa hề biết cảm giác của một đứa con có mẹ.

Bây giờ bỗng gặp một người bảo là mẹ mình, Hưng không có cảm xúc. Ngồi nghe mẹ kể lại cuộc đời bà và nguyên nhân sự có mặt của mình trên thế gian này, Hưng ngậm ngùi nhưng vẫn không hiểu hết được những điều đã xảy ra. Sao giống chuyện trong mấy cuốn tiểu thuyết mà mình đã đọc. Hưng thầm nghĩ như thế rồi hỏi mẹ:

- Vậy tại sao mẹ lại bỏ con lại cho bà ngoại khi con chỉ mới lên ba?

- Đó là điều đau xót và ân hận nhất của mẹ, đã dẫn vạt mẹ bao nhiêu năm nay. Nhưng xin con hãy hiểu và tha thứ cho mẹ. Lúc ấy mẹ không có con đường nào khác. Phụ lòng bà ngoại, xấu hổ với bà con láng giềng vốn còn rất đậm nề nếp cũ, con gái không chồng mà có con là cái tội xấu xa, cái án vô hình nhưng nặng nề lắm, con ạ.

- Đã bao nhiêu năm, sao mẹ không tìm cách liên lạc với bà ngoại và với con, để bà ngoại vừa một mình khổ khổ nuôi con vừa buồn vì tưởng mẹ đã chết thật rồi.

- Thực ra thì lúc ấy mẹ cũng muốn chết lắm. Viết lá thư để lại cho ngoại, bảo là mẹ xuống biển tự tử. Khuya hôm ấy mẹ có ra biển, nhưng khi lội xuống biển, nhìn thấy biển mênh mông, đen sẫm, nghe tiếng sóng thét gào, mẹ bỗng giật mình sợ hãi, không còn một chút can đảm. Mẹ bước lên bờ với ý nghĩ bỏ đi, nhưng chưa biết đi đâu, mẹ ra trốn ngoài ghềnh đá bên động cát, thì bất ngờ gặp mấy người du kích trong xã, trong đó có cô Tám, bạn học của mẹ lúc nhỏ, rủ vào bung theo kháng chiến. Mẹ đi theo cô ấy.

- Sao mẹ không ở trong đội du kích cho gần nhà mà lại đi ra tận ngoài Bắc?

- Mẹ được cô Tám dắt lên núi để học tập. Nghe nói cách mạng là thực hiện triệt để cuộc đấu tranh giai cấp, mẹ thấy rất hợp với ước nguyện của mẹ nên đã xin tình nguyện để được kết nạp vào đảng. Hơn nữa, mẹ cũng muốn rời xa quê hương, để không ai còn biết đến mình. Mẹ được đưa ra Liên Khu 5, ba năm sau chuyển ra Bắc. Và cũng ở tại Liên Khu 5 này mẹ đã gặp cha của con bây giờ.

Đưa tay chỉ người đàn ông cao lớn, mặc bộ áo quần bằng vải kaki Nam Định, vai mang xác-cốt, này giờ ngồi yên lặng trên bộ phản, bên cạnh bà ngoại, và hai đứa trẻ lạ, mẹ Hưng tiếp tục:

- Chú Ba đây là chồng của mẹ. Và con Hồng, thằng Hà đây là em của con.

Trước khi vào Nam, chú Ba nhất quyết bảo mẹ phải nói với con, chính chú ấy là cha ruột để cho con vui, nhưng mẹ không chịu. Mẹ muốn con biết rõ sự thật, vì chuyện cha con là chuyện máu mủ thiêng liêng. Con có nghĩ về mẹ thế nào cũng được, nhưng mẹ muốn con biết rõ lai lịch của mình.

Ông Ba đứng dậy, bước lại ôm vai Hưng thân mật :

- Mặc dù trước đây chưa được gặp con, nhưng mẹ con đã kể cho chú nghe về con từ khi mẹ và chú mới quen nhau. Chú rất thương con, và mong là con luôn xem chú như là ba của con. Nếu được, xin con cho chú cái vinh dự làm cha của con trong giấy khai sinh. Chú thực lòng không muốn trong khai sanh của con đề cha là vô danh, như mẹ đã kể cho chú nghe.

Nói xong ông Ba gọi hai đứa con lại, bảo anh Hưng đây là anh hai của hai đứa con. Từ nay phải gọi là anh hai và thương yêu, vâng lời anh ấy. Hai đứa nhỏ bước đến vòng tay, bẽn lèn chào Hưng.

Cái giọng Bình Định lai Bắc kỳ của ông Ba hơi khó nghe. Nhưng Hưng hiểu được những điều ông muốn nói và tin những tình cảm ấy là chân thật. Mặc dù sau tháng 4/75, Hưng nghe người trong làng kháo nhau: Đừng nghe những gì Cộng Sản nói.

Sum họp được hai ngày, thời gian chưa đủ để Hưng cảm giác có mẹ, có em, thì mẹ Hưng cùng chồng và hai con phải vào Cam Ranh để nhận nhiệm sở mới. Nghe nói ông Ba làm ở Phòng Địa Chính còn mẹ Hưng thì làm hiệu trưởng một trường phổ thông cấp 1. Trước khi đi ông bà để lại cho bà cháu Hưng mấy bao gạo, một số tiền và ít áo quần.

Sự thay đổi qua bất ngờ và khá lớn lao đó vẫn chưa đủ làm cho Hưng mất đi cái cảm giác mồ côi. Mười lăm năm, đã quen và yêu cuộc sống tuy vất vả nhưng rất yên ả với ngoại, với biển cùng đám bạn bè ở cái làng nghèo Bá Hà này nên Hưng không muốn có một sự đổi thay nào nữa. Từ ngày người mẹ xuất hiện, với một lai lịch khá mơ hồ về cha, cùng với sự xáo trộn từ đầu tháng Tư, kéo theo bao âu lo của bà con trong xóm, đầu óc Hưng lúc nào cũng căng thẳng, chẳng khác nào những đêm biển lặng, theo thuyền đi lưới cá ngoài khơi, đột nhiên bị đông tố bất ngờ. Bao nhiêu năm sống với ngoại, Hưng ví ngoại như cây cổ thụ đầu làng, quanh năm

phủ bóng che mưa, che nắng cho mình. Hưng không muốn có ngày bị người ta kéo ra khỏi cái bóng thần tiên ấy, cho dù người ấy là ai. Bỗng dưng Hưng thấy thương ngoại hơn. Tối tối, Hưng chui vào nằm bên ngoại, ôm ngoại thật chặt như sợ bà sắp tuột mất khỏi vòng tay bé nhỏ của mình. Còn ngoại thì khác, bà tỏ ra phấn chấn, vui mừng, thường nắm tay Hưng bảo nhỏ:

- Hãy vui lên nghe con, bây giờ thì con đã có mẹ. Trước đây ngoại rất lo sợ, vì ngoại đã già rồi, nếu có bề gì biết có ai lo lắng cho con. Bây giờ con có mẹ, ngoại yên lòng.

Ngoại nói là ngoại mừng, nhưng nhìn vào mắt ngoại, Hưng thấy ngoại đang khóc.

Hơn một tháng sau, mẹ và chú Ba đưa xe con về đón ngoại và Hưng vào Cam Ranh. Gia đình ông bà được cấp ngôi nhà khá rộng trong khu cư xá, nghe nói của một công chức VNCH bị tịch thu. Mới làm việc chỉ hơn một tháng, nhưng ông bà tỏ ra chán ngán. Ông bảo làm trong ngành địa chính nên biết rõ nhiều điều bất công, khuất tất. Từ việc tịch thu tài sản của nhiều người dân vô tội đến việc giành giật chia chác từ chức tước đến nhà cửa, đất đai giữa những cán bộ trong các ban quân quản và guồng máy chính quyền mới vừa “biên chế”. Mẹ Hưng thì dễ dàng nhận ra hệ thống giáo dục và trình độ của các giáo chức miền Nam, hơn hẳn bây giờ và cả ngoài Bắc. Tuy phải chấp hành cấp trên, nhưng với chức vụ hiệu trưởng, bà cảm thấy e thẹn, nhất là những khi phải họp hành “giao ban” với các giáo chức cũ. Hưng nghe mẹ thường buồn bã tâm sự với ngoại :

- Điều buồn nhất sau bao nhiêu năm trở lại quê nhà là con cảm thấy thật cô đơn. Láng giềng, bạn bè cùng lớp cùng trường ngày xưa dường như đều muốn xa lánh con. Có ai bất ngờ gặp con giữa đường, họ giả vờ vồn vã nhưng con nhìn thấy rõ sự dè dặt trong mắt họ.

Ông bà luôn chăm sóc ngoại, vỗ về an ủi Hưng. Nhiều đêm bà ngủ cùng phòng với Hưng để mẹ con tâm sự. Nước mắt của mẹ dần dà đã thấm đẫm trong lòng Hưng, làm Hưng xúc động. Nằm trong vòng tay, với những cái nhìn âu yếm, cùng những giọt nước mắt ấy của mẹ đã làm Hưng thấy gần gũi, thấu hiểu được nỗi lòng và ước mơ của mẹ. Nhiều lúc, thấy mẹ ngồi thẫn thờ nhìn xa

xăm, Hưng biết là cả một quá khứ đau buồn đang trở về với mẹ, nhưng không hiểu là hình bóng của cha Hưng đã hiện lên như thế nào trước mắt mẹ. Mẹ có còn thương cha, có dành một ngăn nhỏ nào trong trái tim của bà cho người tình xưa, hay chỉ có oán trách, hận thù? Còn chú Ba, chồng của mẹ bây giờ, thực ra cũng là một người tốt, chân chất hiền lành, thường tâm tình khuyên bảo, năn nỉ Hưng ở lại với ông bà và hai em. Ông sẽ lo cho Hưng đi học trở lại, có mẹ kèm thêm để Hưng học nhanh hơn. Ông cũng tỏ ý muốn thay mặt cho cha Hưng để bù đắp những gì mà hơn 15 năm qua Hưng bị mất mát quá nhiều. Ông tha thiết mong được Hưng gọi mình là ba như hai đứa em của Hưng.

Hai tuần ở đây, tình cảm trong Hưng có nhiều biến chuyển. Hưng bắt đầu gọi ông Ba bằng cha, và cũng là lần đầu tiên Hưng cảm giác mình có mẹ. Hưng thấy hạnh phúc và cũng có chút hãnh diện về mẹ, một người đàn bà lớn tuổi nhưng còn nhan sắc và hiểu biết. Có một điều Hưng vẫn mơ hồ, không biết con đường gai góc mà mẹ đã đi trong gần mười lăm năm, bỏ Hưng cô cút với ngoại, có phải mẹ đã thực sự tìm đúng lý tưởng của mẹ? Hưng thấy cái làng Bá Hà này vốn cũng đã nghèo, giờ lại càng nghèo khổ xơ xác hơn. Các chủ ghe mà Hưng đã từng đi theo phụ lưới, giờ phải đem ghe thuyền giao nộp hết cho hợp tác xã. Các anh chị từng vươn lên trong học hành, có cả ông thầy trẻ từng dạy Hưng, một thời làm hãnh diện cho Bá Hà, giờ một số bị tù đầy, số còn lại thì quay về nghiệp cũ; đánh cá, làm muối, làm ruộng. Chẳng lẽ học hành, giỏi giang chữ nghĩa lại có tội? Mọi người ai cũng ngờ vực, sợ sệt lo âu.

Tháng 5/78, một chiếc thuyền nhỏ vượt biển tấp vào một hoang đảo ở Nam Dương. Trên thuyền gồm có 18 người, đa số là thanh, thiếu niên. Tất cả được Cơ Quan Cao Ủy Tị Nạn LHQ đón nhận đưa về tạm trú tại trại tị nạn Tandungpinang. Trong số 18 người này có Hưng, cậu bé đánh cá vùng biển Hòn Khói năm nào, bây giờ đã 18 tuổi. Được phái đoàn Mỹ nhận, Hưng đến định cư tại Tiểu bang Florida vào đầu tháng 10/79 với sự bảo trợ của một gia đình người Mỹ tốt bụng.

Nhờ có sẵn đức tính cần cù chăm chỉ, từng trải qua cả một thời tuổi thơ cơ cực, và

cũng nhờ vào trí thông minh của ông trời ban cho người dân nghèo Hòn Khói, Hưng vừa đi làm giúp đỡ gia đình, nhất là bà ngoại ở Việt Nam, vừa theo học tại một trường Cộng Đồng dành cho người lớn tuổi. Hưng học rất nhanh và luôn đạt điểm cao, được khích lệ của các thầy cô giáo. Hưng theo gương Nguyễn Xuân Nam, một người bạn nghèo cùng làng Bá Hà, sang Mỹ trước Hưng một năm, nổi danh hiếu học (**). Trong chuyến đi của Hưng có cậu em ruột của Nguyễn Xuân Nam.

Khi được Cao Ủy Tị Nạn và Phái Đoàn Mỹ phỏng vấn, hỏi do động cơ nào mà Hưng vượt biển ra đi. Hưng trả lời là chính bà ngoại đã khuyên và giúp Hưng tìm mọi cách, bà bảo :

- Chỉ mới sau mấy năm “giải phóng” mà coi bộ dân chúng khôn khổ quá chừng. Ai cũng lo sợ, oán than cách mạng. Ngoại già rồi, nhưng con còn trẻ phải tìm mọi cách ra đi. Ở lại coi bộ khó sống lắm con ạ.

Đó là lời khai hoàn toàn thành thật, vì xưa nay Hưng không hề biết nói dối. Có điều Hưng hơi ngạc nhiên khi nghe ngoại bắt ngờ nói ra điều này, mà trước đó Hưng chưa bao giờ nghe bà nói tới. Sau này, Hưng mới biết đó là quyết định của mẹ và ông cha kế. Cả số tiền để Hưng trả cho chủ ghe cũng do ông bà đưa cho ngoại.

Lá thư đầu tiên nhận được của mẹ, có cả ông Ba, người cha kế viết chung trong đó, Ông bà chúc mừng Hưng đã đến xứ tự do, nơi bảo đảm tìm thấy tương lai, nếu ở lại, giờ này Hưng đã bị đi nghĩa vụ quân sự và có thể bỏ xác oan uổng ở chiến trường Campuchia trong cuộc tranh giành quyền lực giữa những người Cộng Sản. Hai năm sau, tháng 12/81, Hưng được tin ông xin phục viên, viện có chứng đau nhức đến buốt óc do một mảnh đạn còn nằm trong đầu, bị thương trong trận tấn công Quảng Trị 1972, không thể giải phẫu lấy ra được. Mẹ Hưng còn dạy học thêm vài năm nữa, sau này xin nghỉ vào Bình Dương làm nghề trồng cây ăn trái.

Năm 1992, sau khi tốt nghiệp đại học và đã có công việc làm ổn định, được tin ngoại ốm nặng, Hưng vội vã về Việt nam thăm ngoại. Xin bảo lãnh ngoại sang Mỹ để chữa bệnh và sống với Hưng, nhưng ngoại nhất quyết chối từ, bảo là bà đã sống ở làng quê Bá Hà cả một đời người, như cây đa mọc

ễ không dễ gì mà bút ra được. Không ngờ đó là lần cuối cùng Hưng gặp ngoại. Bà qua đời vào năm 1998. Được tin ngoại mất, Hưng có cảm giác như cả bầu trời sập xuống. Hưng tưởng tượng cái cây cổ thụ xum xuê to lớn ở đầu làng Bá Hà vừa bị bật gốc. Dù bây giờ Hưng đã thực sự trưởng thành, có một gia đình hạnh phúc với vợ con, công ăn việc làm ổn định, nhưng Hưng vẫn cảm thấy như vừa mất đi cái bóng mát vĩ đại để tâm hồn mình trú ẩn. Bởi mỗi khi buồn, cảm thấy cô đơn lạc lõng trên xứ lạ quê người, nghĩ tới ngoại là tinh thần Hưng phấn chấn. Nhớ những ngày mình còn bé, ngoại thường dắt lên chùa lễ Phật. Hưng chấp tay trước ngực, đứng nép bên ngoại trước tượng Phật, nghe ngoại chỉ cầu xin bao điều may mắn tốt đẹp cho đứa cháu cô cút của mình. Có lẽ nhớ những lời cầu xin này của ngoại mà cuộc đời mình mới được như hôm nay. Bây giờ trang sách cuộc đời như vừa bị ai đó xé đi mất nửa trang đầu, để nửa sau không còn ý nghĩa gì nữa. Hưng khóc hết nước mắt và hụt hẫng đến suy sụp cả tinh thần.

Ông Ba, người chồng sau của mẹ cũng qua đời mấy năm sau đó. Hưng dắt vợ con về Việt Nam để chịu tang ông như người cha ruột của mình. Hưng xin xây mộ phần cho ông, an ủi mẹ và hai em. Trước khi rời Việt Nam, Hưng gọi lại cho mẹ một số tiền và hứa mỗi tháng sẽ gọi thêm về để phụ cho hai em ăn học đến nơi đến chốn.

Trong lần về Việt Nam lo đám tang cho ngoại, Hưng có dịp tâm tình riêng với mẹ. Mấy ngày hai mẹ con nằm trong khách sạn Hải Yến ở Nha Trang, khi ngoài trời gió mưa tầm tã, mẹ đã kể lại tỉ mỉ hơn về cha ruột của Hưng, về cuộc tình thật đẹp, thật lãng mạn nhưng kết cục quá đau đớn của ông bà. Mẹ cũng không còn trách cha. Bảo ông ấy là người tốt, hiểu biết, thương người, nhưng lúc ấy còn đang đi học, lệ thuộc nhiều vào gia đình, hơn nữa lại là đứa con luôn vâng lời cha mẹ. Hôm ấy, lần đầu tiên mẹ nghĩ muốn Hưng đi tìm cha, dù điều ấy bây giờ rất nhiều khó, nhất là sau tháng 4/75, những người giàu có đã phải bỏ nhà cửa, bỏ Sài Gòn ra nước ngoài hay đến một vùng quê xa xôi nào đó để mong còn giữ được cái thân.

Nghe lời mẹ, trước khi trở lại Mỹ, Hưng thuê xe đến khu Phụng Hưng trong Chợ Lớn. Đúng như lời mẹ nói, tất cả đã đổi

thay, không ai biết gì về gia đình ông chủ xưởng dệt Bắc Hà ngày trước. Vừa thất vọng, vừa nghĩ là nếu có tìm được ai đó trong gia đình cha, chắc gì họ đã đón nhận mình. Bởi trong mười lăm năm Hưng sống cô cút khổ cực, cũng không hề thấy có ai đi tìm đứa con, đứa cháu lạc loài bất hạnh. Hưng quyết định bỏ hết, cố quên đi cái quá khứ đau buồn và phiền muộn ấy để cho lòng thanh thản. Hưng nhủ thầm “không ai thay đổi được quá khứ, mình nên dồn hết trí óc và thời gian còn lại để xây dựng tương lai”. Hôm ấy, khi máy bay lấy cao độ để rời khỏi không phận Sài Gòn, Hưng nhìn xuống, qua khung cửa kiến nhỏ, nhận ra khu vực Chợ Lớn nằm xa xa phía dưới, bất giác Hưng đưa tay lên chào. Hưng nghĩ đó không chỉ là cái vẫy tay từ biệt khu phố Phụng Hưng, mà còn từ biệt luôn một quá khứ mơ hồ, bất hạnh với một người cha chỉ nghe như huyền thoại.

Cách đây hai tuần, khi đang say ngủ Hưng giật mình bởi chuông điện thoại reo. Xem đồng hồ, đã hơn hai giờ sáng. Giờ này mà ai gọi chắc là có điều khẩn cấp lắm. Hưng bật ông nghe. Bên kia đầu dây là Hà, đứa em trai cùng mẹ khác cha đang gọi từ Sài Gòn. Hà gọi từ một trạm internet, nên hiện lên trên khung điện thoại của Hưng một dãy số lạ hoắc. Hà báo tin đã tìm được một người biết gia đình ông bà Bùi Văn Trụ, chủ xưởng dệt Bắc Hà. Việc đi tìm tin tức về người cha ruột của Hưng hy vọng có nhiều manh mối. Cái tin bất ngờ đó làm cho Hưng lo lắng hơn là vui mừng. Không biết khi tìm được rồi họ có nhận mình không?

Cái vẫy tay từ biệt hôm nào trên máy bay, Hưng tưởng đã bỏ lại cho khu phố Phụng Hưng tất cả quá khứ buồn thảm. Hưng muốn xóa sạch hết tất cả, như cái xưởng dệt Bắc Hà giờ cũng chẳng còn một dấu tích nào. Nhưng rồi một giấc mơ đã làm Hưng thay đổi. Một giấc mơ kỳ lạ. Trong giấc mơ, có tiếng điện thoại reo, Hưng bật máy lên nghe. Giọng một người đàn ông:

- Có phải Hưng đó không con ? Ba là Hoàn, cha của con đây. Bao nhiêu năm đi tìm con khắp nơi mà không gặp. Ba rất thương nhớ con. Hãy tha thứ cho ba nghe Hưng!

Hưng giật mình tỉnh giấc, trong tai vẫn còn văng vẳng tiếng người vừa nhận là

cha mình. Giọng nói trầm âm, hiền lành, xúc động. Giấc mơ đã làm Hưng nhớ lại câu nói “cha con là máu mủ thiêng liêng” của mẹ trong ngày đầu tiên khi hai mẹ con gặp nhau tại căn nhà tranh của ngoại ở làng quê Bá Hà hơn 36 năm trước. Chính giấc mơ đã thôi thúc Hưng đi tìm lại cha mình.

Hưng nghĩ ngay tới Hà, đứa em trai một mẹ khác cha, nhưng rất giống Hưng và luôn kính trọng, thương yêu, giữ tình nghĩa với Hưng chẳng khác nào anh em ruột. Từ hơn mười năm nay, Hà làm việc cho một công ty xuất nhập cảng lớn tại Sài Gòn, chắc hẳn quen biết nhiều người. Hưng liền gọi điện thoại về Việt Nam, bảo Hà hỏi mẹ rõ ràng chi tiết về gia đình ông bà chủ xưởng dệt Bắc Hà để tìm ra tông tích của cha Hưng. Hà hết lòng ủng hộ mẹ và Hưng về việc này. Ngày nào, sau khi đi làm về, Hà cũng chạy ngay xuống khu phố Phùng Hưng.

Qua bao biến cố, thăng trầm, Sài Gòn - Chợ Lớn bây giờ đổi thay nhiều quá. Cả khu xưởng dệt Bắc Hà không còn lại một dấu tích gì. Người ta đã phá hết để xây khu chung cư mới. Hầu hết dân chúng ở khu vực này từ ngoài Bắc mới vào sau 75. Dường như chẳng còn ai biết có một xưởng dệt tên Bắc Hà từng hiện diện ở nơi này. Hơn nữa, mọi người đang tất bật rượt đuổi theo thời gian để tìm cơ may trong cơn sốt đổi đời, thì còn đâu óc và thời giờ đâu mà nhớ tới ngày xưa, ngay cả cái thời đẹp để hạnh phúc mà họ đã mất. Sau mấy ngày, Hà may mắn gặp được một ông già tốt bụng. Ông thuê lại căn nhà của một người Bắc 54 đã ở đây hơn 30 năm kể từ ngày di cư vào Nam. Hy vọng ông ấy biết nhiều về gia đình chủ nhân xưởng dệt Bắc Hà. Ông tìm địa chỉ đưa cho Hà. Hà chạy ngay lên tận Biên Hòa và gặp được người chủ nhà gốc Bắc 54 ấy. Ông cụ đã trên 85 tuổi, nhưng trí nhớ còn rất tốt. Ông biết rất rõ về gia đình ông bà kiến trúc sư Bùi Văn Trụ và xưởng dệt Bắc Hà nhưng ông bảo sau 75, cả nhà cửa và xưởng dệt đều bị tịch thu. Có lẽ tất cả đã ra nước ngoài. Vì từ ngày ấy ông không còn gặp và cũng chẳng nghe ai nói tới gia đình ấy nữa. Tuy nhiên, ông có biết một bà bác sĩ hiện ở bên Pháp, là bà con với gia đình ông bà chủ Bắc Hà. Bà có về Việt Nam thăm thân nhân và bạn bè một đôi lần. Ông hứa sẽ tìm một người quen, là bạn thân của bà bác sĩ ấy, để hỏi giùm tin tức. Hà mừng

quá, xin số điện thoại của ông cụ rồi chạy ngay đến một trạm internet ở gần đó để gọi cho Hưng, mặc dù biết ông anh của mình giờ này đang ngủ say. Hà bảo :

- Em báo tin để cho anh “phần khởi” và tốt nhất là em cho anh số phôn của ông cụ, để anh gọi về trực tiếp nói chuyện. Sẽ hấp dẫn, hồi hộp và chính xác hơn là em.

Sáng hôm sau, Hưng gọi về và gặp được ông già Bắc Kỳ 54 khả kính. Nhưng ông bảo phải chờ ông hỏi thăm, vì chưa gặp được người ấy. Ông hẹn Hưng tuần sau gọi lại. Trong một tuần ấy, lòng Hưng rối như tơ vò. Không biết người cha ấy như thế nào, vợ con ra sao. Nhà giàu và học hành như thế đối với mẹ con Hưng họ là giai cấp thượng lưu. Hơn nữa còn bà vợ. Liệu bà có cho chồng nhận Hưng là con, khi sợ bị chia mất một phần gia tài, và nhất là tình cảm của mẹ con bà? Hưng tâm tình với vợ. Là một người hiểu rõ tính tình, suy nghĩ và cả một quá khứ bất hạnh buồn thảm của chồng, vợ Hưng luôn an ủi, khích lệ và chia sẻ cùng chồng mọi tâm sự, nỗi niềm:

- Em nghĩ anh nên vui và nắm lấy cơ hội này để tìm gặp lại cha. Vì hoàn cảnh của anh, của chúng mình hiện nay, em không sợ gia đình cha sẽ hiểu lầm. Mình không cần bất cứ tài sản gì nữa, còn tình cảm, đó là sự thiêng liêng như mẹ đã nói, không ai có thể nhẫn tâm chia cách được. Hơn nữa nếu còn sống, cha cũng đã già rồi. Em tin là dù trước kia có thế nào, bây giờ bất ngờ gặp được anh, chắc là cha sẽ vui mừng ghê lắm. Hơn nữa, đó chính là điều ước mong của mẹ.

Những lời nói của vợ làm cho Hưng bớt căng thẳng và vui vẻ hơn, nhưng chưa hết hẫng lo âu. Sau một tuần lễ dài nhất trong đời, Hưng gọi điện thoại về Biên Hòa gặp ông cụ Bắc Kỳ 54. Rất may mắn ông đã có số điện thoại của bà bác sĩ ở bên Pháp. Đó là bà bác sĩ Tuyết, trước kia là học trò của ông bác sĩ Bùi Huy Lâm hiện ở bên Mỹ. Hưng rụt rè gọi cho bà Tuyết. Một người đàn ông bốc phôn. Nhưng mới nói vài câu, Hưng nghe bên kia đầu dây im lặng, rồi cúp máy. Hưng đoán có lẽ ông là chồng của bác sĩ Tuyết, tưởng ai gọi nhầm số. Cũng có thể ông không muốn nghe, ngại dính vào câu chuyện phiền toái của Hưng. Suy nghĩ mãi, cuối cùng Hưng hỏi vài người quen ở Cali, xin số phôn của bác sĩ Bùi Huy Lâm. Ông này khá nổi tiếng ở đây. Ông

Lâm thật nhân từ, tốt bụng, vui vẻ và chịu khó nghe Hưng trình bày một câu chuyện khá dài. Ông tỏ ra xúc động. Khi đang khóc trong điện thoại, Hưng nghe bên kia đầu dây có tiếng sụt sùi. Ông hứa sẽ liên lạc ngay với bà Tuyết để kể lại đầy đủ sự việc và bảo đảm bà sẽ sốt sắng trong việc này. Ông còn an ủi Hưng:

- Cháu yên tâm. Bây giờ không phải chỉ có cháu, mà còn có cả bác nữa, chúng ta nhất định sẽ tìm ra bố của con.

Tấm lòng của bác sĩ Lâm làm Hưng thực sự cảm kích. Hưng nghĩ mình đã may mắn gặp một người nhân từ, nên hy vọng mọi điều sẽ tốt đẹp.

Cuối cùng thì Hưng cũng gặp được bà bác sĩ Tuyết. Lần này bà lắng tai, thăm hỏi an ủi và cho Hưng số điện thoại của người cô út, em cùng cha khác mẹ với cha Hưng. Bà sống ở Thụy Sĩ.

Hôm nói chuyện với cô, tự dưng Hưng xúc động đến nghẹn ngào. Bà chỉ lớn hơn Hưng có bốn tuổi. Tuy hoàn toàn không biết gì về Hưng, không hề được nghe người anh tên Bùi văn Hoành của bà đã từng có một đứa con như thế, nhưng bà rất vui vẻ, thân thiện và dành cho Hưng những lời thương yêu, quý mến. Chính tấm lòng và giọng nói của bà đã làm cho Hưng có cảm giác người này thực sự có liên hệ máu thịt với mình.

Hưng gửi ngay cho bà vài tấm ảnh của Hưng qua email và ngược lại bà cũng gửi cho Hưng tấm ảnh của người anh, mà Hưng bảo là cha. Xem ảnh xong, bà bảo là Hưng giống cha Hoành như đúc. Còn Hưng, khi nhận tấm ảnh của cha, tấm ảnh lúc ông còn trẻ, nên cả vợ chồng Hưng đều giật mình tưởng người trong ảnh chính là Hưng bây giờ. Bà cũng báo tin cho người chị cả của bố, bác Hương, hiện định cư ở Canada gọi sang Mỹ thăm và vui mừng đón nhận Hưng. Tối hôm ấy, Hưng rất xúc động nhận được một email ngắn của cô út :

- Hưng đã quây trời, quây đất đi tìm bố, từ bác sĩ Lâm ở Cali, đến cô Tuyết, bác Túc ở Pháp. Tất cả đã biết và cùng chia sẻ niềm hạnh phúc. Cô ở Suisse và bác Hương ở Toronto đã mở rộng vòng tay đón Hưng vào gia đình họ Bùi. Cô rất vui vì Hưng tìm được dòng suối trong, và Hưng sẽ như dòng thác đổ, như sông Cửu Long chảy về ôm hết những người Hưng muốn thương yêu

Có một điều không phải như Hưng nghe mẹ và ông cụ Bắc Kỳ 54 ở Phùng Hưng ước đoán trước đây, cha của Hưng không định cư ở Pháp sau 75, mà vẫn còn ở Sài Gòn. Điều ngạc nhiên hơn ông từng là đại úy phi công VNCH. Bị tù 7 năm sau tháng 4/75. Ông đủ điều kiện đi Mỹ theo diện HO, nhưng bà vợ, nhờ chôn giấu được một số vàng của cha mẹ để lại sau 75, nên còn vốn để buôn bán làm ăn, điều quan trọng hơn là cả cha mẹ bà đều bị bệnh nặng nằm một chỗ cần đến sự săn sóc của bà, nên bà không thể bỏ đi. Cuối cùng bố Hưng phải đành ở lại. Bà cô út rất tế nhị, vừa muốn tránh việc phiền muộn có thể ảnh hưởng tới cuộc kỳ ngộ, và cũng muốn dành trọn cảm giác ngạc nhiên cho ông anh, nên bà bảo sẽ không trực tiếp cho cha Hưng biết, mà chỉ cho Hưng số điện thoại và địa chỉ của ông, đề nghị Hưng nhờ đưa em ở Sài Gòn tìm cách hẹn ông ra ngoài, kể chuyện về Hưng, rồi sau đó gọi điện thoại để hai cha con nói chuyện.

Hưng nghe theo lời cô, nhờ Hà giúp mình mọi việc. Chiều hôm sau, từ một quán cà phê trong giờ vắng khách, ông Hoành lần đầu tiên nghe tiếng nói của đứa con hơn 51 năm chưa hề biết mặt.

Giọng nói đôn hậu pha lẫn chút đùa cợt, có lúc lại nghẹn ngào đứt đoạn của ông đã gây cho Hưng cảm giác gần gũi, thân thiết ngay từ phút ban đầu. Ông kể chuyện về bố ông và ông, đau buồn thế nào khi biết mẹ Hưng bỏ đi, vã đã vất vả kiên nhẫn đi khắp nơi tìm mẹ con Hưng mà không gặp. Khi nghĩ là mẹ Hưng đã tự tử mang theo dòng máu của mình, cha con ông đã ân hận đau đớn như thế nào. Trong phòng riêng ông có để tấm ảnh nhỏ của mẹ Hưng trên kệ thờ. Thấy ông đau buồn tiêu tụy, bố ông xin giấy tờ cho ông sang Pháp du học. Nhưng khi ông chuẩn bị lên đường thì bố ông đột ngột qua đời do một tai nạn ở Lâm Đồng. Ông phải ở lại, phụ bà kể mẫu lo cho xưởng dệt và may đưa em. Khi đến tuổi động viên, xin vào trường Không Quân ở Nha Trang và làm phi công quan sát (L19) cho đến ngày mất nước. Thời gian biệt phái công tác ở Trà Nóc, ông quen cô con gái của một thương gia ở thành phố Cần Thơ. Sau này trở thành vợ của ông. Bây giờ ông bà có bốn người con, hai trai hai gái. Tất cả đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Những điều ông kể, nhiều lần bị gián

đoạn. Không phải ông quên, hay ái ngại, mà vì phải dừng lại để lau nước mắt. Bên kia đầu dây, Hưng cũng sụt sùi.

Ông nhờ Hà về thưa lại với mẹ xin cho ông được đến thăm mẹ. Được bà đồng ý, sáng hôm sau ông lái xe lên Bình Dương. Vợ chồng Hà giúp trang điểm, thay áo quần mới cho mẹ. Vừa vui mừng, vừa xúc động khi nép vào cánh cửa nhà sau, nhìn lên cuộc trùng phùng kỳ diệu của mẹ mình với người tình xưa, Cả hai đều bạc tóc. Ông nắm tay bà :

- Bà còn giận tôi không ?

Mẹ Hưng không trả lời mà bật khóc. Đôi mắt của bà đã bị mờ từ hơn bốn năm nay, bây giờ càng mờ hơn qua làn nước mắt. Nhưng dường như bà đã nhận ra ông, nhìn thấy ông rất rõ qua ký ức và cả tâm hồn bà. Ông ôm lưng, dìu bà ngồi vào chiếc ghế bành bên cửa sổ. Khi thấy bà ngồi bỏ hai chân trên ghế, ông đùa :

- Bà ngồi cái kiểu này, hèn gì Thái Lan đang bị một trận lụt kinh hoàng bên ấy.

Bà hiểu ý, vội bỏ thông hai chân xuống, đưa tay lau nước mắt rồi nhoẻn miệng cười. Vợ Hà véo nhẹ tay chồng khi thấy mẹ đã trên 70 nhưng vẫn còn giữ chút thẹn thùng của thời con gái.

Ông nói tiếp :

- Chắc bà thương tôi lắm hay sao mà đặt tên cho mấy đứa con sau này cũng bằng vẫn H, và cháu Hà trông cũng giống tôi lắm?

Bà lảng sang chuyện khác:

- Nghe nói ông là sĩ quan Cộng Hòa, khi biết tôi theo Việt Cộng ông có thù ghét tôi không?

Ông cười thật to :

- Nhiều lần bay trên trời, tôi phát hiện mấy cô du kích tắm trường dưới suối. Tôi sà xuống thật thấp định phóng mấy trái hỏa tiễn, nhưng bỗng nhận ra có bà dưới đó, nên tôi vội vã bay đi. Chứ hồi đó tôi bắn một phát thì làm sao bây giờ hai đứa còn gặp nhau đây.

Không biết vì giọng bông đùa rất tự nhiên hay vì chữ “hai đứa” của ông vừa nói, bà bỗng im lặng, đưa đôi mắt đục mờ nhìn xa xăm. Trong ký ức của bà, hình ảnh anh học trò Hoàn 19, 20 tuổi tuấn tú ngày xưa vừa sống dậy, tạo cảm giác trẻ trung, cùng một chút lãng mạn trong lòng bà.

Dường như ông đã đoán trước và chờ

đợi thời điểm kỳ diệu này, bước ra xe lấy bó hoa vào trao cho bà :

- Xin bà nhận cho tôi vui. Đây là bó hoa đáng lẽ tôi trao cho bà trong ngày đám cưới, giờ lại trở thành bó hoa xin tạ tội, dù rất muộn màng. Cái lỗi lớn nhất của tôi là đã đẩy bà đi lạc vào một con đường, để đến cuối đời bà vẫn mãi ăn năn.

Khi thấy bà ôm chặt bó hoa vào lòng, rung rung nước mắt, ông bỗng trầm xuống:

- Tôi xin cảm ơn bà. Dù bà không nói ra, nhưng tôi biết là bà đã tha thứ cho tôi. thằng Hưng, đứa con bất hạnh của chúng ta, dù ở thật xa, nhưng tôi đang nhìn thấy nó mỉm cười. Tôi đang chờ để đón vợ chồng nó và hai đứa cháu nội của mình. Nay mai tại nó sẽ về đây để cùng với bà và tôi ôm nhau mừng cho cuộc trùng phùng kỳ diệu này.

Trước khi chia tay, ông xin phép bà được thắp một nén hương trên bàn thờ ông Ba, chồng của bà.

Khi tôi ngồi viết lại câu chuyện này theo lời kể của Hưng, thì Hưng cùng vợ và hai cô con gái đang có mặt tại phi trường Tampa, bắt đầu cuộc hành trình về Việt Nam để tìm lại nguồn cội và quá khứ của mình. Cầu mong cuộc trùng phùng sẽ làm lành được những vết thương trong lòng mỗi người, trải qua bao đời thay, tan thương đau bề.

Phạm Tín An Ninh

(*) Gs Đỗ Trung Hiếu, sau 75 làm Ủy Viên Liên Lạc Các Tôn Giáo của Trung Ương Đảng CSVN, vợ là bác sĩ Văn và cháu là Đỗ Hữu Ứng. Hiếu gia nhập đảng CS (1956) trước khi, hoạt động trong phong trào sinh viên Phật Tử Sài gòn. Sau này(1986) phản tỉnh, cùng với Nguyễn Hộ và các đảng viên kỳ cựu trong Câu Lạc Bộ Kháng Chiến Cũ, chống lại đảng nên (1992) đã bị tù và tước hết đảng tịch cùng các chức vụ.

(**) Nguyễn Xuân Nam, vượt biên trước Hưng một năm, lúc 19 tuổi. Ở Việt nam, Nam mồ côi mẹ, cha bị thương tật, chỉ học đến lớp ba, rồi nghỉ, theo cha làm nghề đánh cá. Vậy mà sau hơn mười năm sang Mỹ đã trở thành một bác sĩ nổi danh, được Hội Đồng Giáo dục Y Khoa trường đại học Harvard bình chọn là một trong những bác sĩ giỏi nhất nước Mỹ, hiện đảm trách Trưởng Khoa Nhi Đồng bệnh viện Los Angeles, California và cũng là giáo sư tại một số trường Đại Học của Hoa Kỳ.

Người Con Gái của Quốc Mẫu (2)*

Nguyễn Văn Thà



Đêm nay, đi làm khuya về, ăn qua loa, tắm nước ấm, bận áo thơm, trèo lên tầng ba sát mái, chui vào chăn êm, nhìn vàng trắng phơi phơi nằm trịnh trọng trong bầu trời trong thật trong và tươi vàng lai láng xuống mặt đất thanh sạch sau trận tuyết sung mãn đầu hôm. Trăng tâm tư chập chờn những thoáng mây vàng kim cổ, không như những năm trước, giờ này người thân từ Việt Nam hay gọi qua: chuyện thương nhớ thân tình, chuyện nhọc lòng, hay tin báo tử. Chuyện thân tình thương nhớ dân phai, chuyện nhọc lòng Nam chẳng làm gì được, nên điện thoại từ Việt Nam hầu như ngưng hẳn, chỉ còn chuyện báo tử chẳng dặng dưng. Mới năm ngoái đây tin báo thằng cháu, con của em gái nghèo nhất mà Nam thương nhất, học đại học sắp ra trường bị xe tắc xi đụng cán chết. Mấy tháng sau lại có tin con của chị gái đi biển, gặp bão, mất tích. Rồi tin mẹ anh chết. Toàn tin báo tử nửa đêm. Anh đâm sợ chuông điện thoại nửa đêm; cha Nam nay cũng yếu lắm rồi. Anh chẳng những chưa đền đáp được gì, mà còn là nỗi thất vọng dài lâu cho các ngài. Nhưng đêm nay trăng khuya sáng khác thường giữa trời thủy tinh, đất tịnh tâm, làm anh quên hết cơn mệt nhọc, chuyện buồn phiền hằng ngày. Anh ngẫm nghĩ: nghĩ cho cùng phải đi làm cực nhọc, nhờ những lúc như thế này, anh cảm thấy đời này có chút gì đáng sống, nếu không, mình chỉ như cái máy nổ nổ, chạy chạy, nổ nổ, chạy chạy, rồi hao, rồi hư, rồi cuối cùng bị quăng vào đồng phế thải, đó là

chưa kể còn bị khục khà khục khặc trước khi sụm vì đủ mọi chuyện. Anh may mắn hơn vì còn có vàng trắng từ thiên cổ cho anh muôn học mỹ cảm đủ để trung hoà phần nào cái cuồng lưu ác độc của cuộc đời đầy dẫy những con người Thượng Đế dựng nên chẳng qua để dùng như những tay giác đấu giết nhau trong hí trường của Ngài. Đang nghĩ lan man như thế thì có chuông điện thoại. Nam giật mình, lòng trĩu nặng chờ tin báo thương, báo tử. Nhưng là thằng Nam Nhỏ, cháu gọi Nam bằng cậu, nó cười vui vẻ:

"Cậu ngủ chưa cậu?"

"Chưa, cậu đang ngắm trăng."

"Đúng là cậu!"

"Mà Nam Nhỏ à, bữa nay là mấy ta rồi?"

"Hôm nay đúng ngày rằm cậu ạ. Mấy nhà hàng xóm đang cúng rằm."

"Có chuyện gì bên nhà không Nam Nhỏ?"

"Không đâu cậu. Cháu chỉ gọi điện gọi thăm cậu và mời cậu Tết về chơi."

"Cậu không có tiền mà về đâu!"

"Cháu bao cho cậu. Cháu sẽ đặt vé cho cậu. Tiền của cháu là tiền của cậu. Cháu với cậu là một mà!"

Câu cuối này nó nói đúng vì mẹ nó thương Nam đặc biệt, nên khi sinh nó, đặt tên nó là Nam Nhỏ. Đã thế, sau này lớn nó lại giống Nam, như sinh đôi, kể cả cái nốt ruồi son nhỏ đầu chân mày trái, giống "tù ngón chân cho tới đầu tóc." – mẹ nó nói. Tính nó cũng lai lai cậu nó, và khá sáng dạ, nhưng học hết lớp 12, nó nghỉ.

Nam cười ngạc nhiên:

"Tiền đâu mà cháu có vậy?"

"Tiền mự cho."

"Ừa, mự nào?"

Giọng nó nghiêm trang:

"Mự vợ cậu đó!"

Có tiếng mẹ nó mắng chen:

"Đừng có hỗn nghe Nam Nhỏ. Cậu mi đang hoang chưa có vợ, bồ bịch cũng không, không phải mới nứt mắt đã mèo mả gà đồng như tụi bay. Cứ nói tào lao không hà."

Nó cười cười:

"Cậu có cả trăm vợ mẹ ạ."

Mẹ nó mắng:

"Cái thằng ni hỗn!"

"Thì cậu viết cả trăm truyện ngắn, mỗi truyện là một vợ."

Mẹ nó cười to:

"Tổ cha cái thằng ni!"

Nam cười ha hả, nó cũng cười ha hả. Nam khoái chí:

"Mi xứng đáng mang cái tên của tau nghe Nam Nhỏ."

"Chờ sao! ... Mà thôi, cháu nói thiệt đó, cậu cứ cho cháu ngày tháng rồi cháu đặt vé cho cậu. Nói cho cậu thêm chơi... cậu về chuyến này bảo đảm sẽ có chuyện lý thú cho cậu. Về nha cậu!"

"Thôi để cậu tiết kiệm tiền đã, mới về được. Cháu đã nghèo, mà thảo lão như thế thì lúc mô cho khá được"

Nam Nhỏ:

"*Twai tamur paga yuw ba muda tamur sang... Khách bước qua rào như mang sự giàu có.*"

"Chà, chà! mi học tiếng Chăm hồi nào mà hay vậy? Lại còn cái câu cách ngôn Chăm cổ..."

"Mự dạy cho cháu."

"Mự nào nữa?"

"Thì mự người 'con gái của quốc mẫu' của cậu đó!" Rồi nó lại cười: "Cháu trúng tôm cậu ạ. Cháu trúng cả mấy năm liền, tôm chẳng những không bị bệnh, mà còn lớn nhanh, đã vậy, con nào con nấy con nhỏ nhất cân ít nhất cũng hai lạng, dù cháu chẳng chăm sóc tôm kỹ lưỡng như những chủ gần đó. Ai cũng nói cháu được Trời thương. Cũng có thể, nhưng cháu nghĩ mự phù hộ cho cháu; cháu cứ vái mự hoài."

"Đừng có mê tín dị đoan. Cháu học

dầu gì cũng đã xong lớp 12 thì cháu cũng biết: Mọi sự xảy ra trong trời đất này đều có nguyên nhân vật lý hoặc/và hoá học."

"Thôi cậu cứ về, xuống thăm ruộng tôm của cháu, rồi cậu sau nói gì thì nói."

Nam cứ nghĩ cháu nó thương cậu, thấy cậu lâu chưa về vì kẹt tiền, nên bịa chuyện như thế, và hi sinh bỏ ra một số tiền từ tiền dành dụm còm còi của nó cho cậu về. Nhớ lần về trước cách đây sáu năm, thấy nó cứ lẳng xẵng, quẩn quýt bên Nam, bỏ tiền ra lo lắng cho Nam đủ thứ, thì cũng biết cái tình của nó. Cháu vốn khó khăn, không về thì thôi, ai lại nỡ để cho nó mua vé. Còn có cái lạ là cha mẹ, anh em nó ở quê nhà có ai nói gì chuyện nó trúng tôm đâu! Hay là người ở quê nhà hay thủ, chỉ than nghèo, chứ không bao giờ khoe làm ăn khá với bà con ở nước ngoài. Gì đi nữa, anh sẽ không nhờ tiền của Nam Nhỏ. Dành dụm, rồi cũng đủ mua vé máy bay, nhất là nay có hãng máy bay mới, mạnh vốn Qatar đang cạnh tranh giá rẻ. Nam nói cho cháu vui lòng:

"Cậu sẽ về, nhưng về bằng tiền của cậu."

"Nói hoài cậu lại đâm câu. Nếu cậu không về sớm, mự Nga sẽ buồn."

Nam giật mình, nói thắm: "Cái thằng Nam nhỏ này thiệt lém: đánh trúng tim đen mình: kêu lên cái tên trắng vĩnh hằng chảy máu lòng mình mấy chục năm nay."

Nó nhai lại điệp khúc:

"Cậu không về sớm mự Nga sẽ buồn cho mà coi."

"Đừng có nói nhảm nghe Nam Nhỏ!"

Nó giọng mỏng như niêm tuyệt vọng:

"Cậu ơi, trắng rằm nơi đây sao chỉ sáng một nửa trên, nửa dưới tối sầm âm phủ."

"Chẳng lẽ trắng mỗi nơi mỗi khác?"

"Khác chó! Khác chó!"

"Bên này nguyên vàng, bên kia nửa miếng?"

"Đúng rồi, đúng rồi."

Nam bán tín bán nghi, chỗi dậy, đi vội lại máy, vào Vietshare.com, tìm lịch

Tam Tông Miếu xem lại ngày, và thấy quả thật hôm nay ngày rằm. Nam có đọc đâu đó: khi trăng còn khuyết, phần sáng của trăng được thấy từ bắc bán cầu nằm đối hẵn với phần sáng của trăng được thấy từ nam bán cầu, nhưng trăng tròn, thì nơi nào trên trái đất này trăng cũng tròn sáng như nhau. Chưa nghĩ hết ý, lại giọng nó, côی cút:

"Về mau nghe cậu, kéo trăng rụng, mọi loài rụng theo."

*

Bãi biển Cù Ti đã bớt phần hoang sơ. Những nhà nghỉ vá víu luộm thuộm, những nhãn hiệu CocaCola, Pepsi, Tiger Beer... phần phật, chập chờn, chưa định vị. Các cô gái Chăm trang phục nửa Tây, nửa Chăm, váy dài sắc sỡ, tạp nhạp, áo thun những hình tượng, những câu tiếng Anh xa lạ, những đứa bé mặt mày cháy nắng, mệt mỏi công em mệt mỏi, những người Chăm già vẫn khăn trắng đã ngả màu mặc kệ, ngồi chò hỏ nhìn lung ra biển, không thấy trai tráng đâu, hay trai tráng và cụ già dung nhan xơ xác, tứ chi lụn bại như nhau?, chỉ có hàng quán là tươi trẻ, nhộn nhạo: nhạc tiếng Anh, tiếng Hàn lẫn át, thỉnh thoảng mới ngoi lên được những câu thơ Chăm xã hội chủ nghĩa được phổ nhạc theo làn điệu quan họ Bắc Ninh lai Bắc Kinh, tiếng ồn ào nhậu nhẹt, ồn ào dù má, dù mẹ từ đám thanh niên người Kinh, những người nuôi tôm trong những đầm ruộng ngày xưa là bãi lầy nước lợ đất Chăm. Đồn công an biên phòng một thuở hồ hởi giết người yếu thế, vẫn đứng vững như chân lý, họ vẫn còn đó với áo xanh chiến tranh sống mãi trong sự nghiệp, cầu vai sao vàng hàng mã, chiếc mũ kết hếch ngược hếch thêm cái bản mặt hãnh tiến ketch còm của những tên đao phủ vui nghề hành quyết. Người Chăm vẫn đứng đó, năm đó, ngồi đó lặng thinh, nhẫn nhục, buông xuôi như bãi cát lấm lờ, ít bồi, như đàn còng kia, quơ quơ, quào quào miếng cá thối, con sứa ươn, lơ ngơ tha còng rêu biển, xe cát vu vơ, chỉ có đào hang trú ẩn là hăng. Và cũng chẳng còn mấy con, không còn bầy đàn nâu cả một mảng bãi cát lớn như hồi Nam chôn dầu vượt biển. Lâu quá còn gì, bao nhiêu đổi thay, nhưng người Chăm, đất Chăm vẫn giữ nguyên màu hoang phế tự cô. Không biết sao, như lần trước, Nam đến bãi biển này và

không muốn đi đâu nữa. Anh như bị đất Chăm níu xuống, đất Chăm với những tàn phá diệt chủng từ Đại Việt cho tới Việt Nam nay, những tháp trụ găng gỏi đứng, hoa champa hương thoi thóp ướp sông núi bầm dập, những bóng người cằn cù nương rẫy, lễ hội sum vầy, những dáng đứng Chăm ngàn năm, những gươm giáo giữ gìn bờ cõi, vó ngựa, thót voi, máu loang man rợ, những tìm tòi siêu hình, những nhân đức tự nhiên đẹp đẽ như bất cứ dân tộc văn minh nào, những giá trị làm người đang bị người Kinh đều cang nuốt trừng, những bản tình ca xưa về tình hạnh phúc, về cả những hận tình: *Kuw biai wok yuw ni baik ah/ Ka than drei ribbah dom thun muni/ Sa gah Cam sa gah Bini/ Hake bhian yuw ni tat toy sa drei: Ta bàn như vậy nhé/ Về thân phận mình khổ mấy năm nay/ Một bên Chăm, một bên Bà Ni*/ Đau thương như thế ni, trôi giạt như thế này. Và Nam ứa nước mắt. Đau thương như thế ni, trôi giạt như thế này.*

*

Nam găng gỏi về gấp chuyến này là vì cha Gérard Merton, cha linh hồn của Nga, và qua Nga, biết Nam yêu mến dân tộc Chăm, mới đây gởi một cái điện thư yahoo cho Nam. (Không biết sao cha già lảm cẩm lại biết sử dụng internet lại còn biết cả địa chỉ yahoo của Nam.) Điện thư viết là cha có quay lại Việt Nam, và về bờ biển Cù Ti khảo sát một quần thể mộ Chăm bị vùi trong đồi cát cao cả trăm mét cả mấy trăm năm nay. Cha nghĩ đồi cát là một loại mộ trùm do người Chăm đắp để dấu mộ, chứ không phải là đồi cát tự nhiên. Nhóm mộ mới được phát hiện nhờ một công ty Trung Quốc khai thác cát đen*** dọc biển tình cờ đào trúng. Có nhiều dấu hiệu cho thấy đó là quần thể mộ, lăng của các vua chúa Chăm và hoàng gia. Viện khảo cổ quốc gia, phối hợp với Trung tâm văn hoá Chăm địa phương đã khai quật được ngoài những đầu tượng vàng của các thần Siva, Visnu, Brahman, các đồ gia dụng vàng bạc, trang sức..., còn có các hộp đồng hàn kín bằng dầu rái chứa những sử thi, trường ca, thơ tình, kinh Bà la môn, cả kinh Cô ran chữ Chăm viết trên các thẻ làm bằng lá buông quét dầu rái sau khi viết xong, nên chữ còn có thể đọc được. Cha bảo Nam phải về ngay để xem mộ, kéo chính quyền sau khi khai quật xong, sẽ cho phép công ty Tàu ủi hết mộ để lấy cát

đen; và khuyên Nam kiếm tiền, về hồi lộ mua cho được mấy cuộn kinh, kéo một khi lọt hẳn vào tay mấy ông cộng sản có gốc chân trâu, thế nào cũng bị bán sạch, như trường hợp kho tàng của triều đình Huế mà vua Bảo Đại giao lại cho chính quyền Việt Minh vào năm 1945.

Nam vào quán nhậu để hỏi đường đến đó, thì thấy thằng Năm Nhỏ đang mặt đỏ gay chạy ra, mừng rỡ.

"Câu về hồi nào mà ra đây vậy cậu?"

"Mới về. Nam Nhỏ bữa ni cũng bày đặt nhậu nhẹt nữa à!"

Nó cười hì hì:

"Đồng không mông quạnh lạnh lẽo cậu ạ!"

Nam Nhỏ đã hết nhỏ, nó đã thành người lớn, sương gió, thô tháo, và có cái vẻ du côn sao đó, hay nói như mấy ông nhà nước nó đã "xuống cấp", không còn là thằng bé hiền lành, ngây thơ, quán quýt bên cậu Nam nó như ngày nào. Lại càng không phải là đứa có thể buông những câu như: "Cậu ơi, trắng rằm nơi đây sao chỉ sáng một nửa trên, nửa dưới tối sầm âm phủ." hay "Về mau nghe cậu, kéo trắng rụng, mọi loài rụng theo."

Nó lại hì hì:

"Để cháu đưa cậu về chòi giữ tôm, nghĩ, rồi kiếm gì nhậu cậu hè!"

"Ừ, mà ruộng tôm cháu ở đâu?"

"Gần đây thôi: khu đất cát nước nhĩ, gần nơi mà người ta trước đồn là có nghĩa địa Chàm đó cậu, nên trước ai cũng chê, và nay phát hiện đúng là có nghĩa địa cổ của Chàm."

"Mới phát hiện à?"

"Dạ, và người Trung Quốc cứ đòi bốc dỡ để lấy cát đen. Cậu biết đó: nhà nước mình thì tiền là tiên là phật, còn dân Chàm lơ lơ làm được trò trống chi."

Rồi Nam đưa tờ điện thư của cha Gérard Merton viết bằng tiếng Việt cho Nam Nhỏ xem. Nó đọc xong rồi nó cười:

"Sao lạ vậy cậu?: meo mới gọi tuần trước, mà cha đã chết cả năm nay rồi. Giáo xứ mình có làm lễ cầu nguyện cho cha mà, vì như mẹ cháu nói, cha hồi xưa là cha xứ của giáo xứ mình trước khi đi truyền giáo cho người Chàm. Và cháu ở đây canh ruộng tôm ngày đêm, có thấy cha nào đến xem mộ đâu. Nhưng chuyện khai quật mộ thì có. Đủ thứ

tượng, bình hũ, vòng xuyến, bông tai... Mà thiệt là lạ: có cả xác của một đứa con gái còn tươi nguyên. Cháu có chạy đến xem và nghe mấy ông cán bộ khảo cổ bạn nhậu của cháu nói cô ta là con gái của một quốc mẫu đời xưa của Chàm. Họ nói là, theo khoa học, đôi khi vì cách ly hẳn không khí, xác cứ tươi mãi như vậy, mà cũng có thể vì xác được ướp sao đó, họ chưa khẳng định được. Mà lạ thiệt cậu ạ, cô ta sao giống y như trong hình cô Phi Nga hồi cậu thương ghê lắm. Cái hình cậu cho cháu xem riêng đó. Đ. m, mấy chả móc nói với người nước ngoài bán đồ cổ thì cũng được đi, còn bán cả cái xác cô gái."

Nam lặng người.

"Mà cậu có muốn coi xác không? Cháu có thằng cán bộ quen, cho nó ít trăm, nó cho coi liền. Nghe nói vài bữa nữa, xác bán cho bảo tàng xác ướp ở Mỹ, họ sẽ chở qua Mỹ để mô phỏng, rồi trưng bày kiếm tiền. May cậu về kịp."

Nam choáng váng, nhưng cũng rần nói lẫn cảm xúc:

"Ừ, nhưng mà dẫn cậu về ruộng tôm cháu, cho cậu vào chòi cậu rửa mặt cho tỉnh cái đã... Mà sao cháu biết đây mà kiếm đất khai thác nuôi tôm?"

"Thì cháu đọc truyện cậu, nên tò mò đi tìm địa danh Cù Ti trong truyện để xem cậu bịa truyện tới cỡ nào, hay là chuyện thiệt. Tới nơi, tình cờ thấy gần khu mộ Chàm có một nguồn nước nhĩ chảy ra một bãi cát cả mẫu. Ai cũng nói chắc như bấp là nước từ mộ Chàm chảy ra dơ dáy, xui xẻo, dù lúc đó vẫn còn là chuyện đồn đãi. Nên đất bị bỏ hoang. Cháu cho mấy thằng chính quyền mấy triệu, rồi cho mấy cháu nhậu, chúng nó ký giấy cho cháu đất. Rồi cháu thuê công ty đào ủi, san bằng, trái bạt làm đáy ruộng, nước trong mộ chảy ra ngày đêm, không còn là nước nhĩ từ trong đôi cát mà ra, mà lại chảy ào ào, khỏi bơm, và nước lại sạch vì lọc tự nhiên qua cát. Cháu trúng mảnh cậu ạ!: tôm không bệnh không tật, lại lớn nhanh ... Thôi, cậu về tắm rửa, ăn loa qua, cháu còn đưa cậu đi xem xác cô gái con quốc mẫu đó xem có giống mợ Phi Nga của cậu như cháu nói không? Kéo cậu lại la cháu là cái thằng lếu láo ba trợn... May mà cậu về kịp."

"Hèn chi cháu gọi điện thoại, nằng nặc mua vé cho cậu về, lại còn bảo đảm có chuyện lý thú cho cậu!"

"Gọi hồi nào? Cháu có gọi hồi nào đâu!
Bạn làm, bạn nhậu, quên hết, cậu ơi!"

"Tuần trước đây chơ mấy. Gọi nửa đêm.
Tiếng cháu mà, có cả tiếng mẹ cháu góp
chuyện. Cháu không gọi thì ma gọi hay
sao!" – Nam bỗng rùng mình – "Mà cháu
oi... hay là ..."

"Gì đó cậu, có chuyện gì vậy cậu?"

"Hake bhian yuw ni tat toy sa drei..."

"Cậu nói sáng gì vậy cậu? Cháu sợ...
Hay là cậu bị bệnh..."

"Đau thương như thế ni, trôi giạt như thế
này."

Nguyễn Văn Thà

Oslo, 19 XII 2011

Chú thích:

**Người Con Gái Của Quốc Mẫu (1)*, xin
xem V&Đ, xuân 2007.

***Bà Ni: Tức người Chăm Hồi Giáo Bà
Ni. Đạo Hồi cấm lấy người khác tôn giáo, ở
đây là lấy anh người Chăm theo đạo Bà La
Môn. Chú thích này và các câu thơ lấy từ
trang mạng inrasara.com*

***Cát đen là hỗn hợp của loại cát mịn
bóng có màu đen và có một ít từ tính, được
tìm thấy ở lớp bồi tích phù sa. Theo các nhà
thăm dò và

khai thác, cát đen cũng có mặt trong
những lớp sỏi cát chứa vàng vì vậy các hoạt
động khai thác vàng thường tạo ra một lượng
bao gồm chủ

yếu là cát đen. Trong cát đen thường chứa
nhiều các kim loại quý có giá trị như: các
nguyên tố đắt hiếm, thori, titan, vônfram,
zircon và các

nguyên tố khác. Ở Việt Nam, cát đen
được tìm thấy phân bố dọc các tỉnh ven biển
miền trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận.
Hiện nay việc

khai thác cát đen ở Việt Nam chủ yếu để
xuất quặng thô tách lấy titan và một số kim
loại quý khác. Riêng thành phần trong cát
đen Việt Nam chủ yếu chứa khoáng vật
ilmenit. Hàm lượng ilmenhit trong cát đen
thay đổi từ 20 đến 147kg/m³. Tổng trữ lượng
ilmenhit của Việt Nam khoảng 17-19 triệu
tấn. Ilmenhit Việt Nam có hàm lượng tương
đối cao so với ilmenit của một số nước.
Ilmenhit có công thức hóa học là FeTiO₃,
ngoài ra còn một số kim loại khác là
mangan, magiê. (Wikipedia tiếng Việt)

Đi Trên con Đường Số Không

Đêm thênh thang cho lòng người hư huyền
Hiu hiu trời mây gió thuở xa xưa.
Chân buông xuống con dốc dài đá cứng
Cao thấp nhà mờ mắt sóng nhấp nhô.

Nằm ủ ê giữa đôi bờ chật hẹp
Mà bỗng quanh co như một tiếng thờ dài...
Và, con nước dập dềnh rơm rác
Soi gương mặt buồn, soi ngấn đá tàn phai!

Con đường không mang tên - dốc chia tình
trăm nhánh
Lời sẽ buồn ru nghẹn tiếng nghìn năm...
Mạch nước trong giữa lòng mường u tối
Như niềm vui sẽ chết yêu ân thâm!

Bỗng đưa hương cả một giàn thiên lý,
Hoa rồi trắng: bản giao hưởng tình cờ.
Ôi! Lặng lẽ phút ngậm ngùi cảm xúc
Như môi cười nào thấp thoáng trong mơ.
Đôi mắt sáng tường hai vì sao nhỏ,
Hai giọt nước buồn lóng lánh, trên cao,
Từ mái nhà xưa nhớ xanh vườn cây lá...
Và tình thờ dài đổ xuống dốc chiêm bao!

Đá từng phiến giữa lòng đường trơn cứng.
Hỡi đá già! Lặng đặng bước chân si...
Lòng thăm thăm với buồn chia trăm nhánh,
Có nhánh nào trở lại chốn ra đi?

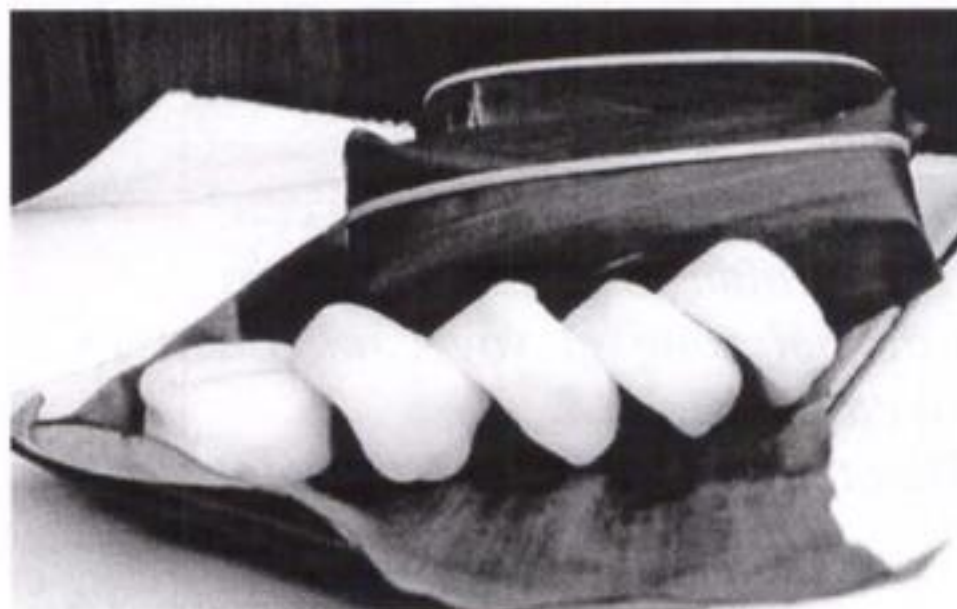
Nguyễn Thủy Nam



Khai từ

Thuở mang mang Trời Đất,
Đã định sẵn phương Nam,
Mẹ Đất, nuôi trăm trứng,
Cha Biển, tình cưu mang.
Lạc Long, Rồng Nam Hải,
Âu Cơ, Tiên Lĩnh Nam.
Chia con, người xuống biển,
Người theo Mẹ Văn Lang.
Hùng Vương chung một Tổ,
Rồng Tiên chung một dòng,
Trăm con chung một bọc.
Gấm vóc một non sông.

Bánh chưng bánh giầy
Đời Hùng Vương thứ sáu,
Đức vua tuổi đã cao.
Muốn truyền lại ngôi báu,
Bèn gọi các Lang vào.
Lệnh truyền: “Các người hãy,
Nhân dịp Nguyên Đán này,
Dâng cúng lên Trời Đất,
Tạ ơn đức cao dày.
Món ngon hãy kiếp soạn,
Món nào vừa ý ta,
Kẻ lòng thành dâng cúng,
Ngôi báu sẽ truyền cho”



Các Lang quý tuân lệnh,
Kẻ về lên núi cao.
Tìm chân gấu, phượng, trĩ...
Tốn của, nhiều công lao.
Người lặn lội xuống biển,
Kiếm hải sâm, bào ngư...
Mong được truyền ngôi báu,
Tiền bạc lẫn công phu.
Riêng Tiết Liêu cùng vợ,
Quen nếp sống đơn sơ.
Làm ruộng trồng hạt thóc,
Áo vải tự quay tơ.
Vợ chồng âu lo nghĩ,
Lệnh vua cha đã tryền.
- “Ngôi báu ta không tưởng,
Nhưng Trời, Đất thiêng liêng.
Lòng ta quả thành kính,
Muốn dâng lên Tổ Tiên.
Nhưng bạc tiền không có,
Xin cầu khẩn ơn trên.”
Lòng thành quả ứng nghiệm,
Tiết Liêu đêm nằm mơ,
Được thần nhân mách bảo:

-“Gạo, thóc người có thừa.
 Gạo gói vuông lá chuối,
 Bên trong nhân đậu xanh,
 Luộc ba canh cho chín.
Vuông, là mảnh đất lành.
 Đồ xôi giã thật nhuyễn,
 Nặn hình tròn thủy chung.
 Thơm mùi gạo tinh khiết,
Tròn, lượng cả bao dung.
 Vuông, tròn Trời đất ấy,
 Chúng sinh và muôn loài,
 Ôn mưa hòa gió thuận.
 Thiên Địa một không hai.”
 Tỉnh giấc, Liêu cùng vợ,
 Vội vã gói bánh chưng,
 Đồ xôi, bánh giầy nặn.
 Nguyên Đán thành kính dâng.
 Vua Hùng nếm các món,
 Nào chả phượng, nem công.
 Bao sơn hào, hải vị,

Vương cũng chẳng hài lòng.
 Khi Liêu dâng hai món,
 Lá chuối gói đơn sơ.
 Vương ngạc nhiên nếm thử,
 Lòng vui, giọng nhân từ:
 -“Đất, Trời cho sự sống,
 Thóc, gạo tay người làm.
 Lệnh ta truyền dâng cúng,
 Thử ý các người xem.
 Liêu lòng thành yêu Đất,
 Trên kính lượng Trời cao.
 Cây cày gia công khó,
 Ngôi báu xứng ta trao.”
 Từ đó mỗi dịp Tết,
 Nhà nhà gói bánh chưng.
 Ôn Tổ Tiên, Trời Đất,
 Khấn nguyện, thành kính dâng.

Dương Kiên

Thư cho nhau



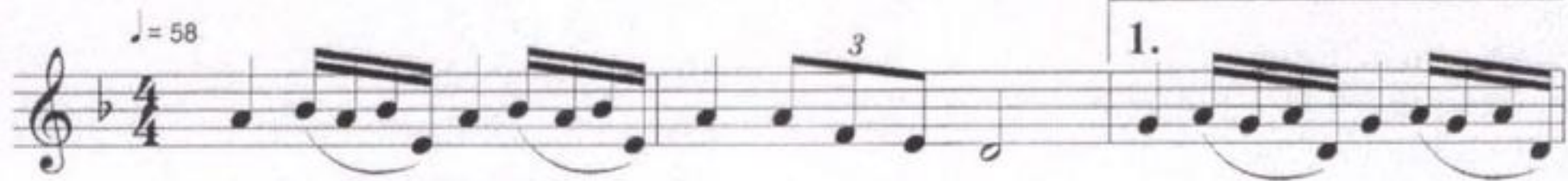
Ban Thực Hiện chân thành cảm ơn quý văn thi sĩ, hơn mười năm qua đã đều đặn gửi sáng tác về cho chúng tôi, để *Viết&Độc* có cơ hội đến với độc gia mỗi năm một lần như món quà trao cho nhau trong dịp xuân về. Năm nay, vì bất ngờ bị trở ngại kỹ thuật vào phút chót nên có bài không đến được với độc gia trong Đặc San Xuân Nhâm Thìn 2012 này, xin tác gia cũng như độc gia vui lòng bỏ qua.

Song song với việc đóng góp những sáng tác còn là sự đón nhận nhiệt tình của quý bạn *Độc*, đây là sự khích lệ tinh thần rất lớn giúp cho *Viết&Độc* sống còn. Cùng với việc ủng hộ tinh thần, quý vị đã ủng hộ cả vật chất, đặc biệt năm nay: Nguyễn Tấn Vinh 200 Kr và Trần Văn Nho 300 Kr.

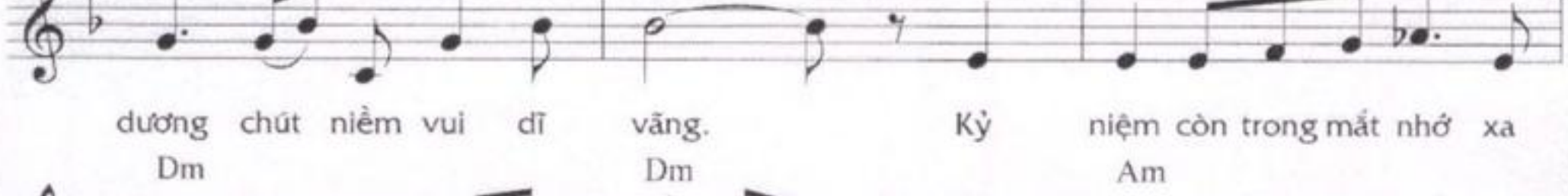
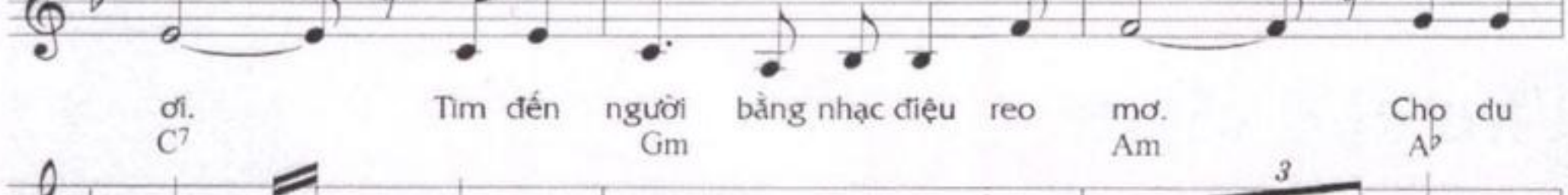
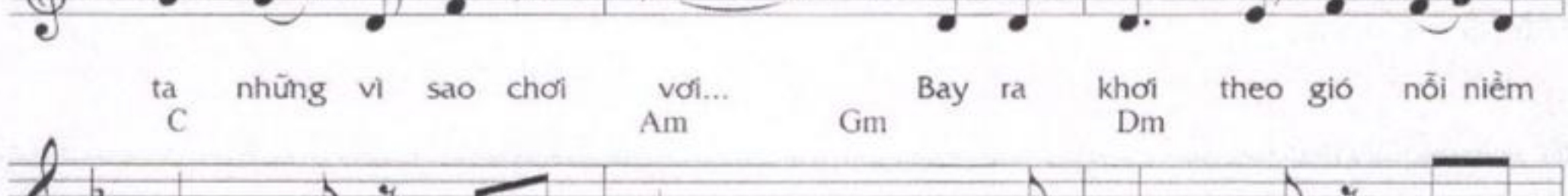
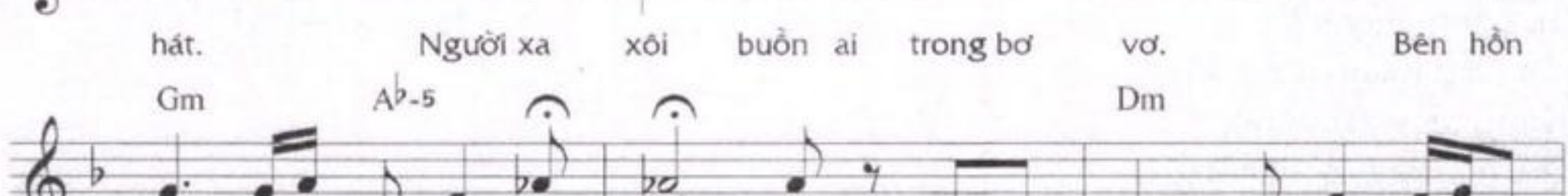
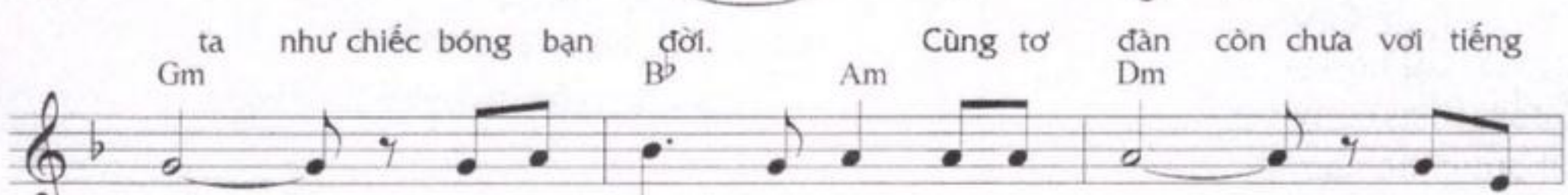
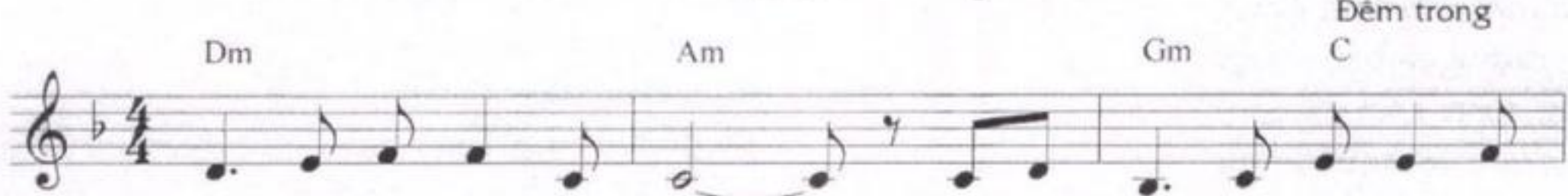
Và sau hết, *Viết & Độc* kính chúc toàn thể quý thân hữu góp mặt trong Đặc San Xuân Nhâm Thìn 2012 và bạn đọc khắp nơi một năm mới an khang thịnh vượng.

Tiếng vĩ cầm đêm

Thơ : Trường Đình
Nhạc : Trần Thụy Minh



Nhạc dạo (tiếng vĩ cầm độc tấu)



Copyright (C) - materials. No redistribution without the authors' consent

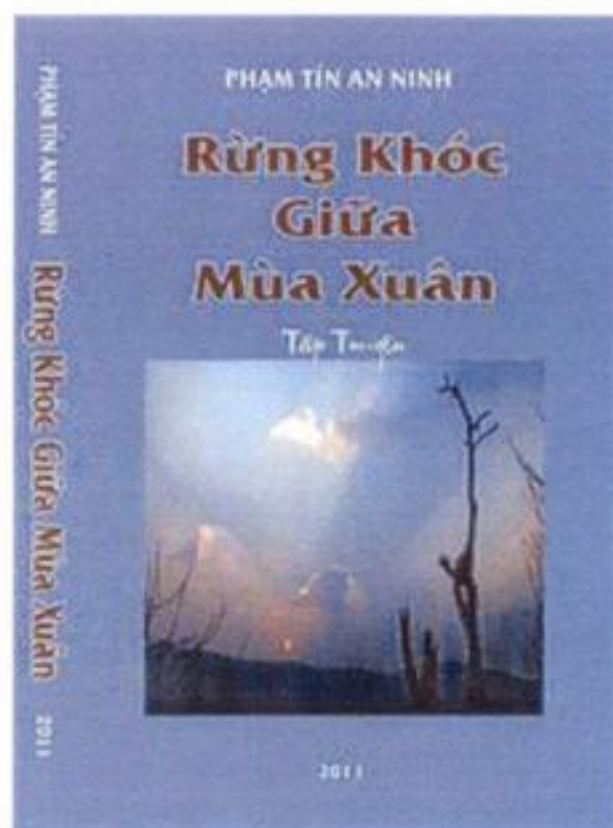
C7 Am rall..... B7
 âm còn lại. Nét ai cười như ủa lạnh đời mỗi... Mưa đơn
 Dm Dm7 Am Gm C
 côi trong áo trắng hình hài. Mơ ước nào còn đó hay chia
 F B7 Gm C C7
 phôi. Đêm trên vai xanh xao ngàn tiếc nhớ. Thiết
 Am A7 Dm Để hết ...
 tha đời cùng lá mộng bay xa... (Tiếng vĩ cầm dạo để hết)
 1.
 2. Hết

Bergen, 09.10.2003

Thân ái tặng đặc biệt đến Trường Đình, Linh Chi và Trần Đại Phước để kỷ niệm những ngày cùng sinh hoạt trên diễn đàn Nhạc Việt.

Trần Thụy Minh

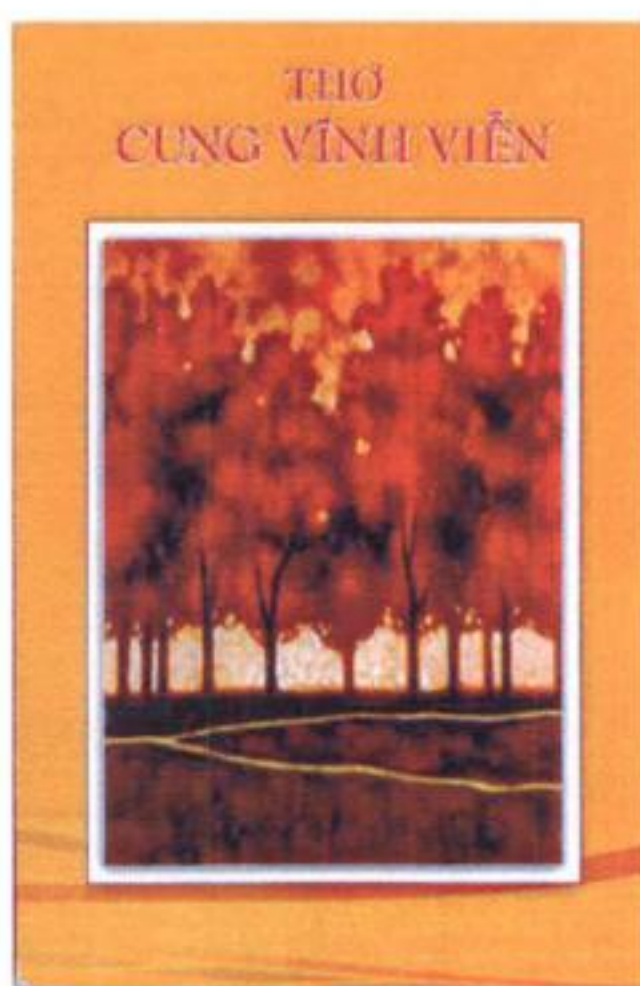
<http://hathaykhongbanghayhat.org/node/6683>



Viết Đọc hân hạnh giới thiệu tập truyện thứ hai của nhà văn **Phạm Tín An Ninh**, hiện cư ngụ tại Na-uy. Sở trường của ông là viết về những người lính Việt Nam cộng hòa, và số phận của họ sau ngày mất nước. Cách kể chuyện của ông nhẹ nhàng, nhưng rất chân thành, dễ làm người đọc cảm động hòa mình vào câu chuyện cho đến đoạn kết luôn có hậu và đầy tình người.

Giá bán: 20 Mỹ Kim

Liên lạc mua sách qua e-mail phamtinanninh@yahoo.no



Viết Đọc hân hạnh giới thiệu tập thơ của nhà thơ **Cung Vĩnh Viễn**, xuất bản 2011.

Thơ từ một cuộc dạo chơi gần hết vòng sinh tử, là âm bản của một cõi sống rất người. Thơ Cung Vĩnh Viễn mỗi ngày vẫn bao dung nở thêm những đóa lòng yêu dấu xưa, dù tuổi hạc đã vào cổ lai thất thập, hiểu rằng sống đời là không dễ!

UYÊN NGUYỄN (Trích từ bán nguyệt san Quán Vãn, số ra ngày 26/10/2011)

Sách không in giá bán. Bạn đọc yêu thơ xin liên lạc tác giả qua e-mail cungvinhvien@yahoo.no